NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ DIỄN-THUYẾT

Người ta ở đời ai cũng có lúc cần phải ra nói chỗ công-chúng. Dù không phải là nhà chính-trị phải bàn-bạc ở nơi nghị-viện, nhà hộ-biện phải chống-cãi ở trước tòa án, hay là ông giáo-sư phải giảng-nghĩa cho học-trò nghe, mà ai ai cũng thường có dịp hoặc phải đọc bài viếng, hoặc phải tặng lời khen, hoặc phải cám ơn, hoặc phải chúc mừng, hoặc phải giới-thiệu một người, hoặc phải tự-thuật một việc, hoặc phải hiểu-dụ cho kẻ dưới, hoặc phải trình-bày với người trên, hoặc phải phân-giải điều phải điều trái, lẽ thiệt lẽ hơn, v. v., nghĩa là phải ra đứng nói ở chỗ đông người, hết thảy đều nghiêng tai chú mục mà nghe mình, mình phải nói làm sao cho người ta nghe được, khiến người ta cảm lời mình nói, chịu lẽ mình bàn. Đó tức gọi là diễn-thuyết hay là biện-thuyết. Nói chuyện thường trong một đám răm ba người gọi là đàm-thoại, đàm-thoại thời nói thế nào cũng được, không có phương-pháp gì, vì những người ngồi đấy thường-thường là người quen biết, kẻ bạn thân, không cần phải tu-sức lời nói cho lắm; vả lắm khi lại là câu chuyện chung, mỗi người nói một lời, không phải một người nói từ đầu chí cuối để cho cử-tọa đều nghe. Nhưng diễn-thuyết là nói chỗ công-chúng cho nhiều người nghe, thời tức là một thuật riêng, có những phép-tắc riêng, người diễn-thuyết cần phải biết.

Diễn-thuyết là một nghệ-thuật, không phải là một khoa-học, khoa-học với nghệ-thuật có khác nhau : khoa-học là cái gì có thể truyền-dạy, hễ biết thời làm được ; nghệ-thuật là cái gì không thể truyền-dạy hết được, phải cần có tài-năng tư-cách riêng. Nay diễn-thuyết là một nghệ-thuật cũng như làm thơ, đánh đàn, nghĩa là tuy có những phép-tắc có thể truyền-dạy, mà ngoài phép-tắc ấy lại phải có một cái tài riêng không phép nào thay được. Ta thường nghe nói : « Người này có tài ngôn-ngữ, người kia có tài khẩu-biện ; anh này mồm-mép giỏi, anh kia nói - năng hoạt », đó là cái tư-cách riêng của người ta, dẫu mấy bộ sách dạy về thuật biện-thuyết cũng không thể làm cho người không có tài ấy thành ra có được. Nhưng người đã có tài riêng cũng phải trau-dồi tập-luyện mới được hoàn-toàn. Mà người không có tài riêng lại cần phải học-tập hơn nữa, cần phải giảng-cứu những phương-pháp trong nghề diễn-thuyết, ngõ-hầu cho có thể bổ-cứu được ít nhiều vậy.

Ký-giả lâu nay vẫn để tâm về thuật diễn-thuyết, thường khảo-cứu các sách, suy nghĩ cũng nhiều, nay nhân thấy quốc-dân đã nhiều người xu-hướng về lối diễn-thuyết, muốn đem ý-kiến riêng, bàn - bạc một đôi lời, hoặc có điều dùng được cũng mong tích một đôi phần cho một nghề mới nhóm lên ở nước ta mà là nghề rất cần trong thời-đại bây giờ.

I

Nghề diễn-thuyết đời nào cũng là

trọng, mà đời này lại là cần lắm nữa. Sự sinh-hoạt của người ta, việc giao-tế trong xã-hội càng ngày càng phiền-phức, thời những dịp phải dùng đến lời nói để thông-đạt các tư-tưởng lại càng nhiều. Văn-từ cũng là một cách để thông-đạt tư-tưởng, nhưng văn-từ sánh với diễn-thuyết hiệu-lực có khi không mạnh bằng. Lời văn truyền đi được xa, nhưng có lẽ cảm không được sâu bằng lời nói. Bài văn dầu hay đến đâu vẫn là một đám mực đen trên giấy trắng, người đọc phải chú tinh-thần lắm mới hình-dung cảm-giác được cái vẻ linh-hoạt trong câu thơ câu văn. Đến như diễn-thuyết thời người có tài hùng-biện giọng nói giống-giả như tiếng kèn đồng, rập-rình như hồi trống trận, thu-thập nhân-tâm trong giây phút, kích-thích huyết-khí như điện truyền, mạnh biết bao nhiêu !

Lại còn một lẽ nữa, là đời nay chuộng lấy mau. Đọc một bài văn phải thong-thả ngẫm-nghĩ mới lý-hội được hết ý-nghĩa tinh-thần, mất nhiều thì giờ hơn là ngồi nghe một bài diễn-thuyết, người nói phải đàn diễn cái tư-tưởng mình thế nào cho người nghe không khó nhọc gì mà hiểu được ngay. Chắc rằng diễn-thuyết không thể nói thâm-trầm như văn-chương được, nhưng mau và mạnh hơn văn-chương biết bao nhiêu. Bởi thế nên diễn-thuyết thật là một cái lợi-khí ở đời nay, cái lợi-khí ấy người các nước đều biết khéo dùng cả, người nước mình cũng phải nên tập dùng cho bằng người vậy.

Cứ thực thời nghề diễn-thuyết ở nước ta xưa nay hầu như không có. Trừ khi ra việc làng là chỗ phải bàn nói ít nhiều, còn người mình cũng không có dịp gì là cần phải tuyên-bố ý-kiến cho nhiều người nghe. Quan hiểu-dụ cho dân thường bằng trát bằng sức. Còn những lối bình văn, đọc chúc, đọc tế thời là một cách ngâm riêng, không phải là cách nói thường.

Ở các nước thời không thế. Ngay ở nước Tầu về đời Xuân-thu Chiến-quốc đã có một hạng người gọi là hạng du-thuyết đi khắp các nước chư-hầu để đem chính-kiến hiến cho các bậc vua chúa, nhiều người vì tài khẩu-biện mà được đắc-dụng với đời. Ở các nước Thái-Tây, nhất là Hi-lạp La-mã đời xưa, nghề biện-thuyết lại thịnh-hành lắm nữa. Các nhà tây-học ta chắc ai cũng biết ông DÉMOSTHÈNE ở Hi-lạp, ông CICÉRON ở La-mã là hai tay biện-sĩ trước-danh của Âu-châu đời xưa, dầu ngày nay cũng vẫn lấy phép biện-thuyết của hai ông làm mẫu vậy.

Đại-để ở các nước Âu-châu, từ cổ-đại đến cận-đại, bao giờ nghề biện-thuyết cũng vẫn thịnh-hành, đời nào cũng có những tay biện-sĩ có tài, còn lưu-danh trong sử-sách. Về cổ-đại, ở Hi-lạp La-mã, nhân cái chế-độ cộng-hòa, người dân có quyền nghị-luận việc nước, nên có nhiều những tay biện-sĩ về chính-trị. Về trung-cổ, tôn-giáo thịnh-hành, các học-viện giảng-cứu về các khoa thần-học nhiều, nên có nhiều những tay biện-sĩ về tôn-giáo. Về cận-đại, nhân cái phong-trào tự-do dân-chủ, nhân cái chính-thể đại-biểu lập-hiến, mà nghề biện-thuyết về chính-trị lại thịnh-hành hơn xưa ; lại nhân các chế-độ về quyền tư-pháp mở-mang thay-đổi mà nghề biện-thuyết ở pháp-viện được phát-đạt khoáng-trương. Nói tóm lại thời các nước văn-minh Âu-châu, trong khoảng hơn hai nghìn năm, về các môn trong khoa ngôn-ngữ, thật đã từng có kinh-lịch nhiều. Cho nên bàn về nghề diễn-thuyết, không thể không xét các nhà biện-sĩ Âu-châu từ xưa đến nay đã kinh-nghiệm về nghề ấy thế nào. Vậy xin chia ra hai phần : trước nói về thuật biện-thuyết ở Âu-châu duyên-cách và hiện-trạng thế nào, sau bàn về nghề diễn-thuyết ở nước ta nên mô-phỏng Thái-Tây mà

lập-định phương-châm thế nào vậy.

II

Về nghề biện-thuyết cũng như về văn-chương, về triết-học, các nước Âu-châu vẫn lấy các tiền-triết Hi-lạp La-mã làm mô-phạm. Các bậc ấy giải-nghĩa thuật biện-thuyết là cái « thuật làm cho người ta chịu tin và phục lẽ » (*l'éloquence est l'art de persuader et de convaincre*). Ông CICÉRON trong sách « Biện-thuyết luận » (*De Oratore*) nói rằng : « Mục-đích nhà diễn-thuyết có ba điều : một là thuyết-minh, hai là khoái-trá, ba là cảm-động người ta. » (*Le but de l'orateur est de prouver, de plaire et de toucher*). Vậy thời nhà diễn-thuyết trước phải bày các lẽ của mình cho người ta nghe, sau phải dùng những lời khôn-khéo để cho người ta thích mà chịu nhận, sau lại phải mượn những giọng hùng-hồn để cho người ta cảm mà phải theo. Nhà diễn-thuyết mà khiến được người nghe phục lẽ mà cảm theo mình, thế là đạt được mục-đích vậy.

Cứ suy đó thời trong thuật diễn-thuyết phải có ba mối lớn : một là « lý », hai là « tình », ba là « tình ». Lý là cái lẽ-phải công-nhiên, mình muốn tỏ bày cho người ta biết. Phần này là quan-trọng nhất, vì muốn nói phải có lý, nếu nói vô-lý thời dẫu nói khéo đến đâu cũng không ai nghe được. Song lý tuy có một mà mỗi người quan-sát ra một phương - diện riêng. Phương-diện riêng ấy là cái ý-kiến riêng của mỗi người. Nhà diễn-thuyết phải lập ý-kiến của mình cho chánh-đáng, nghĩa là tuy là cách quan-sát riêng nhưng cũng phải cho thích-hợp với lẽ công mới được. Ý-kiến đã định rồi, phải biết suy-diễn ra cho rõ-ràng, chứng-minh vào cho đủ lẽ, đó là về phần lý. Nhưng lẽ phải giữa đời khó lòng khiến cho người đời chú-ý. Muốn cho người ta thiết đến phải đem hết tài-năng của mình mà làm cho người ta đẹp ý thuận tình, nghĩa là phô bày cái tính-cách mình cho tốt-đẹp dễ yêu. Nay thí-dụ cho dễ hiểu, người diễn-thuyết muốn cho người nghe mình khác nào như người mê gái muốn cho gái theo mình, phải tu-sức lời ăn tiếng nói, cách đứng điệu ngồi cho diễm-lệ khả-ái, mong lấy đẹp lòng mĩ-nhân. Đó là thuộc về tình : tình đây nghĩa là gồm tài - năng tư-cách riêng của mỗi người, tức là nhân-cách, tính-cách vậy. Người diễn-thuyết đã có được hai mối lý và tình đó là đã đạt được ý-kiến mình cho người nghe rồi. Nhưng thế cũng chưa đủ, lại phải làm thế nào cho người ta nghe mà cảm-động nữa. Muốn cảm-động, phải dụng đến « tình ». Tình là « thất - tình », là gồm những mối quan-cảm trong lòng người. Dụng tình thời phải trước siển-phát mối quan-cảm trong lòng mình, sau mới kích-động được mối quan-cảm trong lòng người. Nghĩa là muốn cảm-động người ta phải tự mình cảm-động trước, hoặc làm ra bộ cảm-động (đó là một phương-thuật, dưới này sẽ bàn tường). Như việc đáng giận ư, đáng thương ư, đáng vui ư, đáng buồn ư, đáng cảm-phục hâm-mộ ư, tự người diễn-thuyết phải làm ra giọng hâm-mộ, cảm-phục, buồn, vui, thương, giận, thời mới khiến cho người nghe cũng giận, cũng thương, cũng vui, cũng buồn, cũng cảm-phục, cũng hâm-mộ vậy.

Đó là tôn - chỉ thuật biện-thuyết. Nay xét đến những phương-châm phép-tắc trong thuật biện-thuyết như sau này.

III

Các tiền - triết Hi-lạp La-mã cùng các học-giả Âu-châu đời nay đều phân trong thuật biện-thuyết có ba bộ-phận lớn : một là « sáng-ý » (*invention*), hai là « bố-cục » (*disposition*), ba là « lập-từ » (*élocution*). Lại có một vài nhà

thêm hai khoản nữa là « ký-ức » (*mémoire*) và « cử-động » (*action*).

Soạn một bài diễn-thuyết, việc thứ nhất chắc là phải định cái chủ-ý thế nào, rồi tìm những ý-tứ, viện những chứng-lẽ để giúp vào cái chủ-ý đó, tức cũng như làm văn trước phải cấu-tứ vậy. Thế gọi là « sáng-ý ». Sáng-ý nghĩa là nghĩ ra các ý-tứ, suy ra các chứng-lẽ, tức là tìm-tòi cóp-nhặt những tài-liệu để dựng ra bài diễn-thuyết. Những tài-liệu này, thời tùy mỗi thể diễn-thuyết mỗi khác, không thể gồm mà giải một câu cho hết được. Nhưng nhà diễn-thuyết bao giờ cũng phải định cái chủ-ý cho chánh-đáng, cho phân-minh, khác nào như lập cái trụ-cốt cho cả bài diễn-thuyết của mình; có lẽ nhà diễn-thuyết lại cần phải lập-ý rõ-ràng hơn nhà làm văn nhiều, vì nhà làm văn còn có khi lãng-mạn hoài-nghi được, chớ nhà diễn-thuyết thời dù nói đông nói tây thế nào, lan-man suy-diễn đến đâu, rút lại bao giờ cũng phải qui-nạp về một cái lẽ cốt-yếu, khác nào như câu kết-luận trong một bài, khiến cho người nghe khi đứng lên dầu không nhớ được hết cả cũng biết rằng diễn-giả định nói cho mình nghe cái đại-ý như thế. Nhiều người diễn-thuyết không lập-ý phân-minh trước, lúc nói lan-man, đến khi đứng giậy người nghe không biết nói những gì! Đã định chủ-ý rồi, bấy giờ mới viện lẽ, tìm chứng, càng suy-diễn được rộng, càng sưu-tập được nhiều, càng như thêm vây-cánh cho cái chủ-ý kia, nhưng bao giờ cũng phải quay về đó, đừng để cho xa-lạc mất đầu bài. Những chứng, những lẽ đó, tức là những tài-liệu của bài diễn-thuyết, mà những tài-liệu này thời như trên kia đã nói, tùy mỗi thể mỗi khác. Tỉ như diễn-thuyết về tài-chính thời phải kê số-mục cho nhiều, định tỉ-lệ cho đúng, bằng-chứng cho rộng, kết-luận cho xác; lại như chống-cãi trước tòa-án, thời phải dẫn-chứng bên nguyên bên bị, cân nhắc bên lý bên tình, đàn đi bạch lại, phản-phúc xoay-vần, kiện nghĩa từng điều luật, biện-bác từng lời khai, cốt phá cái nghi-án của quan chưởng-lý và chứng rằng kẻ bị cáo không đáng tội, v. v. — Phần « sáng ý » này là phần quan-trọng nhất, vì chính là cái khung cái cốt của bài diễn-thuyết vậy.

Đã « sáng-ý » rồi, nghĩa là đã đủ tài-liệu rồi, phải xếp-đặt cho có thứ-tự, phô-bày cho có từng lớp. Đó là phần « bố-cục. » Bố-cục nghĩa là bày cuộc, như ra trận đặt thế quân, đánh cờ bày thế cờ vậy. Xét các sách « tu-từ học » (*rhétorique*) của Hi-lạp La-mã cũ thời phép bố-cục phải theo thứ-tự như sau này: trước là « khai-mào » (*exorde*), rồi đến « lập-luận » và « phân đoạn » (*proposition et division*), rồi đến « tự-thuật » (*narration*), rồi đến « dẫn-chứng » (*preuve ou confirmation*), rồi đến « biện-bác » (*réfutation*), sau hết đến « kết-luận » (*péroraison*). Không phải bài diễn-thuyết nào cũng phải có bấy nhiêu phần đâu; nhưng bài diễn-thuyết hoàn-toàn thời đại-để phải bố-trí theo thứ-tự như thế. Khai mào là mấy câu giáo-đầu; đại-khái như cám ơn người nào hay là hội nào đã mời mình đến nói, chúc mừng ông nào hay là vị nào đã chiếu-cố lại nghe, hoặc dùng lời khiêm-tốn mà nói nhũn rằng mình vô-tài, xin người rộng thứ, hoặc kể những nông-nỗi khó-khăn thuộc về đầu bài mình phải diễn hay là cơ-hội lúc bấy giờ, v. v.; cách giáo-đầu là tùy người tùy cảnh, vạn-trạng thiên-hình, không thể sao nói cho xiết được. Có khi người diễn-thuyết đột-ngột bắt đầu nói: « Tôi xin vào đầu bài ngay, không dám theo thói thường dùng những lời giáo-đầu dềnh-dang vô-ích để mất thì-giờ của các ngài, v.v. », ấy thế cũng lại là một cách giáo-đầu

giản-dị vậy. — Lập-luận hay là mệnh-đề, là đề-xướng đầu bài lên, và nói qua ý mình định trị ra phương - diện nào. Phần này không cần phải nói dài, cốt là trình bày cái vấn-đề cho rõ-ràng, cho người nghe biết rằng câu hỏi như thế và ý mình định trả lời ra thế nào. Bất-tất phải nói ngay câu trả lời, nên để về phần kết - luận ; chỉ nên chỉ qua ý mình định giải - quyết ra phương-diện nào mà thôi. — Vấn-đề nào cũng có thể phân ra nhiều đoạn, có phân-đoạn thời mới giải-thích được rõ-ràng, nếu cứ để hồn-nhiên thời khó lòng xét được hết các mành-mối. Phân-đoạn, nghĩa là chia đầu bài ra nhiều đoạn, rồi dưới cứ trục đoạn mà xét lần lần. — Đã phân-đoạn rồi, phải tự-thuật, nghĩa là cứ theo từng đoạn mà kể hết các việc các lẽ thuộc về mỗi đoạn. Tự-thuật cốt lấy rõ-ràng. Kể việc thời phải có đầu-đuôi, thuyết-lý thời phải cho xác-tạc. — Nhưng mà những lẽ những việc thuật ra đó, vì cứ nói không, không có chứng-cớ, thời có khi người ta cho là tự mình cấu-tạo ra, không có giá-trị gì. Vậy thời tự - thuật xong lại phải dẫn - chứng. Dẫn-chứng càng rộng càng hay, nhưng cốt phải cho thiết với việc mình nói, lẽ mình bàn. Nếu lẽ đã tự-nhiên rõ-ràng, việc đã hiển-nhiên đích-xác rồi, thời bất-tất phải dẫn-chứng làm chi cho rườm. Nhưng nếu việc còn có thể hồ-nghi được, lẽ còn có chỗ chưa xác-đáng, thời bao giờ cũng phải dẫn-chứng: « nói có sách, mách có chứng », câu ấy đối với thuật diễn-thuyết lại là cần lắm, vì có thế mới khỏi cái tệ thanh-đàm vu-khoát và khiến được người nghe phải phục phải cảm. — Trong khi dẫn-chứng thời chắc là chỉ viện những việc những lẽ giúp được cho cái thuyết của mình, nhưng cũng có khi gặp những lẽ những việc trái lại, thời phải thừa-cơ mà biện - bác ngay, phá cho tan, diệt cho hết. Hoặc không thời cũng phải dự-phòng hoặc có người phản - đối mình mà tự mình giả-thiết ra một cái thuyết trái lại để ra tay mà phản-đối trước. Như thế là giữ thế thủ mà phải biết dùng thế công vậy. — Lẽ mình đã phát-minh, lẽ người đã biện-bác, thế là cái thuyết của mình đã vững-vàng rồi. Bấy giờ phải kết-luận, nghĩa là gồm cả đại-ý bài diễn-thuyết lại bằng mấy câu hùng-hồn cảm-động, khiến cho người nghe phải kích-thích mà lưu-tâm chú-ý vào lời kết cả toàn-thiên. Dù đầu-bài tầm-thường giản-dị thế nào, đến đoạn sau cùng này cũng phải có mấy câu văn-chương cao-cảm thời mới nổi. Nói suốt từ đầu chí cuối, khác nào như trèo lên ngọn núi, dù cao dù thấp, đến chỗ kết cũng là nơi tuyệt-đỉnh, tới đó phải bao-quát được cả con đường đã trải, nhìn rộng được khắp cái cảnh chung-quanh vậy.

Bố-cục về diễn-thuyết cũng như là dàn bài về văn-chương. Dàn bài rồi thời phải hành-văn, bố-cục rồi thời phải « lập-từ » ; lập-từ tức cũng là một cách hành-văn. Lập-từ nghĩa là đặt lời nói, phô những ý-kiến, những sự thực minh vừa kết-tập bố-trí ở trên ra lời nói. Phần này cũng quan-trọng lắm, cứ lấy biểu-diện mà xét có lẽ lại quan-trọng hơn hai phần trên nhiều. Vì dẫu tư-tưởng tầm-thường, bố-trí không khéo, mà đặt lời hay, phô-diễn đẹp, thời thế nào cũng nói được, người nghe không sành vị-tất đã nhận ra nơi khuyết-điểm, người sành bất-quá cho là một cách ngụy-biện, mà cuộc diễn-thuyết không khi nào đến phải thất-bại. Chớ như có tư-tưởng hay, biết xếp-đặt khéo, mà nói ra không đạt thời nguy lắm. Bởi thế nên có người có học-vấn, có tri-thức mà đến khi lên diễn-đàn không khỏi ngập-ngừng lúng-túng ; có kẻ học-thức tầm-thường mà hễ mở miệng nói là nói hoạt như không, dẫu tế-nhận ra từng

câu không có ý-tứ gì lỗi-lạc, nhưng nghe nói dễ-dàng chôi-chẩy như thế, người nghe cũng phải vui tai. Đó là một cái tài đặc- biệt, một cái khiếu tự-nhiên, người nào có là may, người nào không cũng là một sự thiệt. Người nào có cái khiếu thông - hoạt riêng ấy là người ấy có tư-cách về nghề diễn-thuyết, nếu biết luyện-tập khéo thời dễ trở nên một tay biện-sĩ giỏi. Người nào không có khiếu ấy thời có học-tập cũng có thể bồ-cứu được ít nhiều. Tục truyền rằng ông DÉMOSTHÈNE là tay hùng-biện đại-danh ở nước Hi-lạp đời xưa, thủa nhỏ nói ngọng và giọng yếu lắm, thật không có tư-cách về nghề biện-thuyết ; vậy mà ông hết sức tập-luyện, ngày đêm chép đi chép lại những bài văn diễn-thuyết cũ của các danh-nhân đời trước, tụng đọc không rời, có khi hàng tháng không ra khỏi cửa nhà ; người ta lại nói ông thường ngậm sỏi vào miệng, ra đứng ngoài bờ biển, hô-hào trước sóng, cho kỳ tiếng mình át được tiếng sóng, để tập cho quen những tiếng ồn-ào ở nơi công-chúng. Có kẻ ghen-ghét ông nói rằng mỗi bài diễn-thuyết của ông như có mùi dầu, có ý chê rằng ông chẳng tài-giỏi gì, chẳng qua là chịu khó thức đêm, cặm-cụi dưới đèn mà mài-rũa từng câu mà thôi. Ông trả lời rằng : « Phải, tôi chịu khó thức đêm, nhưng thiết-tưởng cái thức đêm của tôi với cái thức đêm của thiên-hạ cũng có khác nhau. » — Coi truyện đó thời biết rằng nghề diễn-thuyết có tập cũng có hay vậy.

Nay nói về lập-từ thời cứ theo các sách tây thường chia lời văn diễn-thuyết ra làm ba lối : một là văn giản-dị (*style simple*), hai là văn bình-hòa (*style tempéré*), ba là văn cao-nhã (*style sublime*). Văn giản-dị là văn nói những sự tầm-thường, cốt lấy rõ-ràng vỡ-vạc, không cầu văn-chương gì. Văn bình-hòa là lối không cao không thấp, vừa phải trung-bình, không vụ lấy diễm-lệ quá mà thành ra cầu-kỳ, nhưng cũng không để cho sồ-sàng quá mà thành ra bỉ-lậu, cốt lấy hòa-bình ôn-nhã làm đầu. Phàm làm văn diễn-thuyết, nên tập lấy lối này là hơn cả. Đến văn cao-nhã là lối cao-thượng hùng-hồn, để cảm-động kích-thích người ta; lối này phải cho tự-nhiên, nếu cố-ý làm ra hùng-hồn thời không hay. Đại-để ba lối đó không phải cách-biệt nhau, trong một bài có thể gồm cả ba lối được, phải tùy-nghi mà tham-dụng, cốt là cho hợp ý hợp cảnh vậy.

Sáng-ý, bố-cục, lập-từ là ba phần cốt-yếu trong thuật diễn-thuyết. Nhưng nhà diễn-thuyết đứng trên diễn-đàn khác nào như con hát đứng trên sân khấu. Con hát trước khi ra đóng tuồng phải thuộc cái vai của mình, lại phải tập những giáng-bộ thuộc về vai ấy. Nhà diễn-thuyết tuy không phải múa-may quay-cuồng, reo-hò dậm-dật như con hát, nhưng cũng cần phải thuộc bài, cũng cần phải có bộ. Cho nên ngoài ba phần sáng-ý, bố-cục, lập-từ, có người lại thêm hai phần ký-ức và cử-động nữa. Ký-ức là nhớ, là thuộc; cử-động là bộ, là giáng. Đương khi diễn-thuyết, chợt quên đi mất, thật là nguy-hiểm ; lại trong lúc diễn-thuyết, ngồi trơ như gỗ, không nhích không động, hay là cứ cầm cồ mà đọc như người tụng kinh, cũng là khó coi quá. Bởi thế nên ký-ức và cử-động hai phần đều là cần cả.

Nói về ký-ức thời có một vấn-đề khó giải cho các nhà diễn-thuyết : là diễn-thuyết có nên viết sẵn trước, hay là để ứng - khẩu ? Viết sẵn trước thời nên cầm giấy đọc hay là đọc thuộc lòng ? Vấn-đề này không giải-quyết nhất-định được, phải để tùy tài của mỗi người : có người có viết sẵn mới nhớ được, có người hễ lâm-thời ứng-khẩu ngay. Nhưng các nhà làm sách đều khuyên rằng dẫu

những nhà có tài ngôn-ngữ cũng không nên thi-tài quá, và phàm diễn-thuyết bao giờ cũng phải sửa-soạn trước cho cẩn-thận, hoặc là viết sẵn cả bài mà học thuộc lòng trước, hoặc là viết những phần cốt-yếu, còn những câu đưa-đẩy thời lâm-thời ứng-khẩu, hoặc chỉ xếp đặt đại-ý, rồi đến lúc ra nói mới tùy-thời đặt câu ; nhưng dù theo cách nào cũng phải thuộc đầu bài cho kỹ, nếu không viết ra thành câu cũng phải sắp sẵn trong trí trước, không nên để cho đến lúc nói phải lúng-túng tìm câu hay là mập-mờ quên ý. Cách học thuộc lòng tuy là chắc hơn nhất, nhưng cũng nhiều khi gặp sự bất-ngờ, như đương nói nửa chừng, quên bẵng đi mất, mà phàm đã quên như thế tất phải ngơ-ngác một lúc, không thể đặt liền câu khác mà thay ngay vào được. Cho nên nhà diễn-thuyết bao giờ cũng phải tập biết ứng-khẩu, và cách hay hơn nhất là vừa thuộc lòng vừa ứng-khẩu, thuộc lòng những câu cốt-yếu, ứng-khẩu những câu đưa-đẩy, lợi-dụng cả ký-ức, cả trí-tuệ, hai bên bổ-trợ cho nhau. Còn cách dụng ký-ức thời không nên học thuộc lòng từng câu từng chữ, phải nên nhận kỹ mạch-lạc ý-tứ, câu dẫu có quên còn thể đổi, mạch mà đã đứt thời khó nối vậy.

Nói đến cử-động thời người diễn-thuyết phải có cái thái-độ hoạt-bát, tuy không phải vận-động như người mần tuồng, nhưng không nên trơ-trơ như cái tượng gỗ. Dù nói gì cũng phải có giáng-bộ linh-lợi, như nói câu nào có cảm câu ấy, vui thời nét mặt tươi-cười, buồn thời nét mặt rầu-rầu, tức-giận thời dậm chân dẫn tay, cảm-kích thời hình-dung tỉnh-túc ; cãi lẽ thời hăng-hái, phân-giải thời ôn-tồn, nói đùa thời tủm-tỉm , nói mát thời lặng-lẽ, v. v. Nói tóm lại thời người diễn-thuyết phải dùng cử-động để giúp cho lời nói có ý-vị, có tinh-thần, thêm cho lời nói được mạnh-mẽ, được cả-quyết. Người diễn-thuyết chỉ khác cái máy nói là có cử-động linh-hoạt vậy.

IV

Trở lên là những phương-pháp của các học-giả Thái-Tây đã kinh-nghiệm thuộc về thuật biện-thuyết. Nay xin nói qua mấy câu về các lối diễn-thuyết. Theo các sách cũ Hi-lạp La-mã thời chia diễn-thuyết ra có ba lối : một là lối « chỉ-biện » (*genre démonstratif*), hai là lối « nghị-biện » (*genre délibératif*), ba là lối « án-biện » (*genre judiciaire*). Các học-giả giải nghĩa lối chỉ-biện là thuộc về hiện-tại, vì là chỉ-thị những việc hiện-thời, như khen-chê người này kẻ khác, bình-phẩm sự nọ việc kia ; nghị-biện là thuộc về tương-lai, vì là bàn-bạc trù-tính những việc về sau ; án-biện là thuộc về quá-khứ, vì là biện về những việc đã qua rồi để nghĩ án thế nào. Song cách phân-loại này, tuy thuộc về cổ-điển, mà xét ra không khỏi hơi miễn-cưỡng, không lấy gì làm xác-đáng. Theo các học-giả đời nay thời chia ra năm lối như sau này: một là diễn-thuyết về chính-trị (*éloquence politique ou de la tribune*), hai là diễn-thuyết về quân-sự (*éloquence militaire*), ba là diễn-thuyết về tôn-giáo (*éloquence de la chaire,*) bốn là diễn-thuyết về việc án (hay là lối bộ-biện = *éloquence du barreau*), năm là diễn-thuyết về văn-học (*éloquence académique*).

Diễn-thuyết về chính-trị ngày nay phần nhiều là diễn-thuyết ở các nơi nghị-viện về các việc chính-trị trong nước. Lối này chỉ ở các nước dân-chủ hay lập-hiến, người dân có quyền cử người thay mặt để tham-dự việc nước, mới thịnh-hành, còn ở những nước quân-chủ chuyên-chế hay là những nước không có quyền chính-trị thời cổ-lai không bao giờ có. Bởi vậy nên đời xưa, trừ ở Hi-lạp, La-mã theo chính-thể cộng-hòa, còn suốt

trong thế-giới không nước nào từng có lối diễn-thuyết này. Ngày nay thời khắp các nước Âu Mĩ và những nước duy-tân ở Á-châu đều có nghị-viện cả, cho đến những nước còn giữ chính chuyên-chế như nước Xiêm, hay là đã mất quyền tự-chủ như nước ta, hiện cũng đặt những hội tư-vấn, viện cố-vấn để hỏi-han về việc chính-trị. Song điều cần thứ nhất cho lối diễn-thuyết này thịnh-hành được là trong nước phải có quyền ngôn-luận tự-do. Nếu nói tất phải dùng lời su-mị, bàn không được biện đến hết lẽ, thời nghề biện-thuyết không đời nào phát-đạt được. Nay lối diễn-thuyết về chính-trị ngày nay có khác ở Hi-lạp La-mã đời xưa nhiều : ở hai nước ấy thời người diễn-thuyết đứng ngay chỗ thị-tứ, nói trước mặt công-dân, nên cách biện-thuyết cần phải hùng-hồn mạnh-bạo mới cảm-kích được công-chúng ; ngày nay thời ông nghị-viên bước lên diễn-đàn là nói cho các ông nghị-viên khác là những người đồng-bối mình nghe, và thường khi là nói riêng về một vấn-đề gì, trình bày ý-kiến của mình, mong cho các đồng-bối thuận-nhận mà chịu theo, như vậy thời phạm-vi có hẹp hơn mà nghị-luận lại khó hơn xưa nhiều. Cho nên những tay biện-thuyết giỏi về chính-trị đời nay toàn là những nhà chính-trị trước-danh cả, chưa từng thấy người nào không sành việc nước, chỉ ngôn-ngữ giỏi, mà ra nơi nghị-trường khiến cho người ta cảm-phục được.

Diễn-thuyết về quân-sự thời ngày xưa quân-đội còn ít, các tướng thường có dịp đứng hiệu-dụ cho quân-sĩ, như vua Nã-phá-luân trước khi ra trận hay sau khi khải-hoàn thường thân-hành diễn-thuyết cho ba-quân. Nhưng ngày nay quân-đội càng ngày càng nhiều, mỗi một sư-đoàn quân-đoàn kể hàng mấy nghìn mấy vạn con người, không vị tướng-súy nào có tài có sức mà nói cho bấy nhiêu người nghe khắp được. Cho nên ngày nay các bậc tướng-tá có việc gì bá-cáo cho quân-nhân thời thường dùng bằng tướng-lệnh. Tướng-lệnh tuy là lời viết, nhưng chủ để tuyên-độc lên, nên cũng là thuộc về thể diễn-thuyết. Tướng-lệnh truyền tự quan nguyên-súy xuống, chuyền đi khắp các quân, các lữ, các đội phải tuyên-độc cho quân-sĩ nghe, khác nào như đem cái can-đảm, cái nhuệ-khí, cái lòng danh-dự, cái chí quyết-chiến của ông chủ-tướng mà truyền khắp trong ba-quân vậy. Người ta nói rằng đạo tướng-lệnh của quan Thống-tướng Joffre hồi được trận sông Marne, lời văn hùng-kiện lắm, ai đọc cũng phải cảm. Đại-để lời văn tướng-lệnh phải cho hùng-hồn tráng-kiện, nói thẳng như tên bắn, vắn-tắt như lệnh truyền. Người ta thường truyền tướng La Rochejacquelein, hiệu-dụ cho quân-sĩ có câu rằng : « Ta tiến, theo ta ; ta lùi, giết ta ; ta chết, báo thù cho ta ! » (*Si j'avance, suivez-moi ; si je recule, tuez-moi ; si je meurs, vengez-moi !* » Ấy lời diễn-thuyết cho quân-sĩ phải quả-quyết mạnh-bạo như thế. Nước ta có bài hịch của Đức Trần Hưng-Đạo, tức là một bài văn diễn-thuyết về quân-sự tuyệt-bút.

Diễn-thuyết về tôn-giáo là các bậc giáo-sư diễn ở các nơi giáo-đường, thường thường giảng về thần-học, về đạo-đức. Lối này ở các nước Âu-châu, nhất là nước Pháp, đời nào cũng thịnh-hành lắm. Các độc-giả chắc ai cũng biết tên cụ giám-mục Bossuet là một tay biện-sĩ tuyệt-luân về thế-kỷ thứ 17 và có lẽ về suốt cả các thời-đại cổ-kim vậy. Lối này phải cao-nghiêm chỉnh-túc, hay dẫn-chứng các thánh-kinh giáo-điển ; dù bàn về lẽ tôn-giáo, dù dạy về đạo sửa mình, dù kích-động lòng từ-bi bác-ái, dù khuyên-nhủ kẻ ngoại-đạo qui-y, bao giờ lời diễn cũng phải có một cái dư-vận cao-xa khiến

cho người nghe có cái cảm-giác như Thần-minh Thượng-Đế lâm-giáng đâu trên đầu vậy.

Diễn-thuyết về việc án là lối biện-thuyết ở trước nơi pháp-viện, như quan tòa hạch tội, thày kiện chống-cãi. Nhưng thường-thường là chỉ riêng lối hộ-biện, nghĩa là lối biện-thuyết của thày kiện, nên tiếng Pháp gọi là *éloquence du barreau*. Lối này đời nay thịnh-hành lắm và có nhiều tay trước-danh lắm. Phần nhiều những nhà chính-trị có tiếng đều là những tay thày kiện giỏi cả; có thể nói rằng pháp-viện và nghị-viện là hai cái trường-sở lớn của những tay hùng-biện đời nay. Lối này tùy mỗi việc mỗi khác, không thể gồm một câu mà giải-thích được, và những việc đem ra trước tòa án thời biết bao nhiêu mà kể, nhỏ từ việc láng giềng tranh nhau bức tường, vừa như việc vợ chồng kiện nhau li-hôn, lớn đến việc án-mạng trộm-cướp, nhà hộ-biện phải tùy từng việc mà thi cái tài biện-thuyết của mình, khi thời bình-thường giản-dị, khi thời cảm-kích phẫn-nộ, khi thời đối-đáp từng câu, khi thời nắn-nỉ van-vỉ, cốt làm cho quan tòa phải siêu lòng, người nghe phải cảm-động. Nhất là những cuộc hộ-biện ở các tòa án đại-hình nhiều khi xuất-sắc lắm, vì ở các tòa đại-hình ngoài quan-tòa lại có người thường làm bồi-thẩm, nên nhà hộ-biện có thể dùng nhiều thuật khôn-khéo để cảm-động, chớ ở các tòa khác thời chỉ thuần quan-tòa nghe lắm đã quen đi rồi, nhà hộ-biện cốt biện luật cãi lẽ mà ít khi có dịp hùng-biện được.

Diễn-thuyết về văn-học là diễn ở các trường học hội văn. Lối này đời nào cũng thịnh-hành, và cốt ở lời đẹp ý hay. Diễn về chính-trị cần phải sành-sỏi, về việc án cần phải đanh-thép, về quân-sự cần phải mạnh-bạo, về tôn-giáo cần phải cẩn-nghiêm, mà về học-thuật văn-chương thời vụ lấy ôn-nhã làm đầu. Người nói thường là tay bác-học năng-văn, người nghe cũng phần nhiều là kẻ có học-thức cả, nên lối diễn-thuyết này phải có văn-chương, có triết-lý. Không phải tranh quyền-lợi gì, không phải định phải-trái chi, không phải phấn-khởi kích-thích, không phải dẫn-dụ khuyên-răn, chỉ đem những tư-tưởng hay, sự-tích lạ, phô-diễn ra lời văn đẹp để cho vui tai khoái trí người ta, cho nên ít trọng hùng-hồn mà chuộng diễm-lệ, ít ưa mạnh-bạo mà ưa tiêm-tế. Như ở nước Pháp thời cho cách nói « lịch-sự » không gì bằng những bài diễn-thuyết ở hội Hàn-lâm (*Académie française*). Lệ trong Hội hễ ông hàn nào mới được bầu tới phải đọc bài diễn-thuyết cám ơn Hội và khen ông cũ mình đến thay; Hội lại cử một ông ra đáp lại: hai bài đều soạn từ trước, phải cho văn-chương chải-chuốt, ý-tứ cao-xa, thứ nhất là lời khen lời chê diễu-hỏa cho khéo, phẩm-bình cho xác-đáng mà vẫn phải giữ lấy nhã-nhặn. Cho nên mỗi lần Hội Hàn-lâm làm lễ đón ông Hàn mới, các bậc sang-trọng ở thành Paris thường coi là một thịnh-điển và đua nhau đến nghe diễn-thuyết đông lắm. — Các bài giảng-nghĩa ở những trường Đại-học cũng thuộc về lối diễn-thuyết này. Có nhiều ông giáo trường Đại-học giảng hay lắm, không kém gì những bài diễn-thuyết ở hội Hàn-lâm. Người ta nói rằng quan Giáo Ernest Lavisse năm xưa dạy khoa sử-học ở trường Đại-học thành Paris, mỗi lần đăng-đàn diễn-thuyết người nghe lấy làm khoái-trá lắm, vì cách ngài bố-trí chỉnh-tề như đội quân đương chạy, lời ngài phô-diễn sang-sảng như hiệu kèn gọi quân, khiến cho ai nghe cũng phải kích-động tấm lòng ái-quốc. Như vậy thời lối diễn-thuyết này tùy đầu bài, tùy người diễn, cũng có khi hùng-tráng, không những là diễm-lệ mà thôi.

V

Ấy phương-pháp về nghề biện-thuyết và các lối diễn-thuyết ở các nước Thái-Tây đại-lược như thế. Coi đó thời biết các nước văn-minh lấy nghề này làm trọng là dường nào. Người ta thường nói diễn-thuyết là một lợi khí của văn-minh, thật quả như thế. Văn-minh truyền-bá được mau, nhờ học-đường, nhờ báo-quán, cũng có nhờ diễn-thuyết một phần to, và có lẽ trong ba cái lợi-khí đó, diễn-thuyết lại là tiện-dụng hơn cả. Ở một nước mới bắt đầu khai-thông như nước ta, ba cái lợi-khí đó càng phải cần-dùng lắm, để giúp cho việc cải-lương trong nước, sự giáo-dục, quốc-dân. Hiện nay báo-quán học-đường ta đã có, nghề diễn-thuyết ta cũng phải tập mới nên. Đã hay rằng khoa ngôn-ngữ là tài riêng của mỗi người, nhưng dẫu người có tài cũng phải có tập thời đem ra ứng-dụng mới có hiệu-lực. Nước ta thiếu gì những người có tài ngôn-ngữ giỏi, nhưng ít tập, vả cũng ít có dịp nói, nên không lộ được tài ra. Nay ở các tỉnh lớn dầu dầu cũng đã có những hội nọ hội kia, tức là những chỗ để cho người mình tập lấy nghề diễn-thuyết. Dẫu không có hội-sở nào, mà trong đám anh em rằm mươi người ngồi với nhau, cũng có thể mở ra một cuộc diễn-thuyết nhỏ được. Không phải là đã tập dầu được những lối biện-thuyết hùng-hồn như ở các nước Âu-Tây; nhưng trước hãng tập lấy cái thói quen bất-cứ nói việc gì nói được có đầu đuôi, có liên-tiếp, cho vỡ-vạc, cho phân-minh, tưởng nghề diễn-thuyết, không kể cái tài riêng của mỗi người tô-điểm thêm vào, rút lại chỉ có thế mà thôi, và như thế thời người nào dụng-tâm cũng có thể học-tập được, dẫu không thành một tay hùng-biện, cũng đủ tư-cách nói được ở chỗ công-chúng để đối-phó với những cơ-hội thông-thường ở đời.

Một nhà danh-sĩ nước Pháp, ông Pascal, có nói rằng : « Có người nói giỏi mà viết không hay. Là bởi vào chỗ đám đông, trông thấy nhiều người, như hăng-hái người lên, tinh-thần thành ra minh-mẫn hơn là lúc bình-thường. » (*Il y en a qui parlent bien, et qui n'écrivent pas de même. C'est que le lieu, les assistants, etc., les échauffent, et tirent de leur esprit plus qu'ils ne trouveraient sans cette chaleur*). — Người nào như thế thời tập nghề diễn-thuyết dễ và mau lắm. Tưởng chỉ phải châm-chước mà theo những điều đại-cương như trên kia đã nói về sự sáng-ý, sự bố-cục, sự lập-từ, v. v. là đủ, không cần phải kỳ-khu cho lắm, vì diễn-thuyết cũng như làm văn, càng có cái vẻ tự-nhiên càng hay. Đã có tư-cách nói được, thời chỉ cốt tập lấy cho có ý-kiến chánh-đáng, tư-tưởng rõ-ràng mà thôi. Nhà diễn-thuyết cũng như nhà làm văn, trước khi viết trước khi nói, phải có tư-tưởng, đã tư-tưởng chín rồi thời không sợ nói không hoạt, viết không thông. Song, không phải là ai ai cũng có cái khiếu ngôn-ngữ tự-nhiên như thế. Nhiều người lại trái lại câu của ông Pascal, làm văn được mà nói không hay, hoặc vì tiếng nhỏ giọng yếu, hoặc vì nói lắp nói ngọng, phần nhiều là vì có tích cả thẹn, ra đến chỗ đông người thời hay bối-rối, không có thần-trí vững-vàng mà nói cho hay được. Những người nào như thế thời có luyện-tập cũng có bổ-cứu được ít nhiều. Hiện nay ở nước Pháp, có nhiều nhà bác-học chuyên-trị về khoa nhân-thanh-học (*laryngologie*), tìm được những phép chữa sửa tiếng nói người ta. Nghe đâu những phép ấy ứng-dụng ra hiệu-nghiệm lắm, nhưng muốn diễn-giải cho tường phải là tay chuyên-môn mới được, vậy kỳ-giả không thuật ra đây làm gì, vì cũng không thuộc vào phạm-vi bài này. Vả những người tiếng nói có tật như ngọng, lắp, chẳng

qua là một số ít, còn những người thanh-điệu bình-thường, chỉ vì không quen nói nên nói không thạo thời là số nhiều. Nay những người ấy thời phải dùng phương-pháp gì để luyện-tập cho thành nghề diễn-thuyết? Thiết-tưởng không quen nói thời phải nên nói cho quen. Dù khi nói chuyện tầm-thường cũng nên sửa-sang lời nói, định kể một việc gì, diễn một ý gì, phải lựa dùng những tiếng cho thích-đáng, đừng tưởng rằng câu chuyện thường mà không chú-ý, vì cái thói quen nó nhiễm tự việc nhỏ mà đi. Người nói chuyện hoạt là người diễn-thuyết giỏi. Vậy muốn tập diễn-thuyết phải tập nói chuyện trước. Hiện nay trong bọn các ông tây-học ở nước ta có một cái thói quen rất là phương-hại cho tiếng nói nước nhà: là trừ những câu nhật-dụng thường-đàm, động nói đến sự gì cao-kiến một chút, thời các ông dùng tiếng tây; cũng có khi đương nói chuyện tiếng ta, đâm-pha ít nhiều câu tiếng tây vào, thành ra một thứ tiếng bác-tạp, rất là khó nghe. Như vậy thời tiếng an-nam ta bao giờ cho thành văn được, bao giờ dùng để diễn-thuyết được? Thiết-tưởng trừ khi giao-thiệp với người qui-quốc, còn người mình nói với nhau, chỉ nên dùng tiếng nước mình, không những dùng để nói những câu chuyện thường, phải dùng để nói những chuyện cao-xa nữa, dẫu lúc đầu có không đủ tiếng dùng, hơi khó một chút, mà tập mãi thành quen, rồi có ngày thành dung-đi. Tạo-vật sinh ra mỗi giống có một thứ tiếng riêng, mình nói tiếng nước mình dẫu vụng-dại cũng còn hơn là nói tiếng nước người. Nói thế không phải là khuyên người nước ta không nên dùng tiếng Pháp đâu. Đại-Pháp về đường chính-trị là nước bảo-hộ cho ta, về đường tinh-thần là thầy dạy học của ta; như vậy thời tiếng Pháp không những có ích cho ta về việc giao-thiệp, mà lại có ích cho ta về việc khai-hóa nữa, người nước ta rất cần phải học tiếng Pháp lắm. Nên ước-ao rằng trong nước có nhiều những tay pháp-học rất thâm, để mà đem những tư-tưởng học-thuật của qui-quốc ban-bố trong quốc-dân, chẳng là giúp cho sự văn-minh tiến-hóa được nhiều rư? Nhưng muốn truyền-bá văn-minh học-thuật của qui-quốc không thể dùng tiếng tây mà truyền-bá được, tất phải dùng đến tiếng ta, như vậy mà tiếng ta không chịu tập-luyến thời dùng sao cho được việc? Động nói đến vấn-đề tiếng An-nam là các nhà tây-học ta phàn-nàn rằng tiếng An-nam nghèo lắm không đủ dùng, dường như cái tư-tưởng học-thức của các bậc ấy cao-xa siêu-việt quá, nói ra tiếng mình không được. Nhưng giả-thiết tiếng An-nam nghèo thật, thời lỗi ấy tại ai? Há chẳng phải tại bọn tân-học ta đã túy-tâm về tiếng tây quá, đến nỗi nhãng-bỏ hẳn tiếng nước mình, không biết bắt-chước như người Nhật người Tàu ra công dịch-thuật những tân-thư ra quốc-âm, để giúp cho tiếng nước nhà mỗi ngày một phong-phú thêm lên? Người Nhật-bản hồi mới duy-tân cũng phải cái khổ thiếu tiếng như mình; nhưng bọn tân-học Nhật-bản là những người có chí, trong hai ba mươi năm trời ra công cùng sức dịch hết những tân-danh-từ của Thái-Tây ra tiếng mình, lúc đầu mới dùng cũng hơi lạ tai khó nghe một chút, không khỏi các nhà cựu-học bĩu miệng chê-bai, không khỏi những kẻ không biết làm thinh không thiết, nhưng dùng mãi thành quen, dần-dần thành một thứ tiếng mới thông-dụng suốt trong nước, không những thông-dụng trong một nước Nhật-bản, mà vì lẽ đồng-văn người Tàu đến sau cũng bắt-chước để dịch-thuật các sách mới. Vả lại cuộc đời mỗi ngày một thay-đổi thời tiếng nói cũng phải mỗi ngày một mới ra,

mới đủ sự cần-dùng. Ngay ở các nước Thái-Tây, không ngày nào là không đặt ra những danh-từ mới để chỉ những tư-tưởng mới, sự-vật mới. Huống nước ta về đường văn-minh học-thuật mới chửa có gì cả, nhất-thiết như còn phải tân-tạo hết, trách chi tiếng ta còn chửa được hoàn-toàn.

Nhưng phận-sự bọn tân-học ta chính là phải giúp công mà gây-dựng cho tiếng nước nhà được hoàn-toàn, để dùng làm cái lợi-khí mà truyền-bá những văn-minh học-thuật mới trong quốc-dân. Hoặc giúp bằng văn-chương, học giúp bằng lời nói; giúp bằng lời nói tức là lối diễn-thuyết. Diễn-thuyết có cái sức mạnh thế nào, trên kia đã nói tường. Nay kết-luận bài này, chỉ xin nguyện các anh em đồng-chí ta nên lưu-tâm chú-ý mà tập-dùng lấy cái lợi-khí văn-minh đó. Đương buổi bây giờ, phàm cái gì giúp được cho sự khai-hóa trong nước, không nên bỏ phí. Tạo-vật đã sinh cho người giống mình một thứ tiếng nói riêng, tiếng ấy tuy chửa được tốt-đẹp cho lắm, nhưng đã kinh bao nhiêu đời đoàn-luyện, cũng đủ dùng cho sự giao-thông trong một nước với nhau, ta há lại nên khinh-thường nhãng-bỏ mà không biết lợi-dụng ru?

THƯỢNG-CHI

* * *

PHỤ-LỤC BÀI HỊCH CỦA ĐỨC THÁNH TRẦN

Trong bài luận trên kia có nói rằng bài hịch của đức Trần Hưng-đạo tức là một bài văn diễn-thuyết tuyệt-bút của nước ta. Nay xin phụ dịch dưới này để các độc-giả đồng-lãm. Bài này soạn vào khoảng năm 1285, hồi thua Thoát-Hoan ở ải Chi-lăng, ngài phải tạm thu quân-sĩ về Vạn-kiếp, nhân làm sách Binh-thư yếu-lược 兵書要略 *để dạy các tướng, và truyền hịch để khuyên-răn. Bài hịch như sau này.*

« Ta thường nghe nói: ngươi Kỷ-Tín đem mình chết thay, mà thoát cho vua Cao-đế; ngươi Do-Vu lấy lưng chịu đâm, mà che được vua Chiêu-vương; ngươi Dự-Nhượng nuốt than mà phục được thù vua; ngươi Thân-Khoái chặt tay mà phó được nạn nước; Kính-đức là một viên quan nhỏ, thân phò vua Thái-Tôn, mà được khỏi vây Thế-Sung; Cao-Khanh là một bày-tôi xa, miệng mắng ngươi Lộc-sơn, mà không theo kế nghịch-tặc. Từ xưa những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, lấy thân tuẫn nước, đời nào không có. Thiết-sử các bậc đó, cứ khu-khu theo thói đàn bà, chết nơi cửa sổ, thời làm chi có tên trong sử-sách, cùng với trời-đất muôn đời bất-hủ được?

« Các ngươi con nhà võ-tướng, không hiểu văn-nghĩa, nghe nói như thế, nửa tin nửa nghi; việc về đời trước, hẳng tạm không bàn, nay ta lấy việc về Tống Nguyên mà nói. Vương Công-Kiên là ai? tì-tướng Nguyễn Văn-Lập nữa là ai? mà lấy thành Điếu-ngư nho-nhỏ bằng cái đấu, đương với mũi nhọn đường-đường trăm vạn quân của Mông-kha, khiến cho muôn dân nhà Tống, tới nay còn hâm-ân? Cốt-ngải-ngột-lang là ai? tì-tướng Xích Tu-Tư nữa là ai? mà mạo lam-chướng trên đường muôn dặm, đánh Nam-chiếu trong khoảng mấy tuần, khiến cho quân-trưởng giống Thát, tới nay còn lưu-danh?

« Huống ta cùng các ngươi, sinh vào thời nhiễu-nhưỡng, gặp phải buổi gian-nan, trộm thấy sứ giặc đi lại, nghênh-ngang trên đường, uốn tấc lưỡi diều-

hâu, mà lăng-nhục Triều-đình, nắn tấm thân dê-chó mà ngạo-nghễ các quan, thác lấy mệnh Hốt-tất-liệt mà đòi ngọc lụa để cung sự sách-nhiễu không cùng, giả lấy hiệu Vân-nam-vương mà thu vàng-bạc để kiệt nơi kho-tàng có hạn ; ví như ném thịt cho hổ đói, nào mong khỏi di-hoạn về sau đâu ? Ta thường ngồi mâm quên ăn, nửa đêm ôm gối, nước mắt chan-chứa, lòng ruột như cào ; thường lấy ăn được thịt, nằm được da, nếm được gan, uống được máu chúng nó mới cam giận vậy. Tuy ta trăm thân nát ở đồng-điền, nghìn thây bọc bằng da ngựa, cũng nguyện xin làm. Các ngươi làm môn-hạ ta đã lâu, tay cầm binh-quyền, không có áo thời cho áo mà mặc, không có ăn thời cho cơm mà ăn, quan thấp thời thăng tước cho, lộc bạc thời cấp bổng cho, đi nước cho thuyền, đi bộ cho ngựa, giao cho cầm quân thời sống chết cùng ta đồng-mệnh, dùng để hầu gần thời cười nói với ta cùng vui ; sánh ông Công-Kiên đãi kẻ ti-tướng, ông Ngột-Lang đãi người giúp việc, cũng không kém vậy.

« Nay các ngươi ngồi trông chúa nhục, từng không biết lo, thân chịu quốc-sỉ, từng không biết thẹn ; làm tướng trong một nước, phải hầu kẻ di-tù, mà không phẫn-tâm ; tai nghe khúc Thái-thượng, thị-yến bọn sứ giặc, mà không sắc giận. Hoặc trọi gà lấy làm vui, hoặc đánh bạc lấy làm sướng ; hoặc làm vườn ruộng để nuôi nhà, hoặc luyến vợ con để vui riêng ; chăm nghiệp sinh-nhai mà quên việc quân-quốc, ham sự săn-bắn mà nhãng đường công-thủ ; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Thoát có giặc Mông-Cổ tràn sang, thời cựa gà trọi không đủ đâm được giáp giặc, mẹo đánh bạc không đủ dùng về việc quân ; vườn ruộng giàu không đủ chuộc được thân nghìn vàng, vợ con bận không đủ sung được việc quân-quốc ; sinh-nhai nhiều không đủ mua được đầu giặc, chó săn mạnh không đủ đuổi được giặc tan ; rượu ngon không đủ say quân giặc, hát hay không đủ điếc tai giặc. Đến lúc bấy giờ, vua tôi nhà ta bị bắt, rất khá thương thay ! Không những thái-ấp của ta bị tước, mà bổng-lộc các ngươi cũng bị vào tay kẻ khác ; không những người nhà ta bị đuổi, mà vợ con các người cũng bị kẻ khác bắt mất ; không những xã-tắc tổ-tôn ta bị kẻ khác dầy-lấn, mà phần-mộ phụ-mẫu các ngươi cũng bị kẻ khác khai-quật ; không những ta đời nay chịu nhục, dẫu trăm đời về sau, tiếng xấu khó rửa, tên ác vẫn còn, mà tiếng nhà các ngươi, cũng không khỏi tên là dòng bại-tướng vậy. Đến lúc bấy giờ, các ngươi dẫu muốn chơi-bời cho vui thú, phỏng có được không ?

« Nay ta bảo rõ cho các ngươi, phải biết nằm trên đống củi lửa là nguy-hiểm, theo gương người sợ bỏng mà thổi canh ; huấn-luyện sĩ-tốt, tập dạy cung tên, khiến người nào cũng bắn giỏi như Phùng-Mông, nhà nào cũng có tài bằng Hậu-Nghệ ; làm thế nào cho bêu được đầu vua Tất-liệt ở dưới khuyết, phơi được xác chúa Vân-nam ở Cảo-nhai [1]. Không những thái-ấp của ta được vững bền mãi, mà bổng-lộc của các ngươi cũng được hưởng đến suốt đời ; không những gia-quyến của ta được yên sàng-nhục, mà vợ con của các ngươi cũng được bách-niên giai-lão ; không những tôn-miếu ta muôn đời hưởng-tự, mà tổ-tôn các ngươi cũng được xuân-thu cúng-tế ; không những ta đời nay đắc-chí, mà các ngươi trăm đời về sau tiếng thơm vẫn còn ; không những ta hiệu tốt lâu truyền, mà các ngươi tính-danh cũng được để thơm trong thanh-

(1) 藁街 = Về đời nhà Tống là nơi các sứ man-di đến ở đấy.

sử vậy. Đến lúc bấy giờ, các ngươi dẫu không muốn chơi-bời cho vui thú, phỏng có được không?

« Nay ta lịch-soạn binh-pháp các nhà làm một bộ sách, đề là *Binh-thư yếu-lược*, các ngươi hoặc biết chuyên-tập sách này, nghe ta dạy bảo, thế là đạo thày-trò muôn đời; hoặc dám nhãng bỏ sách này, sai lời dạy-bảo, thế là kẻ thù-nghịch muôn đời. Sao vậy? Chúng nó [1] với ta là kẻ thù không cùng đội trời, các ngươi đã cứ điềm-nhiên không có chí rửa nhục, không có bụng trừ-hung, lại không chịu dạy quân-lính, thế là giở giáo chịu hàng tay không tiếp giặc, khiến cho sau trận Bình-lỗ [2] mà phải đề thẹn muôn đời, còn có mặt mũi nào mà đứng trong cõi trời che đất chở này nữa? Cho nên muốn cho các ngươi biết bụng ta, nhân viết ra bài hịch này. » [3].

NƯỚC NAM ĐỜI XƯA

(Bàn về sách « Cổ Nam-Việt » (*L'Annam d'autrefois*) của quan Khâm-sứ PASQUIER) [4].

Kỳ trước nhân bàn về bộ tiểu-thuyết « Từ đồng bằng lên mạn ngược », tôi có phàn-nàn rằng trong những sách của người Đại-Pháp viết về dân An-nam ta, ít được quyển nào thật là có giá-trị, không phải là giá-trị về văn-chương — vì nhiều quyển văn hay lắm, — nhưng giá-trị về sự thực. Song tuy phần nhiều như vậy, mà tựu-trung cũng được rằm ba quyển thật hay, không những hay cho người qui-quốc nhờ đó mà biết được tinh-tình phong-tục dân ta, lại hay cả cho người nước ta, xem đấy biết được cái hay cái dở của mình, vì có nhiều sự người ngoài trông thấy mà tự mình không nhận được. Vào số đó thời có sách « Cổ Nam-Việt » (*L'Annam d'autrefois*) của quan PASQUIER, là một bậc thượng-quan rất có danh-giá ở Đông-Pháp ta, mới được Chánh-phủ bổ chức Khâm-sứ Trung-kỳ, sắp sang phó-ly. Quan PASQUIER không những là một nhà chánh-trị giỏi, lại là một tay văn-sĩ tài. Sách này ngài soạn từ năm 1906, hồi Đấu-xảo Marseille, tức là gồm mười-hai bài diễn-thuyết của ngài ở hội Thương-nghiệp và hội Địa-dư-học thành Marseille. Bài thứ nhất nói về gia-tộc An-nam; bài thứ nhì về làng xã; bài thứ ba về Triều-đình; bài thứ tư về các tỉnh; bài thứ năm về quân-chế và phép dụng binh của nước ta đời xưa; bài thứ sáu về quan-chế và phép giáo-dục; bài thứ bảy về luật-lệ; bài thứ tám về

---

(1) Chỉ giặc Nguyên.

(2) Trận Bình-lỗ là trận thành Thái-nguyên, khi xưa ông Lý Thường-Kiệt phá quân nhà Tống ở đó.

(3) Bài hịch này đã có dịch bằng văn xuôi trong sách *Việt-Nam sử-lược* của ông TRẦN TRỌNG-KIM, và bằng vận-văn trong sách *Hưng-đạo-vương* của ông LÊ VĂN-PHÚC và PHAN KẾ-BÍNH.

(4) PIERRE PASQUIER, — *L'Annam d'autrefois. Essai sur la constitution de l'Annam avant l'intervention française.* — Paris, A. Challamel, éditeur, 1907. — 340 pages.

thủ-tục các việc án và chế-độ về điền-thổ ; bài thứ chín về thuế đinh ; bài thứ mười về thuế điền và các hạng thuế khác ; bài thứ mười-một về các công-trình lớn, như đê, đường, cầu, cống ; bài thứ mười hai về các lối thi-ca. Gồm lại thành một thiên đại-luận về các chế-độ cổ của nước Việt-Nam ta từ trước khi Đại-Pháp sang bảo-hộ, khác nào như một bộ « Lịch - triều hiến-chương toát-yếu » của một nhà tây-nho có lòng yêu-mến đất nước này mà đã dụng công quan-sát về sự sinh-hoạt của quốc-dân ta từ trước khi bắt đầu theo về phong-trào mới.

Trong bài tựa tác-giả có nói rằng : « Hoặc có người đọc sách này mà trách tôi rằng có bụng thiên quá yêu người An-nam thời tôi xin dẫn lời ông MONTESQUIEU làm chứng, ông có câu nói rằng : « Khi tôi đi du-lịch các nước phương xa, thời tôi cũng yêu-mến các nước ấy chẳng khác gì nước tôi, hình như tôi cũng có phần trong cuộc thịnh-suy của các nước ấy, và tôi muốn ước-ao làm sao cho các nước ấy được thái-bình thịnh-trị. » Tục-ngữ An - nam lại có câu rằng : « Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục ». Bởi thế nên tôi mới làm ra sách này. . . » [1]. Coi đó thời đủ biết cái cảm-tình của tác-giả đối với dân An-nam ta thành-thực và thâm-thiết là dường nào.

Nay muốn giới-thiệu sách này cho quốc-dân được biết, xin tóm-lược đại-ý các thiên như sau này.

Đầu sách có bài tựa của quan Bác-sĩ HECKEL, giám-đốc nhà « Thuộc-địa Học-viện » (*Institut Colonial*) thành Marseille. Bài tựa này ý-nghĩa cũng cao-thâm lắm. Đại-khái nói rằng phàm đã gọi là một dân một nước thời phải có một cái thể-chế riêng. Thể-chế là gồm những phép tắc lớn thống-nhiếp sự sinh-hoạt của người dân trong một nước. Nhưng trong thể-chế một nước có thể chia ra hai phần : một phần là cái « thể-chế tự-nhiên (*constitution naturelle*), một phần là cái « thể-chế ước-định » (*constitution conventionnelle*). Lấy một cái cây mà tỉ-dụ thời thể-chế tự-nhiên là gốc là rễ ; thể-chế ước - định là lá là cành. Xét xã - hội nước Nam thời những chế-độ về gia-tộc, về xã-thôn, về châu-quận, về quan-chức, là thuộc về thể-chế tự-nhiên, vì là gốc ở thiên-nhiên mà ra, không phải một người ta gây-dựng lên được ; phần này là nền là gốc của xã-hội, hễ xâm-phạm đến thời trật-tự xã-hội tất phải đảo-điên. Đến như luật-lệ, thuế-ngạch, công-trình, văn-thơ, là tự người ta gây - dựng ra, tức là thuộc về thể-chế ước-định, dã ước-định thời không phải là nhất-định, phải thay-đổi luôn cho thích-hợp, cho nên phần này có thể tùy trình - độ mà cải-lương dần được, khác nào như cái cây tuy gốc không dám xâm-phạm đến mà ngọn có thể sửa-sang được. Song tuy là ước - định mà sở - dĩ làm sao lại ước - định ra như thế, không ước-định ra cách khác, thời lẽ cũng là thuộc về tự-nhiên, không phải là ở cả cái ý-muốn nhất-thời của người ta. Cho nên không những cái thể-chế tự-nhiên không nên xâm-phạm đến, mà cái thể-chế ước-định muốn sửa-đổi cũng phải cẩn-thận lắm, kẻo phương-hại đến cuộc sinh-hoạt trong quốc-dân. Đại-Pháp sang cai-trị xứ này, phải lấy sự tôn-trọng cái thể-chế mấy

(1) « Si, au cours de ces pages, on est tenté de m'accuser « d'annamitophilie », je dirai pour mon excuse avec Montesquieu : « Quand j'ai voyagé dans les pays étrangers, je m'y suis attaché comme au mien propre, j'ai pris part à leur fortune, et j'aurais souhaité qu'ils fussent dans un état florissant. » — Un proverbe annamite dit : « Entrant dans un fleuve, il faut en suivre les meandres, entrant dans une maison, il faut en suivre les habitudes. » (pages 15-16).

nghìn năm của người bản-thổ làm phương-châm, làm chính-sách. Chắc rằng nghĩa-vụ của Đại-Pháp là phải đưa-giắt dân này lên cõi văn-minh mới, nhưng văn-minh mới ấy chỉ nên bồ vào những sự thiếu-thốn, không được phá mất cái nền-nếp cũ của dân-tộc này. Những người mà Đại-Pháp sai sang đây để cai-trị dân phải là « những tay nông-phố giỏi « (*faire œuvre d'habiles agriculteurs humains*), mới biết tài-bồi cho cái cây cổ-thụ đất Việt-Nam, khéo sửa-sang trên lá-ngọn, mà không xâm-phạm đến gốc-rễ. — « Sách quan Pasquier sở-dĩ có giá-trị là bởi từ đầu chí cuối đều biểu một lòng tôn-trọng cái thể-chế cũ của nước Nam. Bởi thế nên đáng làm một pho sách thường-khóa cho những viên-quan cai-trị mới sang sung-chức bên An-nam, cần phải định phương-châm chính-sách thế nào cho hợp với cái chính khoan-dung đại-độ của nước Pháp, xưa nay đến cắm cờ ở đất nước nào cũng vẫn theo một chủ-nghĩa ấy. » (1)

Lời-lẽ cao-thượng thay! Bài tựa ấy thật là xứng-đáng với quyển sách này.

Dưới bài tựa đến bài tự-ngôn của người làm sách nói qua về giống người và thổ-địa nước ta, vì trước khi khảo về chế-độ một nước phải biết người nước ấy ở đâu mà lại, dân nước ấy sinh-trưởng nơi nào. Giống Giao-chỉ ta là một chi-phái của giống Mông-cổ, tự lưu-vực sông Dương-tử, qua các cao-nguyên nước Tàu, tràn xuống đồng-bằng xứ Bắc-kỳ, sinh cơ lập nghiệp ở đây, rồi chiếm lần hết các bình-nguyên trong suốt cõi bán-đảo Đông-dương này, gặp người thổ-dân thời khu-trục vào miền rừng núi, duy có dân Chiêm-thành thuộc về giống Mã-lai là mạnh hơn nhất, cùng với ta xung-đột trong mấy thế-kỷ, đến sau cũng bị ta tiêu-diệt hết. Giống ta chỉ ưa những đất đồng-bằng, trước mắt phải có « cái tấm thảm xanh mênh-mông bát-ngát những ruộng lúa cùng ruộng mạ chỗ đậm chỗ nhạt, giữa lại lốm-đốm những đám xanh đi là bụi tre các làng, giọc-ngang những vết trắng xóa là các đường sông ngòi. » (trang 19) Còn thượng-du thời ma thiêng nước độc, riêng để cho những giống Mán Mường. Giống ta là giống sinh-trưởng ở đồng-bằng, nên theo lời Bác-sĩ Heckel, ta ít có chí-khí độc-lập khoáng-trương mà chỉ ham cái lạc-cảnh làm-ăn yên-ổn (2); đó cũng là một đặc-tính của giống Việt-Nam ta.

Thiên thứ nhất nói về gia-tộc, về quyền phụ-huynh trong nhà, về địa-vị người đàn-bà, về các lễ quan-hôn tang-tế, về sự phụng-sự tổ-tiên. Xét ra cái gia-tộc-chế-độ của ta không khác gì gia-tộc-chế-độ của La-mã đời xưa. Thiên này kết-luận rằng : « Gia-tộc-chế-độ ở nước Nam lấy quyền nhất-thống của kẻ phụ-huynh làm trụ-cốt, đại-để không có để cho quan-quyền can-thiệp đến bao giờ ; lại nhân vì sự phụng-sự tổ-tiên bắt-buộc mà thành ra có cái giây liên-lạc bền-chặt, nghiễm-nhiên thành một đoàn-thể thống-nhất, trong có lề-thói riêng, dưới quyền người trưởng-tộc vừa là ông chúa-tể, ông giáo-chủ, ông quan-án ở trong nhà. Sức mạnh của gia-tộc là ở sự thống-nhất ấy, ngoài thời nghiễm-nhiên độc-lập đối với quan-quyền, mà trong thời hết-thảy phục-

(1) « C'est par cette préoccupation du respect de la constitution annamite que cet ouvrage arrive son heure. Il pourra servir de livre de chevet à tous les jeunes administrateurs qui, au début de leur carrière, ont à orienter leurs procédés vers les meilleures méthodes en s'inspirant de la politique libérale de la France, partout où flotte son drapeau. » (page 12)

(2) « Ici l'esprit d'indépendance et d'expansion extérieure de la race semble s'être éteint sous le souffle puissant (qui anime toutes les institutions) de la liberté intérieure dans la paix. » (page 9).

tòng một người trưởng-tộc » (trang 39).

Thiên thứ hai nói về chế-độ các xã-thôn. Xã-thôn ở nước Nam là một đoàn-thể địa-phương tự-trị đối với quyền trung-ương của Nhà-nước, ngoài việc sưu-thuế không có can-thiệp gì với quốc-gia mà quốc-gia cũng không can-thiệp gì đến, thật là khác hẳn với xã-thôn các nước. Những người đương nhiệt-thành về việc cải-lương hương-chính nên ngẫm-nghĩ mấy câu phán-đoán như sau này : « Nước Nam là một nước quân-chủ chuyên-chế, vua quan có quyền tuyệt-đối, vậy mà các xã-thôn là tự-do độc-lập, được những đặc-quyền đặc-lợi đối với quyền chuyên-chế của nhà vua. Xã-thôn An-nam là một cái cơ-quan hành-động rất hay, cách kết-cấu có phiền-phức mà rất bình-đẳng, trong làng không có kẻ kỳ-hào nào được thiên-tiện chuyên-quyền ; cái cơ-quan ấy lại di-truyền từ đời thượng-cổ đến giờ, như vậy thời đủ rõ rằng không nên xâm-phạm đến, kẻo làm điên-đảo mất trật-tự trong nước. Khác nào như một cái đồ-dùng tuy đã cũ mà vẫn tốt, hợp với tính-cách của người dân » (trang 63).

Thiên thứ ba nói về Hoàng-đế và Triều-đình. Nước Nam là một nước quân-chủ chuyên-chế, vậy thời Hoàng-đế là chúa-tể tuyệt-đích, trên mình chỉ có Trời, còn ngoài không có gì hạn-chế được quyền tuyệt-đối. Nhưng theo học-thuyết cũ thời Hoàng-đế là con Trời mà lại là cha mẹ dân, trong cách trị-dân phải thuận mệnh Trời mà phủ-dục cho lũ lê-thứ là đàn con mình. Vua nhờ thần-quyền mà có quyền tuyệt-đối, nhưng cũng vì thần-quyền mà phải có nghĩa-vụ với dân. Gặp phải ông vua hôn-dung hay bạo-ngược thời dân tất mượn thần-quyền mà nổi công-phẫn, phản-đối lại vì vua đã trái mệnh Trời. Ấy các triều kế-thế nhau thường thường là vì lẽ đó. « Thành ra tiếng là quân-chủ chuyên-chế mà tựu-trung cũng có ngụ cái ý dân-chủ tự-do ở đó, hình như quân-dân thông-đồng hòa-hợp với nhau ở nơi thần-quyền vậy. » (trang 68) Bởi vua tôi nhờ có cái lý-thuyết thần-quyền không đến nỗi gián-cách nhau như thế, nên các đế-vương lịch-triều thật đã có công to với nước Nam lắm lắm. « Vua triều nào cũng vậy, hết thảy đều theo đuổi một mục-đích, là gây dựng cho nước Nam được thống-nhất, mở-mang cho nước Nam được to rộng » (trang 72).

« Cái chính-thể quân-chủ ở nước Nam, tương-lai này ra thế nào, nay chưa thể đoán biết được, nhưng chắc không bao giờ còn được khởi-sắc như xưa nữa. Nhà hoài-cổ cảm-giác cái khí-vị thanh-thú êm-đềm những chốn đền-đài lăng-tẩm ở Kinh-đô, cái văn-vẻ sán-lạn rực-rỡ những khi triều-tế yến-ẩm trong cung-điện, không thể không ngậm-ngùi thương-tiếc rằng ở đời này sự cách-tân với sự tồn-cổ không thể điều-hòa được mà lại tất phải phản-trái với nhau » (trang 92).

Thiên thứ tư nói về cách cai-trị trong một tỉnh, trên từ quan Thượng, quan Bố, quan Án, quan Đề, quan Lãnh, dưới đến các quan phủ huyện huấn-giáo, dưới nữa đến lính trạm lính lệ. Đại-khái khen rằng cách cai-trị ấy theo chủ-nghĩa trung-ương-tập-quyền, thật là khôn-khéo lắm, khác nào như cái máy các bộ-phận đều xu-hướng cả về một nơi khu-nữu là quan Tổng-đốc đầu tỉnh, các tỉnh lại đều xu-hướng cả về Triều-đình là nơi chủ-động hết thảy. Thuộc về các quan Tổng-đốc hồi xưa, có câu rằng: « Các quan Tổng-đốc là những bậc trọng-thần, thường-thường là những tay kinh-luân, tài-trí. Có một vài ông thật là có cái khí-tiết trung-thành ái-quốc, như ông tổng-đốc kia một hôm tiếp ông sứ sang thương-thuyết một việc

hơi trái với luật-phép Triều-đình, khái-nhiên đáp lại rằng : « Quan lớn không thể bắt tôi bán nước tôi được » ; đủ biết người khảng-khái là dường nào. » (trang 107). — Tác-giả lại được biết cụ cố Văn-minh Nguyễn Trọng-Hiệp, có mấy câu nói về cụ rất là cảm-động ; nói rằng : « Tướng-công có cái thái-độ ung-dung cao-thượng, lại thêm cái vẻ thái-nhiên mà buồn-rầu vô-hạn, khiến cho người ta đến gần không thể không đem lòng kỉnh - trọng. » (trang 78 ; lại trang 325) Ôi ! một vị quí - quan mà biết trọng cái vô-cùng-sầu của một kẻ lão-thần nước Nam, thật là hiếm có thay và đủ tỏ ra một người bụng-dạ khoát-đạt, tư-cách thanh-cao biết dường nào !

Thiên thứ năm nói về cái quân-chế cũ của nước Nam ta, về các khoa thi võ đời xưa, về cách dụng binh của ta, về các cơ, đội, thập, ngũ, v. v. Khen các vua-chúa ta biết dùng binh để mở mang bờ-cõi, khai-khẩn ruộng đất, không phải chỉ chuyên-dụng về việc chiến-tranh phòng-bị mà thôi. Nói về cách lập « đồn-điền » của ta ngày xưa, cũng giống với La-mã, mà lại có tứt rước La-mã, có câu rằng : « Như vậy thời không những La-mã đời xưa biết dùng binh để làm ruộng mà nước Nam đã biết từ trước vậy. » *(L'Annam a connu le soldat laboureur avant la Rome antique)*. Nhân bàn về quân-chế, tác-giả xét đến cái vấn-đề người An-nam có tư-cách về nghề binh không, có tinh-thần thượng-võ không ? Coi bề ngoài thời tưởng dân An-nam là một dân hiền-lành, chỉ biết làm ruộng, không ưa nghề binh. Nhưng xét lịch-sử thời dân này không phải là không có cái thượng-võ-tinh-thần, xem như mấy mươi phen đánh quân Tàu không xâm - chiếm được, lấn Chiêm-thành sau đến mất nước, thời đủ biết. Chỉ vì cách giáo-dục văn-nhược theo Khổng-giáo nên cái tinh - thần cố - hữu ấy không thường xuất - lộ ra được, nhưng có dịp gì quan - trọng thời cũng trình-bày ra một cách rực-rỡ, như về đầu Bản-Triều các võ-thần lập công-nghiệp hiển-hách biết bao nhiêu, vì bấy giờ phải đánh đông dẹp bắc nhiều (trang 107). Bây giờ nếu Chánh-phủ Bảo-hộ biết khéo lợi-dụng thời có ngày việc quân-phòng ở Đông-Pháp này dùng thuần bằng lính An-nam cũng đủ (trang 149).

Thiên thứ sáu nói về các văn-quan và việc giáo-dục thi-cử ở nước ta ngày xưa. Quan-trường ở nước ta không phải là một giai-cấp riêng hay là một phái quí-tộc trong xã - hội. Quan - trường chẳng qua là gồm những người có quan-chức, mà những người ấy lại là người có thi đỗ mới được làm quan, cách kén-chọn nhân-tài thật là bình-đẳng và hợp-lẽ lắm. Nay quan là những người thay quyền vua mà trị dân, quyền vua đã tuyệt-đích thời quyền quan trừ đối với vua có trách-nhiệm, còn dữ với dân là tuyệt-đối, song không sợ lạm-quyền chuyên-chế, vì « nước Nam là một nước theo văn-hóa Tàu, mà những nước theo văn-hóa Tàu thời có cái quan-niệm rất phân-minh về sự lợi-ích chung, dù chính-thể thay-đổi, bao giờ cũng không sai được cái quan-niệm ấy. Trong luật Tàu, luật An-nam thường khuyên các quan phải chăm nom sự lợi-ích cho dân, có lẽ lời khuyên đó chẳng qua cũng là một câu nói mà thôi, nhưng sở-dĩ có câu nói ấy cũng đã là hay lắm rồi. Huống xét các chế-độ luật-pháp của nước Nam thấy sự công-ích tư-lợi thật là phân-biệt rõ-ràng lắm.... » (trang 154). — Quan kén chọn bằng cách thi-cử. Sự thi-cử ở nước Nam không phải là một việc riêng trong học-giới, chính là một phép chung về chính-trị *(non pas une simple solennité universitaire, mais une véritable institution politique)*, vì những người thi đỗ ra là sau này sẽ được cầm quyền để kinh-bang tế-thế. Thiên này có một đoạn

kết-luận rất hay, nói rằng: « Ta đừng có xét lầm, cách thi-cử để kén người như thế coi có ý thật-thà một chút mà những người thi đỗ ở đấy ra sau này chính là những tay chính-trị giỏi, ngoại-giao tài, hoặc ra cai-trị một tỉnh lớn hay một huyện nhỏ, hoặc ra cầm quyền tư-pháp trong dân-gian, cũng là xứng-đáng, chẳng kém chi ai. Phần nhiều là những người sành cái thuật trị dân cả. Gặp khi quốc-biến hay gặp hồi nhiễu-loạn, thời chính những người ấy xông-pha nơi nguy-hiểm, cầm quân đánh giặc, đắp lũy xây thành, những thành những lũy ấy dẫu các quân-quan võ-tướng ta cũng chửa dám khinh thường. — Coi đó thời biết rằng muốn cảm-phục được dân này phải có tài-trí, có công-đức, và cách ăn-ở phải xứng-đáng lắm mới được. Oai võ-lực, sức súng ống, không đủ cảm được một dân văn-học như dân này, có tính hay xét-nhận những thói ác-liệt của người ngoài rất sành, và nếu mình không giữ-gìn thời bị họ chê-cười nhạo-báng mà làm mất cái oai-quyền thế - lực của mình như chơi ; vì lệ thường ở đâu cũng vậy, tinh-thần đối với võ-lực, kẻ yếu đối với người mạnh, hay lấy cái trí tinh - nhuệ tế - nhận những thói xấu của người làm khí - giới vậy » (trang 179 - 180). Mấy lời đó thật là một bài học hay cho sự giao-thiệp người qui-quốc với dân ta, nhiều ông Tây nên nhớ lấy chớ quên.

Thiên thứ bảy nói về luật-lệ An-nam, có dịch cả bài tựa của Đức Gia-long trên đầu bộ *Hoàng-Việt luật-lệ*, khen rằng các cổ-đế-vương nước Nam đặt ra luật-lệ thật là chí-ý lắm, không những để giữ trị-an trong xã-hội, lại định mưu hạnh-phúc cho quốc - dân. Luật-lệ mỗi nước phải thích-hợp với tính-tình dân nước ấy, người Tây xét luật-lệ An-nam chớ nên thấy nhiều điều trái với tư-tưởng phong-tục mình mà vội cho là dã - man. Nếu xét kỹ đến cái thâm-ý trong luật-lệ ấy thời mới biết rằng cái lý-tưởng nó cũng cao-thâm lắm, có điều vị-tất các nước Thái-Tây đã theo kịp. Tỉ như cái lý-thuyết về sự hình-phạt (*la théorie de la peine*); người An-nam cho hình-phạt là một cách chuộc tội, chịu rồi thời sạch tội, người Tây cho là một cái vết ô-nhục, dẫu chịu rồi cũng không bao giờ rửa sạch được: thử so-sánh hai đằng, đằng nào có ý cao-thượng, hồn-hậu hơn ? (trang 192-194).

Thiên thứ tám nói về thủ-tục các việc án ở nha-môn các quan, và chế-độ riêng về điền-thổ. Đại-khái nói rằng cách xử án ở các nha-môn An-nam có lẽ giản hơn ở các tòa án tây, và thật là hợp với tính-tình người dân. Còn cái chủ-ý các luật-lệ về điền-thổ là khiến cho người dân biết lợi-dụng được hết các ruộng đất trong nước, vì ở nước Nam cái tài-nguyên đệ-nhất là ruộng đất.

Thiên thứ chín và thứ mười là nói về thuế đinh thuế điền và các thuế-ngạch khác. « Sưu-thuế ở nước Nam tựa-hồ như không phải là cái phần góp của mỗi người dân giúp vào việc chi-tiêu chung trong nước, mà là cái tiền cống của các xã-thôn phải nộp cho nhà vua. » (*L'impôt apparaît plus comme une redevance, un tribut payé par la commune au souverain, que la quote-part de chaque individu dans les dépenses générales de l'État* (page 241). Bởi thế nên từ xưa đến nay trong việc bổ thuế, Nhà nước chỉ biết các làng, không biết đến từng người dân. Cũng bởi thế nên cái nghị mới của Chánh-phủ Bảo-hộ Bắc-kỳ đặt ra thuế thân nhất-luật cho mọi người, dân nhà quê ta không lấy làm hoan-nghênh lắm.

Thiên thứ mười-một nói về các công-trình lớn, như đê, đường, cầu, cống, v. v. Trong những công-trình ấy thời vĩ-đại nhất là các đê đắp để giữ nước sông lên. Thống-kế xứ Bắc-kỳ có tới 2400 cây-lô-mét đê, dung-tích là 156 triệu thước vuông đất (156.000.000 m3). Suốt trong thế-giới tưởng không có nước

nào xây-đắp đến nhiều như thế. Bên Âu-châu có người Hòa-lan cũng phải đắp đê lớn để ngăn nước bể, nhưng vị-tất đã có công-phu bằng người An-nam. Sau này vạn-nhất mà dân An-nam vì một cớ gì phải tiêu-diệt đi mất, thời những đê trên bờ sông còn đó cũng đủ chứng cho đời sau biết là một dân có nghị-lực phi-thường, như các đường quan-lộ của La-mã-đế-quốc đời xưa, hiện nay vẫn còn dấu-tích (trang 289-290).

Thiên thứ mười-hai là thiên cuối cùng nói về thi-ca cùng những phong-dao tục-ngữ của ta, có trích mấy đoạn truyện *Kiều* và mấy bài thơ trong tập « Như Tây nhật-trình » của cụ NGUYỄN TRỌNG-HIỆP. Đại-khái nói rằng thơ-văn An-nam cũng có đặc-sắc, Chánh-phủ Bảo-hộ nên chú-ý bảo-tồn lấy, đừng để cho mai-một đi mất, hoài của.

* * *

Ấy đại-khái nội-dung sách « Cổ-Nam-Việt » của quan Khâm-sứ PASQUIER như thế. Cuối cùng có một bài tổng-kết, thật là một áng văn-chương đại-đoạn, lời-lẽ hùng-hồn quảng-đại, đủ rõ là một người có tư-tưởng cao, có chính-kiến rộng; xin trích-dịch mấy câu như sau, nhân làm kết cho bài này.

Tổng-kết rằng : « Tôi là một người « rất yêu-mến dân-tộc này, yêu-mến « những lề-thói xưa, phong-tục cổ của « đất nước này, tôi thiết-nghĩ rằng vì « lẽ thay-đổi tự-nhiên mà ta tình-cờ « được sang cầm quyền bảo-hộ dân xứ « này, ta nên nghiên-cứu việc đời « trước, cho biết đường lối sau « này thế nào.

« Hễ biết nhau thời tự-khắc thành « ra yêu nhau.

« Ta chớ nên phá-đổ cái nhà cổ « nước Việt-Nam. Chữ nho kia là cái « vỏ tư-tưởng của dân-tộc này, ta phải « biết tôn-trọng. Ta phải khéo điều-hòa « mà chớ nên phá-hoại. Chớ nên để « cho trăm năm về sau Đại-Pháp phải « mang cái cừu rằng vì tập-quyền khắt-« khe quá mà tiêu-diệt mất cái quốc-« túy của một nước phương xa.

« Ta tới đấy cũng như vào trong « một cái hoa-viên : trong vườn có hoa « quả gì ta phải để nguyên như vậy...

« Đại-Pháp vẫn có tiếng là khoan-« dung đại-độ ; nếu sang cai-trị bên « Đông-Pháp này lại biết tôn-trọng cái « tinh-thần cũ của giống Việt-Nam, giúp « cho dân-trí phát-minh, ân-cần mà « quyến-cố đến nhà nho-học, chớ khinh-« rẻ mà rộng bụng biết dung-nạp những « sự mở-mang về trí-thức của người dân, « thời chắc là càng ngày càng được người « bản-xứ yêu-mến bội-phần vậy...»

Quốc-dân ta cũng nên nối lời ước-ao như vậy, và nên cám ơn quan PASQUIER đã soạn được một quyển sách quí-hóa cho dân-tộc chúng ta như thế. Ta lại mong rằng người Pháp nào trước khi đáp tàu sang An-nam, dù sang cai-trị, sang buôn-bán hay là sang du-lịch, cũng nên có một quyển sách này trên tay, đọc đi đọc lại, làm một bộ sách « thường-khóa » như lời khuyên của quan Bác-sĩ HECKEL ; như vậy thời sự giao-tế của người Pháp người Nam chắc sẽ được thân-mật thêm lên, và cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề có lẽ có ngày thực-hành được hoàn-toàn vậy.

THƯỢNG-CHI.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

VIII

THỜI-KỲ LÝ-HỌC ĐỜI NHÀ TỐNG NHÀ MINH

Tổng-thuyết

Lý-học khởi-nguyên ra tự đời nhà Tống.— Từ đời Tấn Ngụy trở xuống, vị khổ về thói kinh-học của học-trò nhà Hán câu-nệ quá, mới biến ra thanh-đàm ; tự đời Tề Lương trở xuống, vị chán thói thanh-đàm giản-lược quá, mới biến làm văn-thơ; từ khoảng giữa đời nhà Đường trở xuống, lại chán về nỗi văn-thơ thề-cách diễm-lệ, nội-dung thiển-bạc, mới xu về đường chất-thực, thời phải trở lại mà kê-cứu các kinh-huấn. Tuy vậy, học-giả thời ấy đã tầm-nhiễm cái giáo-nghĩa rộng-lớn u-minh của hai nhà Phật Lão, thời không thể cứ cục-súc mãi trong cái phạm-vi học chương-cú được, bèn kê-cứu trong học-thuyết nhà nho, mở ra một lý-luận cũng rộng-lớn u-minh, có thể đối-địch được với thuyết họ Phật, họ Lão, vì thế mới xu về đường lý-luận tâm-tính; phái lý-học từ đó mới thịnh lên vậy.

Học-thuyết họ Chu họ Lục khác nhau. — Phái lý-học nhà Tống, sáng-thủy ra tự ông Thiệu 邵, ông Châu 周, ông Trương 張, đến hai họ Trình 程 thời mới xác-định, sau hai họ Trình thời các nhà học-giả đều tùy tính sở-cận mà truyền-diễn mãi ra ; đến họ Chu 朱, họ Lục 陸, mới tiệt-nhiên chia làm hai phái : ông Chu-tử thời thiên về đàng nói học-vấn, còn nệ giữ nghĩa cổ, gần giống như ông Tuân-tử; ông Lục-tử thời thiên về đàng tôn đức-tính, chuộng cái tư-tưởng tự-do, gần giống như ông Mạnh-tử. Học ông Chu thời bình-thực, hay khiến các hàng giai-cấp trong xã-hội đều sửa đức riêng, yên danh-phận; dầu đương-thời thường bị công-kích, song tự đời Minh trở về sau, được nhà chính-trị đề-xướng lên, thế-lực lại lan ra cả toàn-quốc, nhưng tư-tưởng các nhà học-giả vẫn không dám việt ra ngoài phạm-vi. Học họ Lục thời đến ông Vương Dương-Minh 王陽明 đời nhà Minh mới càng tỏ rệt mở rộng ra vậy.

Luận về động-cơ. — Học-phái họ Chu, họ Lục, dầu có khác nhau, song đều nghiên - cứu về động - cơ tự-nhiên cả. Đồng Trọng-Thư nói rằng : «Cứ chính cái nghĩa mà làm chớ không mưu-lợi ; cứ làm cho sáng cái đạo chớ không kể công.» Ông Trương Nam-Hiên nói rằng : « Kẻ học-giả tiềm-tâm nghiên-cứu về đạo ông Khổng, ông Mạnh, phải tìm cửa mà vào, trước nhất phải biện rõ hai đường *nghĩa, lợi.* » Bởi vì ông thánh-hiền không phải cứ vị gì mới làm, nếu có vị gì mới làm, đều là bụng tư-dục, chớ không phải là công-lý, nghĩa với lợi phân-biệt ra như thế. Nếu tự mình không biết tỉnh-sát, thời suốt ngày không điều gì là chẳng vị lợi ; không cứ rằng ham danh-vị tiền-của mới là vị-lợi ; hễ ý mình hướng về điều gì, hơi thiệp có ý tư-vị, dầu có thiển-thâm khác nhau, song cái ý tư-vị mình thời đều là vị-lợi cả; đó đều luận theo về động-cơ tự-nhiên, chớ không theo thuyết công-lợi, học-phái họ Chu họ Lục đều công-nhận như thế cả.

---

(1) Dịch sách *Trung-quốc luân-lý-học-sử* 中國倫理學史 của ông Sái Chấn 蔡振 tiếp theo kỳ 43, trang 35 - 36.

Luận về công-lợi. — Học-thuyết ông Khổng ông Mạnh vốn là triết-trung ở khoảng giữa động-cơ với công-lợi, song theo về luận động-cơ tự-nhiên mà thiên quá thời lưu-tệ đến nỗi kém mất cả cái sức cạnh-tranh sinh-tồn, cho nên nhà nho có kẻ khích-phẫn về thời-cục điên-nguy, mà phát ra cái luận công-lợi, như là lũ ông Lã Đông-Lai 呂東萊, Trần Long-Xuyên 陳龍川, Diệp Thủy-Tâm 葉水心, tức về nhà Tống suy-yếu, thời than rằng lý-học phiền-toái quá, mới xướng bàn các điều kinh-tế ; ông Nhan Tập-Trai 顏習齋 thương nhà Minh bại-vong, thời chê học-phái họ Chu họ Lục sơ-khoát quá, mới cùng lũ học-trò là Lý Thứ-Cốc 李恕谷, Vương Côn-Thằng, 王琨繩, nghiên-cứu các điều lễ-nhạc, binh-nông, đó đều là phái nhà nho mà bàn về công-lợi. Song đều cần-cấp để ứng-dụng, chớ chửa bàn đến học-lý, nên không kể tường ở đây làm chi.

Nho-giáo kết-thành. — Từ đời vua Vũ-đế nhà Hán trở về sau, nho-học vẫn có cái tính-chất và nghi-thức một quốc-giáo, song cùng với tâm-lý trong xã-hội vẫn chửa thực là quan-hệ mật-thiết ; trong các hạng người phổ-thông tập làm quen không dám trái với nho-giáo ấy, là vì tại cái thói di-truyền trong lịch-sử và ước-thúc của pháp-lệnh nó bắt-buộc phải theo làm mà thôi. Đến đời nhà Tống các nhà nho mới ra, nào là giảng học dạy học-trò hầu khắp cả trong nước Tàu, cứ theo cái luận động-cơ tự-nhiên mà diễn ra làm các điều tư-đức nhật-dụng thường-hành, lại khắc-khổ tự mình làm trước để làm mô-phạm cho học-trò, thời xã-hội tin theo lắm ; chính-phủ lại lấy kinh-nghĩa thi học-trò, nên lại càng chuyên học những sách *Đại-học*, *Trung-dung*, *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử* của ông Chu-tử chua nghĩa cho, từ đó các người thông-minh lúc còn bé đã tiêm-tí ở đó ; những nhà nho hiển-đạt lên lại thêm cái lý-thuyết ấy đặt vào trong pháp-luật, những nhà nho khốn-cùng ở dưới, thời mở trường dạy học, cầm cái quyền giáo-dục trong nhà học-hiệu ; hoặc là nhà văn-sĩ thời biên-tập ra sách tiểu-thuyết, bài kịch-bản, để truyền cái sự giáo-dục ở trong xã-hội, khiến cho làng nào xóm nào có các con em đi học đều lấy sách *Tứ-thư* làm độc-bản ; cũng có người nghe lỏm truyền-khẩu được một đôi câu, dẫu không biết chữ nhưng tai nghe mãi cũng quen. Tuy rằng cũng có sự tặt-vặt câu-nệ quá, các hạng người phổ-thông không thể chịu được, song dư-luận đã thành rồi, đừng có người nào ngoan-ngược quá, mới dám trái hẳn khác đi ; hoặc có người trái ngầm mà mặt ngoài vẫn giả cách theo ; hoặc có người không hay đem sửa mình, mà chỉ đem để bắt-buộc người ; từ đó nho-học mới lập-thành ra một nền tôn-giáo phổ-cập, ấy cũng là cái công kê-cứu lý-học tự đời nhà Tống nhà Minh vậy.

Hạn-chế mất tư-tưởng. — Thuyết lý-học của học-trò nhà Tống, dẫu có nhặt lấy những lý-tưởng của đạo Phật đạo Lão, song cái công lập-thành ra một phái Nho-giáo là vì có cái nghi-thức tin theo một đấng giáo-chủ là đức Khổng Phu-Tử ; phàm điều gì phải trái đều lấy lời nói đức Khổng Phu-Tử làm chuẩn-đích, cho nên có bài-bác điều gì, không những bảo là như thế thời không thông, lại chỉ đem cái luật tôn-giáo ra để bắt-buộc bảo rằng như thế thời trái với học-thuyết của đức Khổng-tử, như thế thời gần giống về đạo thiền. Ấy là đốc-tín Nho-giáo như thế, cho nên tư-tưởng đều phải hạn-chế, chửa từng dám có cái tư-tưởng cải-cách gì cả.

Vương Kinh-công 王荆公

(*Vương An-Thạch*)

Học-giả đời nhà Tống, thời đầu

nhất là ông Thiệu Khang-Tiết 邵康節, đồng-thời lại có ông Tư-mã Ôn-công 司馬溫公, và ông Vương Kinh-công, trứ-danh là nhà chính-trị, lại có cái học-phong đặc-biệt, đứng ở ngoài vòng thống-hệ tư-tưởng. Ông Ôn-công mô-phỏng sách *Thái-huyền* của Dương Hùng làm ra thiên *Tiềm-hư*, lấy lý-số mà giải-thích cái lẽ trong vũ-trụ, chớ không có quan-hệ gì đến luân-lý-học, nên đây lược đi không dẫn ra làm gì. Ông Kinh-công có làm ra bài *Tính-luận*, ý-kiến cũng trì-bình, đủ làm một bài kết-cục cho các lời bàn tính của các đời trước, sẽ dẫn kể ra như sau này.

Tiểu-truyện. — Vương Kinh-công tên là An-Thạch 安石, tên tự gọi là Giới-phủ 介甫, Kinh-công là phong-hiệu, người đất Lâm-xuyên; thời vua Thần-tôn, cử lên làm quan Tham-tri chính-sự, cổ-lệ thi-hành tân-pháp, các bậc chính-nhân thời ấy nhiều người phản-đối, nên mới thành ra cái vạ đảng-ngục. Niên-hiệu Nguyên-phong năm đầu, làm đến Tả-bộc-xạ Quan-văn-điện Đại-học-sĩ, rồi mất, thọ 68 tuổi. Có làm ra sách *Tân-kinh-nghĩa học-thuyết* và tập văn-thơ, nay lược-tự những lời bàn cốt-yếu về tính-luận với lễ-luận như sau này.

Tình-tính cũng đều là một. — Các nhà học-giả xưa nay thường phân-biệt tình-tính làm hai, song tình khởi ra tự đâu thời không biện-thuyết sao được nữa. Ông Kinh-công mới nói: « Tình-tính là một vậy, đời thường bảo rằng tính thiện tình ác, đó là chỉ biết cái danh tình-tính, chớ không biết cái thực tình-tính; mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn, khi bảy tình ấy chưa phát ra ngoài mà còn ở trong lâm ấy là tính; đến khi phát ra ngoài mà hiện ra việc làm ấy là tình; tình ấy là gốc của tình mà tình ấy là tác-dụng của tình, cho nên ta bảo rằng tình-tình cũng là một vậy. » Ông cho tính là thuộc về phương-diện bản-thể mà tình là thuộc về phương-diện động-tác, nên mới gọi riêng ra như thế, chớ không phải là hai, tính thuần thời tình cũng thuần, tình không thể giệt đi được. Sao vậy? Vô-tình thời không còn có động-tác gì cả, không phải là cái trạng-thái sinh-tồn của người ta, cho nên lại nói rằng: « Người quân-tử sở-dĩ làm người quân-tử cũng phải có tình; kẻ tiểu-nhân sở-dĩ làm kẻ tiểu-nhân cũng bởi tại tình vậy. »

Thiện ác. — Tính tình đều thuần-hòa cả, làm sao lại còn phân ra quân-tử, tiểu-nhân, và thiện với ác nữa? Nghĩa là tính tình không thể gọi tên là thiện với ác được; khi nào tính tình phát-động ra hành-vi đã thành hiệu-quả rồi, mới lượng xem có hợp lẽ không, rồi sau mới phân ra thiện với ác được, cho nên nói rằng: « Mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn, bảy tình ấy người ta sinh ra vẫn sẵn có, đến khi giao-tiếp mọi vật mới sinh động; động mà phải lẽ là bậc thánh-hiền; động mà không hợp lẽ là kẻ tiểu-nhân; người ta cứ thấy tình phát-động ra hay phải ngoại-vật nó làm hệ-lụy mà thành ra ác, thời bảo rằng tình là ác, hại mất tính ấy là tại tình. Thế là không xét cái tình nó phát-động ra cảm-xúc đến ngoại-vật, cũng thường theo về đáng thiện vậy. » Cứ như thuyết ông ấy thời tính tình không thể phân ra thiện với ác được, thiện với ác là cốt lấy lý làm chuẩn-đích, gọi là lý thời quan-hệ tại lúc ứng-thời xử-sự thế nào cho thích-đáng phải lẽ mà thôi.

Nói chứng rõ rằng tình không phải là ác. — Ông ấy dẫn việc ông thánh-nhân để chứng rõ rằng tình không phải là ác, nói rằng: « Ông Thuấn là bậc thánh, thế mà ông Tượng mừng, ông Thuấn cũng mừng, nếu nên mừng mà không mừng, sao lại là ông Thuấn

được. Vua Văn-vương là bậc thánh, thế mà cũng có lúc hách-nộ, nếu nên giận mà không giận, sao lại là vua Văn-vương được. Xem đó thời biết cái tình mừng, tình giận có phải là ác đâu. Nếu không có tình thời sao rõ được tính thiện ? Cứ như thuyết bây giờ bảo vô-tình là thiện, thời khác gì loài đá loài gỗ vậy. Tính với tình cũng như cung với tên phải đợi nhau mới phát ra được ; còn như thiện với ác thời cũng như là bẩm tin hay không tin vậy. »

Bàn về lễ. — Tuân-tử bảo tính là ác nên phải lấy lễ để uốn-nắn tính lại. Ông Kinh-Công cho tính người ta không có phân ra thiện hay ác, chỉ đến lúc phát ra hành-vi thời có thể làm thiện cũng được mà làm ác cũng được, cho nên phải lấy lễ để làm cái đồ đưa người ta về đàng thiện ; có nói rằng : « Xem như đẽo gỗ đi mới làm thành đồ, tập ngựa cho quen mới kéo được xe, thời biết không phải nó sinh ra đã hay thế được, là vì phải hạn-chế ở bề ngoài mà phục-tập cho quen sức vậy. Song ông thánh-nhân chế ra đồ vẫn không bỏ gỗ, dùng kéo xe vẫn không bỏ ngựa, là nhân cái thiên-tư nó vẫn có tài. Nay người ta sinh ra vẫn có cái lòng sợ cha yêu mẹ, đấng thánh-nhân mới nhân cái lòng muốn của người ta mà làm ra hạn-chế, dẫu rằng cái lễ-pháp hạn-chế ấy cũng có phải cưỡng-bách người, song cũng là thuận cái tính người ta muốn thế vậy. Nếu thánh-nhân không đặt ra lễ, thiên-hạ hoặc có kẻ khinh-nhờn cha mà ghét mẹ, cũng bảo là tự tính nó thế không nên làm mất đi hay sao ? Xem như loài hầu loài vượn, cái hình-dáng nó cũng giống như người, song bó-buộc nó lấy cái lễ tôn-ti, bắt ép nó tập cái lễ vái-nhường, thời nó tất chạy vào rừng mất. dẫu lấy uy nạt nó mà dạy bảo nó dần, cũng có thể tập quen được, nhưng cái thiên-tính nó không có thể, nó chỉ theo làm giả-dối ra thế mà thôi, thế thời loài hầu loài vượn có thể học theo lễ được đâu. Cho nên nói rằng lễ là nguyên-thủy tự trời mà thành ra tự người, trời không có thế mà tự người muốn đặt bịa ra, thời không có thể bao giờ. »

Kết-luận. — Ông Kinh-Công là nhà trước-danh về văn-chương với chính-trị, không phải thuần - túy là một nhà tư - tưởng. Song ông ấy bàn rằng Tính-tình không thể phân ra thiện với ác được, cái tiêu-chuẩn thiện ác là bằng ở lý, lời nói ấy các học-trò nhà Đường nhà Hán chửa ai đã bàn đến, thực là có trác-thức vậy.

Thiệu Khang-Tiết 邵康節

Tiểu-truyện. — Ông Thiệu Khang-Tiết tên là Ung 雍, tên tự là Nghiêu-Phu 堯夫, người đất Hà-nam. Thường học ông Lý Chi-Tài 李之才 ở Bắc-hải, truyền-thụ được cái học suy-tính tượng-số tiên-thiên hà-đồ-bát-quái, mà tự minh thần-ngộ được nhiều. Thường được cử ra làm quan, ông không chịu ra, năm Hi-ninh thứ mười, ông mất, thọ 67 tuổi. Năm Nguyên-hựu, được cho tên thụy là Khang-Tiết. Có làm thiên *Quan-vật* 觀物, bài *Ngư-tiều-vấn-đáp* 漁樵問答, tập *Y-xuyên kích-nhưỡng* 伊川擊壤, sách *Tiên-thiên-đồ* 先天圖, sách *Hoàng-cực kinh-thế* 皇極經世.

Bàn về vũ-trụ. — Ông Khang-Tiết bàn về vũ-trụ là bắt-chước kinh *Dịch* và sách *Thái-huyền*, suy tính ra số-học, cứ theo cái lịch-duyệt thời-gian trong thế-giới mà bàn-luận cái phép-tắc tuần-hoàn và muôn vật sinh-hóa, cái điều quan-hệ đến học-thuyết luân-lý là có bàn đến lẽ nhân-loại phát-sinh, sẽ lược kể như sau này.

Nói về người với vật, thánh với phàm phân - biệt khác nhau. — Ông Khang-Tiết nói rằng : « Người ta sở, dĩ linh hơn muôn vật, là tại có tai-

mắt, mũi, mồm, hay hấp-thụ được thanh, sắc, khí, vị của muôn vật. Thanh, sắc, khí, vị là thể của muôn vật; tai, mắt, mũi, mồm là dụng của muôn người. Song người cũng là một loài vật, mà ông thánh cũng là loài người, sao lại phân-biệt được? Vì rằng có giống vật chỉ là một vật, có giống vật hơn gấp mười gấp trăm, có giống vật hơn gấp nghìn, vạn, ức, triệu các loài vật; hơn gấp triệu các loài vật chẳng phải là loài người ru? Có giống người chỉ là một người, có người hơn gấp mười, gấp trăm, gấp nghìn, vạn, ức, triệu các loài người, một người mà hơn được hàng triệu người chẳng phải là ông thánh ru? Thế cho nên bậc tri-nhân là rất hơn cả loài vật, bậc thánh-nhân là rất hơn cả loài người; hơn cả loài người thời hay lấy nhất-tâm mà xét được cả vạn-tâm, nhất thân mà xét được cả vạn-thân, một đời mà xét được cả muôn đời, và hay lấy tâm thay ý Trời, miệng thay Trời nói, tay thay Trời làm, thân thay đỡ được việc Trời, trên hay biết được thời Trời, dưới hay xét được địa-lý, giữa hay suốt hết vật-tình. » Như cái thuyết ấy thời bậc thánh-nhân hay bao-hàm cả vạn-hữu vậy.

Học. — Thế thời người ta làm sao làm được bậc thánh-nhân, thời tất phải do học. Ông Khang-Tiết nói rằng: « Học không xét hết đến khoảng trời người, không gọi là học được. » Lại rằng: « Học không biết đến nhạc, không gọi là học được. » Ông ấy cho sự học cùng-cực là ở cả tại bốn kinh là: kinh *Dịch*, kinh *Thi*, kinh *Thư* và kinh *Xuân-thu* vậy.

Cần lúc một mình. — Ý ông Khang-Tiết bảo rằng học không những là giảng-tập mà thôi, cho nên nói rằng: « Người quân-tử học trước nhất cốt cho nhuận cái thân mình, còn như trị người, ứng việc, đều là sự sau cả. » Lại rằng: « Phàm điều thiện ác người ta hình ra lời nói, phát-hiện ra sự làm, thời người mới biết được. Còn như mới manh ra ở trong tâm, mới phát ra lúc nghĩ, quỉ-thần mới biết được; thế cho nên người quân-tử phải thận-độc. » Lại rằng: « Thần của người tức là thần của trời đất, người ta tự dối mình tức là dối trời đất, há chẳng nên cẩn-thận lắm ru! » Lại nói cái công-hiệu thận-độc rằng: « Người ta hay động theo lẽ trời thời tạo-hóa ở mình, đối với vật khác không phải vật nó lụy mà hay hóa được vật. » Lại rằng: « Sai khiến ta ấy là tại tình, tình thời che, che thời mờ tối; nhân theo vật ấy là tại tính, tính thời thần, thần thời sáng tỏ; tiềm-thông cả trời đất, đâu cũng xét đến được mà không phải khí âm dương nó nhiếp-thu mất ấy là thần vậy. »

Thần. — Ông ấy gọi là thần ấy là cái gì? tức là cái trạng-thái lại qui về tính, cho nên rằng: « Thần ấy là không có phương-thể nào mà tính thời là chất vậy. » Lại rằng: « Thần ấy là không đâu là chẳng ở, bậc tri người nhân thần cùng tâm thông, cũng là một gốc vậy. » Thế thời ông ấy gọi là thần tức như Lão-tử gọi là đạo vậy.

Tính tình. — Ông Khang-Tiết cốt lấy phục-tính làm chủ-nghĩa, cho nên cho tình là phản-động với tính, nói rằng: « Mặt trăng là bóng của mặt trời, tình là bóng của tính. Tâm là tính mà đâm là tình, tính là thần mà tình là quỉ vậy. »

Kết-luận. — Ông Khang-Tiết bàn lẽ vũ-trụ, cho một người là có một tiểu-vũ-trụ, nghĩa đó là bản tự học-trò nhà Hán, song ông nhất-thiết lấy tượng-số mà nói, cũng không khỏi là câu-nệ quá, nhưng mà ông bàn từ vật đến người, từ người đến bậc thánh-nhân, hơi hợp về cái lẽ tiến-hóa. Lại lấy

thần làm đại-biểu về giới vô-sai-biệt, mà lấy công-phu thận-độc để phục-tính lại, đó là bởi tự giới sai-biệt mà đạt lên đến cõi không sai-biệt, dẫu lời nói bản tự phái nhà nho, song cái ý-chỉ thời đều là tâm-truyền tự họ Trang họ Phật vậy.

Châu Liêm-Khê 周濂溪

Tiểu-truyện. — Ông Châu Liêm-Khê tên là Đôn-Di 敦頤, tên tự là Mậu-thúc 茂叔, người đất Doanh-đạo thuộc về Đạo-châu. Năm Cảnh-hựu thứ ba, ông mới ra làm quan chủ-bạ huyện Phân-ninh châu Hồng, rồi thăng lên làm quan Tri quận Nam-khang. Nhân lập nhà ở dưới núi Liên-hoa thuộc Lư-sơn, bèn đặt hiệu là Liêm-Khê là lấy tên ngòi nước ở chỗ cố-cư ở Doanh-đạo. Năm Hi-ninh thứ sáu, ông mất, thọ 57 tuổi. Ông Hoàng Đình-Kiên bàn nhân-phẩm ông vi như gió hòa trăng sáng. Hồi vãn-niên, ông thanh-nhàn vui đạo học, cỏ mọc trước cửa sổ, ông cứ để tự-nhiên, nói rằng: « Xem đó cùng với sinh-ý của mình cũng như vậy. » Hai ông Trình theo học, ông Liêm-Khê sai nhận tìm chốn ông Khổng ông Nhan vui ở đâu. Ông có vẽ ra đồ *Thái-cực* 太極 và làm bài thuyết *Thái-cực-đồ* 太極圖, và sách *Thông-thư*.

Luận về Thái-cực. — Ông Liêm-Khê bàn luân-lý, bản tự tính-luận mà hợp cả với vũ-trụ-luận, cho nên muốn xét cái học của ông Liêm-Khê thời phải trước từ bài luận *Thái-cực*, có nói rằng: « Vô-cực mà thái-cực, thái-cực động mà sinh khí dương, động-cực rồi lại tĩnh, tĩnh mà sinh khí âm, tĩnh-cực rồi lại động, cứ một động một tĩnh tuần-hoàn thay đổi nhau rồi phân ra âm-dương, mà thành ra lưỡng-nghi. Năm hành cũng là một khí âm dương, âm dương là một thái-cực, mà thái-cực bản là vô-cực. Năm hành sinh ra đều có một tính khác nhau rồi cái chân-lý vô cực với cái châu-tinh hai khí năm hành, diệu-hợp mà đọng lại, đạo kiền thời thành con trai, đạo khôn thời thành con gái, hai khí giao-cảm hóa-sinh ra muôn vật, muôn vật sinh ra biến-hóa vô-cùng, người ta được cái tú-khí nên thiêng-liêng hơn cả, sinh ra mà thần-trí phát-đạt, năm tính cảm-động rồi mới chia ra thiện ác. Ông thánh-nhân lấy trung chính nhân nghĩa làm chuẩn-định, chủ-tĩnh để lập đạo-cực, hợp đức với trời đất, hợp sáng với nhật nguyệt, hợp trật-tự với bốn mùa, hợp cát hung với quỉ thần: người quân-tử biết tu thời cát, kẻ tiểu-nhân trái đi thời hung. » Cho nên kinh *Dịch* rằng: « Lập đạo trời là khí âm với khí dương, lập đạo đất là cương với nhu, lập đạo người là nhân với nghĩa. » Lại rằng: « Nguyên-thủy yếu-chung, cho nên biết được cái lẽ sinh tử rất lớn, kinh *Dịch* thật là rộng-rãi vậy thay! » Đại-lý là cho loài người khởi-nguyên ra không ngoài vòng Thái-cực, ông thánh cũng là người mà hợp đức với Thái-cực vậy.

Tính với thành. — Ông Liêm-Khê cho tính là một đức thành-thực, là bản ở sách *Trung-dung*, song ông ấy nói cái đức thành, chỉ chuyên xét về một phương-diện tĩnh-chỉ mà nói, cho nên nói rằng: « Thành ấy là cái bản-đức của ông thánh-nhân, lớn thay đạo kiền-nguyên, muôn vật nhờ đó mà sinh ra trước, đó là gốc đạo thành vậy. Kiền-đạo biến-hóa, muôn vật đều chính tính-mệnh, đó là đã lập ra đạo thành rất là thuần-túy chí-thiện. » Lại rằng: « Đức thành ấy là gốc năm đạo thường, là nguồn trăm nết, khi tĩnh thời như không mà khi động lên thời có, rất là chính-đáng mà sáng-suốt; năm thường trăm nết không có đức thành thời tà-khuất mà tối-tăm, đã thành-thực thời sáng-tỏ và rõ-rệt. » Xem đó thời biết cái bản-chất tính tức là đức thành-thực, vượt qua thiện ác, mà đồng-thể với ngoài vòng thái-cực vậy.

Thiện ác. — Thế thời thiện ác khởi ra tự đâu ? Nói rằng : Khởi ra từ lúc cơ - vi. Nguyên cái đức thành-thực vốn là vô-vi, đến lúc cơ-vi nó động ra mới chia ra thiện ác. Bác-ái là nhân, hợp - nghi là nghĩa, phải lẽ là lễ, thông-suốt là trí, cẩn-thủ là tín, cứ yên theo tính tự-nhiên là bậc thánh, phải giữ-gìn lấy tính là bậc hiền, phát-tỏ cái cơ-vi mà không trông thấy, sung - chu khắp cả mà không cùng-cực ấy là bậc thần.

Cơ-vi với thần. — Ông Liêm-Khê cho sự hành-vi là một cái máy động rất tinh-vi, lúc mới phát ra gọi là cơ, mà cái cơ thành lúc phát-động ra tự-nhiên hợp tiết-độ ấy gọi là thần, cho nên nói rằng : «Tịch-mịch không động ấy là *thành*, cảm-giác mà thông-suốt ngay ấy là *thần*, cái lúc mới cảm-động chưa hình ra có hay không ấy gọi là (*cơ*), thành-tinh cho nên sáng láng, thần-ứng cho nên linh-diệu, cơ-vi cho nên u-ẩn, đạo thành cơ-vi-thần-diệu ấy là bậc thánh-nhân. »

Nhân - nghĩa trung - chính. — Chỉ có bậc thánh mới thần-thông, nếu không phải là bậc thánh, thời phải chú-ý xem cái cơ-vi hành - động mà phải chuẩn theo đạo thánh-nhân, cho nên nói rằng : « Động ra mà chính-đáng gọi là đạo, dụng ra mà thuần-hòa gọi là đức, không phải nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thời đều là tà cả, những điều tà ấy hành-động ra thời là nhục, cho nên người quân-tử phải cẩn-thận cái cơ phát-động. » Lại rằng : « Đạo ông thánh-nhân chỉ có nhân, nghĩa, trung chính mà thôi, giữ được thời là qui, làm được thời lợi ; khoác-sung ra phối-hợp với trời đất, há chẳng giản-dị dễ biết lắm thay, chỉ tại mình không giữ, không làm, không khoác-sung đó mà thôi. »

Cái phép tu-vi. — Người ta phải cẩn-thận cái cơ phát-động mà noi-theo cái đạo nhân-nghĩa trung-chính thời nên thế nào ? Ông Liêm-Khê lập ra cái phép tích-cực nói rằng : « Cốt phải suy-nghĩ, thiên *Hồng-phạm* rằng: « Nghĩ ấy là đức khôn-sáng, khôn-sáng ấy là thánh. » Cái cơ động ra ở đây mà cái ý thành cảm-động ra đến chỗ kia, nghĩ đều thông-suốt hết cả ấy là ông thánh-nhân ; không có suy-nghĩ thời không thông cơ-vi được, không có khôn-sáng thời không thông-suốt được, cho nên sự suy-nghĩ là cái công - phu căn - bản để làm nên bậc thánh, mà cái cơ cát-hung nó cũng ở đó vậy. » Ông lại lập ra cái phép tiêu-cực bảo rằng cốt phải không có bụng dục, nên ông nói : « Không có bụng dục thời tĩnh mà hư-minh, mà lúc động ra thời thẳng, hư-tĩnh thiêng-liêng thời sáng, sáng thời thông ; lúc động ra thẳng thời công, công thời phổ-cập, nếu được sáng-thông, công-minh, phổ-cập thời là gần đến bậc thánh vậy. »

Kết-luận. — Ông Liêm-Khê bởi luận lẽ vũ-trụ mà diễn-dịch ra thuyết luân-lý cũng giống như ông Khang-Tiết. Duy ông Khang-Tiết lấy số mà nói, mà ông Liêm-Khê thời lấy lý mà nói. Đại-đề cái thuyết luân-lý của ông Liêm-Khê, căn-bản ở trong sách *Trung-dung*, mà nói rõ cái cơ nó chia ra thiện-ác, ấy là điều sáng-kiến ; còn như phân-biệt người với vật khác nhau, là do tại bẩm-thụ cái khí có tinh thô khác nhau, cái thuyết ấy các hậu-nho phải tổ-thuật cả.

Trương Hoành-Cừ 張橫渠

Tiểu-truyện. — Ông Trương Hoành-Cừ tên là Tái 載, tên tự là Tử-Hậu 子厚, nguyên đời trước ở đất Đại-lương, sau theo cha đi làm quan, bèn đến ở chấn Hoành-cừ quận Phượng-tường. Khi nhỏ ông thích bàn việc binh. Ông Phạm Trọng-Yêm 范仲淹 cho học sách *Trung-dung*, ông bèn cố chí cầu-đạo, xét về đạo Phật đạo Lão

không thấy được gì. bèn trở lại xét về sáu Kinh, sau được gặp hai ông Trình bảo lấy cái cốt-yếu đạo-học, ông bèn bỏ hết di-học mà theo về nho-học. Năm Gia-hựu đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Thái-thường lễ-viện, năm Hi-ninh thứ mười ông mất, thọ 58 tuổi. Có làm ra sách *Chính-mông* 正蒙, thiên *Học-lý-quật* 學理窟, *Dịch-thuyết* 易說, và bài *Tây-minh* 西銘, *Đông-minh* 東銘.

Thái-hư. — Ông Hoành-Cừ cho cái bản-thể vũ-trụ là thái-hư, vô-thủy vô-chung, mà trong vũ-trụ lại hàm có hai cái động-lực lúc hợp lúc tan ấy là khí âm khí dương. Bởi âm dương mà phát-sinh ra vô-số hiện-tượng, hiện-tượng dẫu không giống nhau, mà nguyên nó phát-sinh ra vẫn là một, nên có nói rằng : « Không lập thành đôi ra thời không thấy một lẽ gì, cứ để làm một không thấy được, nên phải có đôi, như là hư với thực, động với tĩnh, tụ với tán, thanh với trọc, song cũng là một cả. » Lại rằng : « Tạo-hóa thành ra không có một vật nào giống nhau cả.» Ông Hoành-Cừ bởi thế mới thành ra cái quan-niệm lý-nhất mà phận thời khác nhau.

Nói về lý-nhất mà phận-thù. — Ông Hoành-Cừ bàn về lẽ Vũ-trụ lập ra cái quan-niệm lý-nhất phận-thù, nên ứng-dụng ra học luân-lý, bàn ở thiên *Tây-minh* rằng : « Trời là cha, đất là mẹ, ta điều-nhiên ở giữa, trời đất phú cho ta cái hình-thể, lại phú cho ta cái tính, người với ta, ta coi như đồng-bào, vật với ta, ta cũng cùng thương yêu, vua là đấng tôn-tử của ta, quan đại-thần là người gia-tướng của vua. Ta tôn bậc cao-niên là ta kính-trọng người tôn-trưởng ; ta yêu kẻ hèn-yếu là ta thương người thơ-ấu ; bậc thánh thời hợp đức tự-nhiên, mà bậc hiền là người tuấn-tú, phàm những người tàn-tật, quan-quả, cô-độc, đều là anh em ta cả mà phải khốn-khổ không biết kêu vào đâu vậy.»

Tính tự trời đất phú cho và tính thuộc về khí-chất. — Ông Hoành-Cừ lại chia tính ra làm hai : một là tính nguyên tự trời đất phú cho, nói rằng : « Người ta có thành-hình rồi sau mới có cái tính khí-chất, nếu hay phản-tính lại thời mới giữ được cái tính của trời đất phú cho ; cái tính khí-chất thời người quân-tử không cho làm tính vậy. » Ý là bảo rằng cái tính nguyên của trời đất phú cho thời muôn người đồng nhất-lý, như thái-hư vậy; còn cái tính khí-chất là khởi ra sau lúc thành-hình, như là thái-hư mà có khí âm-dương, có phân ra khí thanh trọc; cho nên cái tính khí-chất phân ra có kẻ hiền, ngu, thiện, ác, không giống nhau, đó gọi là phận-thù. Song âm-dương dẫu là tương-phản mà kỳ-thực là tương-thành, cho nên thái-hư diễn ra khí âm-dương, mà khí âm-dương vẫn là ở trong thái-hư. Đến như khí thanh-trọc mà phân ra các hạng người hiền hay ngu, thiện hay ác, thời khác hẳn nhau vậy.

Phân-biệt ra tâm với tính. — Ông Hoành-Cừ nói rằng : « Vật gì hợp với đường tri-giác, thời gọi tên là tâm, tâm là thống cả tính với tình. » Đó là cho cả toàn-thể tinh-thần-giới của người ta tóm gọi là tâm, tính là cái bản-thể của tâm vậy.

Hư-tâm. — Ông Hoành-Cừ rằng : « Thái-hư là cái thực-thể của tâm. » Lại rằng : « Không nên lấy sự kiến-văn làm tâm, nếu lấy sự kiến-văn làm tâm, thời vật trong thiên-hạ không thể nghe thấy trông thấy hết cả được, thế là tự nhỏ mất cái tâm đi. Chỉ nên hợp tâm với thái-hư, tâm hư thời công-bình, công-bình thời phải trái biết rõ cả, việc nào nên làm hay việc nào không nên làm đều biết rõ cả. »

Biến-hóa khí-chất. — Ông Hoành Cừ nói rằng : « Khí-chất ấy là ác, học thời tự-khắc nó dần dần đi ; người bây giờ thường hay phải cái khí nó sai-

khiến. » Lại rằng : « Học đến luyện thành được tính, thời khi không thể thắng được. Việc học rất là ích-lợi, cốt tại hay biến-hóa khí-chất ; không thể thời chẳng hay phát-minh được điều gì, không biết được áo-lý của thánh-hiền, cho nên học-giả trước phải biến-hóa khí-chất, có biến-hóa khí-chất thời tâm mới thanh-hư được. »

Lễ. — Ông Hoành-Cừ đã chủ-trì cái lý-luận lý-nhất mà phận-thù, cho nên trọng trật-tự thời phải trọng đến lễ, nói rằng : « Sinh ra có trước sau, ấy là cái thứ-tự của trời, rồi lớn nhỏ cao thấp khác nhau hình rõ ra đó là trật-tự của trời, trời sinh vật ra đã có thứ-tự, vật thành-hình ra đã có trật-tự, biết thứ-tự thời đạo kinh-thường mới chính, biết trật-tự thời lễ mới làm được.» Ông đã chủ-trì cái lý-luận ấy, cho nên từ trị nhà đến tiếp vật, trước hết phải chính mình để cảm-hóa người, sự động-tác ngày thường đều tất phải hợp vào lễ.

Kết-luận. — Ông Hoành-Cừ luận về vũ-trụ, chủ-trì cũng có lý, song bởi tự khí âm-dương mà diễn ra thanh-trọc, lại bởi thanh-trọc mà diễn ra hiền ngu, thiện ác, thời cái lẽ bàn cũng hơi trái. Còn như chủ-trì cái thuyết lý-nhất phận-thù, và phân cái tính trời đất phú cho với cái tính khí-chất khác nhau, thời cũng là điều sáng-kiến.

Trình Minh-Đạo 程明道

Tiểu-truyện. — Trình Minh-Đạo tên là Hiệu 顥, tên tự là Bá-Thuần 伯淳, người tỉnh Hà-nam, khi 15 tuổi, cùng với em là ông Y-Xuyên đến học ông Châu Liêm-Khê, bởi thế khái-nhiên bỏ cái nghiệp học khoa-cử, cố chí học cầu cho biết đạo-lý. Hơn hai mươi tuổi, phải triệu ra làm quan Chủ-bạ huyện Vu; về sau, quản-giám việc tửu-thuế ở Nhữ-châu, mất năm Nguyên-phong thứ tám, thọ 54 tuổi. Ông là người đốc-thực, đạo-đức, nét mặt ôn-hòa thuần-thúy. Học-trò và bè-bạn đi lại giao-tiếp hàng mấy mươi năm, không trông thấy ông có cái nét mặt giận-dữ ai bao giờ. Đương lúc ông Vương Kinh-công cầm quyền-chính, ông Minh-Đạo làm quan Giám-sát ngự-sử, cùng ngồi bàn việc, Kinh-công nghiêm nét mặt để đối-đãi. Ông Minh-đạo ung-dung nói rằng : « Việc trong thiên-hạ không phải là việc bàn riêng trong một nhà, phải nên bình-khí để mà nghe mới được. » Ông Kinh-công cũng phải thẹn mà chịu khuất. Đến lúc mất, ông Văn Ngạn-Bác hợp-thái các lời bàn, đặt tên hiệu là « Minh-Đạo tiên-sinh 明道先生 ». Học-thuyết ông ấy, các học-trò đã chép ở *Ngữ-lục*.

Bàn về nguyên-lý tính-thiện. — Ông Trình Minh-Đạo dẫn câu văn trong Dịch-tượng mà bàn cái nguyên-lý rằng: « Sinh-sinh mãi không cùng ấy gọi là đạo kinh *Dịch*, tức là đạo trời, đạo trời chỉ là sinh-lý, nối được cái sinh-lý ấy là thiện, thành được cái sinh-lý ấy là tính. » Ý ông ấy bảo rằng bản-thể tính nguyên không có phân thiện ác, tự cái phương - diện động-tác mà nói thời không ngoài cái lẽ sinh-sinh ; người ta ai cũng muốn tự sinh-hoạt, thời cũng muốn cho người ta sinh-hoạt, không có cái gì là bất-thiện, chính hợp với sinh-đạo của trời đất vậy.

Thiện ác. — Ông Minh-Đạo rằng : « Thiện ác trong thiên-hạ đều là lẽ trời cả ; gọi là ác ấy vốn không phải là ác, chỉ tại làm quá-đáng hay bất-cập mới sinh ra thế mà thôi. » Lại rằng: « Khi-bẩm người ta kể lẽ ra vẫn là có thiện ác. Tuy vậy, nguyên trong tính không phải là có hai vật sinh ra đối nhau. Lại vì như nước trong đục kia đều là nước cả, có dòng chảy mãi đến bể mà không đục, có dòng chảy chửa bao xa mà đã sinh ra đục nhiều hay đục ít ; trong đục dẫu khác nhau, nhưng không thể bảo thứ nước đục ấy không phải là nước. Thế cho nên người ta phải có

cái công lọc cho trong, hễ dụng-lực cần-mẫn ấy thời trong ngay, dụng-lực chậm-chạp ấy thời lâu trong; đến lúc nó trong cũng chỉ nguyên là nước cũ, không phải là đem thứ nước trong khác mà thay bỏ đục đi, cũng không phải đem thứ nước đục bỏ ra một chỗ vậy. Nước trong cũng tức như là tính thiện, thế cho nên thiện ác nguyên không phải là hai vật đối nhau sinh ra tự trong tính vậy. »

Nhân. — Ông Minh-Đạo rằng: « Học-giả phải trước biết điều nhân, đạo nhân vốn hồn-nhiên đồng-thể với muôn vật, phàm các điều lễ, nghĩa, trí, tín, đều là đạo nhân cả. Nhà thầy thuốc gọi cái bệnh chân tay tê-dại là bất-nhân, lời nói ấy hình-dung rất khéo, vì nhân ấy là lấy cả trời đất muôn vật làm nhất-thể, chân tay bất-nhân là tại khí-huyết trong thân-thể không được lưu-thông. Còn như bậc trí-nhân, một thân bao-hàm cả trời đất, trong khoảng trời đất phẩm vật ra muôn hình, cũng như là tứ-chi bách-thể, người ta lẽ nào lại không yêu tứ-chi bách-thể của mình hay sao? Chỉ có ông thánh-nhân hay thể cái bụng yêu ấy thực là bậc trí nhân.

Kính. — Ông Minh-Đạo bảo phải kính, không phải là bảo phải kiềm-thúc cái thân, cốt là hàm-dưỡng cái tâm, cho nên nói rằng: « Chỉ để tâm nghe lời nói thiện, đó là kính cái tâm, cho nên trông cũng không thấy gì khác, nghe cũng không biết gì cả, đó là chuyên-chủ nhất-tâm vậy. » Lại rằng: « Kính tức là lẽ, còn có bụng tư-kỷ gì nữa. Cứ giữ một bụng kính ở trong, chuyên-chủ mà không có tha-thích, ấy là có cái khí-tượng hiệu-nhiên. »

Quên cả trong ngoài. — Ông Minh-Đạo thường nói rằng: « Đã gọi là định-tĩnh thời lúc động cũng định, mà lúc tĩnh cũng định, không có đón đưa, không có trong ngoài; nếu cho ngoại-vật là ngoài, phải đem mình mà theo, thế ra coi tính mình có phân ra nội ngoại vậy. Trời đất vẫn như thường, dẫu rằng tâm phổ-cập cả muôn vật mà vẫn vô-tâm; thánh-nhân cứ như thường, dẫu lấy tình thuận-ứng muôn việc mà vẫn vô-tình; cho nên người quân-tử mà học không gì bằng cứ cái bụng khoác-nhiên thái-công, vật gì đến thời mình thuận-ứng, không phải giữ-gìn câu-thúc cho lắm. Nếu cứ phải bài-sích ngoại-vật mà giữ-gìn ở trong, thời không gì bằng quên cả trong ngoài, thật là vô-sự lắm, đã vô-sự thời yên-định sáng-suốt, còn có hệ-lụy gì nữa. Ông thánh-nhân mừng là vì cái vật ấy nên mừng, giận là vì cái vật ấy nên giận; mừng giận có quan-hệ gì ở tâm đâu, là hệ ở ngoại-vật cả, sao lại bảo theo ngoại-vật là không phải, mà cứ phải cầu ở trong mới là phải. »

Thành. — Ông Minh-Đạo bảo rằng: « Học-giả cốt trước biết đạo nhân, đạo nhân là một lẽ hồn-nhiên thiên-lý, cứ lấy bụng thành kính mà giữ lấy đạo nhân mà thôi, nếu xét mình mà thành-thực còn vui gì bằng; lúc nào cũng làm hết phận-sự của mình chớ đừng mong cái công-hiệu vội, lúc nào cũng tâm-niệm chớ quên, chớ đừng thúc-giục giúp cho nó chóng lên vậy; giữ được bụng thành như thế lâu rồi thành ra tự-nhiên. »

Kết-luận. — Học-thuyết của ông Minh-Đạo thủy-chung nhất-quán cả, bàn thiện ác thời bảo rằng hễ hợp tiết-độ là thiện, không hợp tiết-độ là ác; bàn đạo nhân thời bảo rằng hợp với cái lẽ sinh-ý tự-nhiên, hòa-hợp cả yêu mình yêu người là một; bàn cái cách tu-vi thời chỉ cốt hàm-dưỡng tâm-tính chớ không phải câu-thúc, thực là có cái thú vui đạo, mà không có ý-kiến câu-nệ vậy.

Trình Y-Xuyên

Tiểu-truyện. — Trình Y-Xuyên tên là Di 頤, tên tự là Chính-thúc 正叔, là em ông Trình Minh-Đạo, kém ông Minh-Đạo một tuổi. Khi 17 tuổi, thường đến cửa Khuyết dâng thơ lên vua; về sau thường bị cử ra bổ quan, nhưng ông không chịu làm. Thời vua Triết-tôn triệu ra làm quan Thuyết-thư ở điện Sùng-chính, vì ông nghiêm-chính quá, ai cũng sợ. Sau phải bị bắc rồi bãi về. Thời vua Huy-tôn, ông bị tiếng gièm là tà-thuyết bi-hạnh làm hoặc-loạn cả nhân-chúng, phải bắt đến phủ Hà-nam cứu-xét, rồi phải đuổi tan cả học-trò, biên tên vào sổ bằng-đảng. Năm Đại-quan nguyên-niên, ông mất, thọ 75 tuổi, học-thuyết chép ở truyện thuyết kinh Dịch và sách *Ngữ lục.*

Ông Y-Xuyên với ông Minh-Đạo khác nhau. — Ông Y-Xuyên với ông Minh-Đạo dẫu là anh em, song ông Minh-Đạo thời ôn-hòa trọng-hậu, mà ông Y-Xuyên thời nghiêm-chính, tính-chất đã không giống nhau, cho nên cái chủ-nghĩa duy-trì mỗi ông một khác, dẫu học-thuyết cũng có nhiều chỗ quán-thông với nhau, song vẫn hiển-nhiên chia làm hai phái, như là: ông Minh-Đạo cho tính tức là khí, mà ông Y-Xuyên thời cho tính tức là lý, mà lại nghiêm-biện cái lẽ lý với khí; ông Minh-Đạo thời tự-nhiên quên cả nội ngoại, mà ông Y-Xuyên thời cốt phải quả-dục; ông Minh-Đạo cứ hồn-nhiên tự-đắc, mà ông Y-Xuyên thời học cho cùng-lý. Bởi vì ông Minh-Đạo thuần-túy là học phái ông Mạnh-tử; ông Y-Xuyên dẫu có theo về học phái ông Mạnh, mà thực là học phái ông Tuân-tử. Về sau học phái ông Minh-Đạo truyền đến ông Tượng-sơn, ông Dương-minh; học phái ông Y-Xuyên thời truyền đến ông Chu Hối-Am. Xem đó thời biết sự học cũng tùy theo cái tính người vậy.

Lý với khí, tính với tài quan-hệ với nhau. — Ông Y-Xuyên rằng: « Tính là tự trời phú cho, mà tài là tự khí sinh ra; khí thanh thời tài cũng thanh, khí trọc thời tài cũng trọc; tài còn có điều bất-thiện, chớ tính thời toàn là thiện. Tính bản-thiện mà lại có điều bất-thiện ấy là tại tài; tính tức là lý, lý thời từ vua Nghiêu vua Thuấn đến người thường-dân, cũng như một cả. Tài vì tự khí bẩm-sinh ra, khí-bẩm có trong, đục, bẩm-thụ được thanh-khí thời là người hiền, bẩm-thụ trọc-khí thời là người ngu. » Đại-ý nói cũng giống như ông Hoành-Cừ phân ra cái tính tự trời đất, với cái tính khí-chất vậy.

Tâm. — Ông Y-Xuyên cho tâm với tính là một, nói rằng: « Nguyên khi còn ở trời thời gọi là *mệnh*, so với nghĩa thời gọi là *lý*, phú cho người thời gọi là *tính*, chủ ở thân mình thời gọi là *tâm*. » Ông bàn đến tính thời nói rằng: « Tính tức là lý, lý ở trong thiên-hạ nguyên là chí-thiện, mừng, giận, thương, vui, lúc chưa phát ra khi nào lại có bất-thiện; phát ra mà hợp tiết-độ, thường-thường vẫn là thiện; phát ra mà không hợp tiết-độ, mới sinh ra bất-thiện; thế cho nên nói tính thiện là cái khi mừng, giận, thương, vui chưa phát ra vậy. » Ông bàn đến tâm thời bảo rằng: « Tâm vốn là ôn-hòa tĩnh-mịch, mà vạn-tượng xâm-nhiễm đủ cả, cứ tự-nhiên thuận-ứng muôn việc, như là cái cây cao trăm thước, tự cỗi rễ cho đến cành lá, quán-thông suốt cả. » Hoặc người hỏi: « Cái tâm đứa con đỏ nó đã phát-động chưa? » Ông bảo rằng: « Nó đã phát-động rồi, nhưng nó còn chưa xa-cách đạo-lý mấy. » Hoặc người hỏi rằng: « Người lớn mà vẫn giữ được bụng như bụng con đỏ thời thế nào? » Ông bảo rằng: « Đó là cái bụng thuần-nhất mà hợp với đạo-lý vậy. » — Tâm đứa con đỏ với tâm ông thánh-

nhân thế nào ? Ông bảo rằng : « Tâm ông thánh-nhân như là mặt gương sáng, như là mặt nước đứng, còn là lúc tình mừng, giận, thương, vui chửa phát-động, vẫn còn giữ được cái bản-thể tâm vậy. »

Dưỡng-khí quả-dục.—Ông Y-Xuyên nói rằng : « Ông Mạnh-tử bảo nên dưỡng-khí, là nuôi cái khí hiệu-nhiên cho được thanh-minh thuần-toàn, không để cho nó hôn-mê bí-tắc đi mất. » Ông lại nói dưỡng-khí cốt tại quả-dục, bảo rằng : « Muốn tri-tri thời phải nuôi cái khiếu tri-giác, muốn nuôi cái khiếu tri-giác thời không gì bằng quả-dục. » Bản-ý là bảo rằng quả-dục thời có thể đổi được cái trọc-khí đi mà nuôi được cái thanh-khí.

Kính với nghĩa. — Ông Y-Xuyên cũng lấy kính với nghĩa để làm phép tu-vi, nói rằng : « Kính là cái đạo để trị mình, mà nghĩa thời biết phân-biệt điều phải điều trái, cứ theo lẽ phải mà làm, ấy là nghĩa. Nếu chỉ biết thủ-kính mà thôi, mà không biết so-sánh hợp với nghĩa, thời ra không có việc gì cả ; như là muốn làm hiếu mà chỉ biết chữ hiếu, không biết suy xét cái đạo hiếu nó ra làm sao, sớm hôm phụng-sự nên thế nào, quạt nồng ấp lạnh nên thế nào, có biết suy-xét như thế mới hết được đạo hiếu. »

Cùng-lý. — Ông Y-Xuyên bảo học-giả cốt phải cùng-lý : Một là phải đọc sách để giảng-minh nghĩa-lý ; hai là phải bàn việc cổ-kim để phân-biệt phải trái ; ba là phải thù-ứng công-việc mà xử cho đích-đáng. Lại chia trí ra có hai bậc : một là bậc trí bởi nghe thấy mà biết, như là những người tài-giỏi bác-vật ngày nay ; hai là bậc trí bởi tự đức-tính, không phải nhờ sự kiến-văn, chỉ đọc sách, xét sự cổ, giao-thiệp mọi việc, rồi đức-tính tự-nhiên trong sáng mà sinh ra trí khôn.

Sự biết với sự làm. — Ông Y-Xuyên bảo rằng sự biết phải ở trước sự làm, ví như đi đường phải soi cho tỏ trước đã, nếu miễn-cưỡng mà làm thời không được lâu dài. Tính người ta bản-thiện, cứ theo lẽ phải mà làm, ấy là thuận-tiện ; song còn phải so-xét lẽ phải cho biết rõ trước đã, rồi tự-nhiên cứ vui theo lẽ mà hành-động, ấy là tri với hành hợp-nhất vậy.

Kết-luận. — Học-thuyết ông Y-Xuyên chỉ trọng về phương-diện thực-hành ; còn như những nghĩa chữ mệnh, chữ lý, chữ tâm, chữ tính, mỗi tên một khác, song ông cũng cho là một cả. Đến như ác khởi-nguyên ra tự đâu, thời ông bảo là bởi tại tài với khí, với dục, chớ không phân-biện ra nữa. Còn đến cái phép tu-vi thời nói tường-tất lắm, học-thuyết ông Chu-tử sau này cũng bởi ra tự đó.

ĐÔNG-CHÂU *dịch.*

MẤY ĐIỀU YẾU-LƯỢC VỀ KINH-TẾ-HỌC

Đại-ý chữ Kinh-tế

Kinh-tế có nghĩa rộng là trị nước bình thiên-hạ, nghĩa là trị nước để giúp dân. Nay cứ lấy nghĩa hẹp mà nói là việc giao-dịch kẻ này với kẻ khác để mưu sinh-hoạt. Người ta sinh ở đời cạnh-tranh kịch-liệt này, muốn cho mình tự-lập không phải ỷ-lại kẻ khác, không giảng-cầu sinh-kế sao được. Giảng-cầu sinh-kế tức là đạo kinh-tế.

IV

V

VI

Kính ảnh hiệu Hương-ký, Hà-nội

IV. Giữa viên-đàn (bàn thờ Trời Đất) — V. Trước Trai-cung (các quan phần việc) — VI. Trong sân đàn (phường múa hát dật)

I

II

III

Kính ảnh hiệu Hương-kỳ

I. Giao-đàn (đệ-nhị đệ tam thành). — II. Hoàng-Thượng ngự trong thành ra. — III. Kiệu Hoàng-Thượng

1. — Kinh-tế bởi thị-dục người ta mà sinh ra.

Người ta cũng là một loài động-vật, mà là vật có tri-khôn. Bay không bằng chim, chạy không bằng thú, mà thị-dục lại nhiều hơn, chỉ lấy tri-khôn mà tranh ăn với cầm-thú. Bấy giờ phải tìm cách duy-trì, ấy là đạo kinh-tế.

Thị-dục người ta tùy cảnh-ngộ mà định trình-độ : có cái thị-dục « tất-nhiên », có cái thị-dục « đương-nhiên », lại có cái thị-dục « sa-xỉ ». Như đói phải tìm ăn, khát phải tìm uống, tránh mưa ẩn nắng phải tìm nhà ở, ấy là cái thị-dục « tất-nhiên ». Người nghèo ăn chỉ cầu no, mặc chỉ cầu ấm, nơi ở chỉ cầu yên, còn nhà phú-quí phi cao-lương không no, phi gấm-vóc không ấm, phi cao-đường quảng-hạ không yên thân, ấy là cái thị-dục « đương-nhiên ». Còn những người không cầu no cũng ăn, không cầu ấm cũng mặc, không phú cũng cao-lương, không qui cũng gấm vóc, đều là quá-phận sa-cầu, ấy là thị-dục « sa-xỉ ». Sa-xỉ quá sinh ra thiếu-thốn, mà ảnh-hưởng hại đến cả việc trị-an trong một nước. Phàm đồ ăn, đồ mặc, nhà ở, đồ dùng đủ cung-cấp cho thị-dục mỗi người gọi là của, đủ ung-cấp cho thị-dục nhiều người gọi là giầu.

Của làm cho đầy-đủ thị-dục người ta có hai thứ : một là của thiên-nhiên, như : không-khí, bóng-sáng, không phải mất đồng tiền mua ; hai là của kinh-tế, như những của có hạn-định phải có sức người mới làm nên. Của thiên-nhiên có thể làm ra của kinh-tế, như máy nước, máy hơi đều là lấy của vô-hạn làm ra hữu-hạn, phải xuất giá-trị mới thu-dụng được. Của kinh-tế cũng phân ra hữu-hình và vô-hình, như đồ ăn, đồ mặc, đồ dùng là của hữu-hình ; thi-ca, văn-nghệ, giáo-dục, tài-trí, là của vô-hình.

Khảo-cầu kinh-tế có bốn điều trọng-yếu : 1º là tài-sản ; 2º là phép giao-hoán ; 3º là đường tiêu-thụ ; 4º là cách phân-phối. Bốn điều ấy đều giúp lẫn cùng nhau mới thành đạo kinh-tế. Nhân thổ-địa mà sinh lợi gọi là « tài-sản » ; chuyển-vận tài-sản nơi có ra nơi không gọi là « giao-hoán » ; đem vật chế-tạo phân-thụ cho mọi người, gọi là « tiêu-thụ » ; hợp bản hợp sức để mưu doanh-nghiệp, gọi là « phân-phối ». Việc kinh-tế phải có giao-hoán vì có giao-hoán thời cách phân-phối mới rộng ; việc kinh-tế phải có tiêu-thụ, vì có tiêu thụ thời tài-sản mới phát-đạt.

2. — Hiệu-dụng và giá-trị của tài-sản

Tài-sản nhân giao-hoán mới có hiệu-dụng. Như người đem tiền đi mua đồ dùng, người bán được tiền, người mua được đồ ; hoặc mua vật này chế ra vật khác, lại bán cho người khác mà lấy tiền, ấy là tài-sản nhân giao-hoán mà sinh hiệu-dụng.

Tài-sản phải thích-hợp với thị-dục người ta mới có hiệu-dụng. Như đồ ăn có thích-khẩu, đồ chơi có ngoạn-mục mới có người dùng, vật có hiệu-dụng mới gọi là tài-sản.

Vật có hiệu-dụng cho một người, thời giá nó do tư-định, vật có hiệu-dụng cho mọi người thời giá nó do công-định ; nếu vật không có hiệu-dụng cho ai, thời một đồng cũng không đáng. Cho nên tài-vật của mình có bình-quân với thị-dục của người mới sinh giá-trị. Giá-trị các vật bởi cách giao-hoán mà sinh ra gọi là giao-hoán giá-trị ; bởi sự hiệu-dụng mà sinh ra gọi là hiệu-dụng giá-trị.

Cách giao-dịch thuở xưa chỉ lấy vật này đổi với vật khác, như đổi thóc gạo lấy tấm vải, giá gạo nặng nhẹ với giá vải dài vắn phải quân-bình nhau ; ngày nay giao-hoán bằng tiền-tệ, cho nên gọi là « thị-giá », gọi là « vật-giá. »

3. — Chế-tạo tài-sản

Phép tạo-thành tài-sản là đem tài-sản tự-nhiên, gia công chế-tạo cho nên

hiệu-dụng, hoặc đem vật đã có hiệu-dụng, gia công chế-tạo cho có hiệu-dụng hơn :

1° là tập-hợp những vật thiên-nhiên mà làm tài-sản, như muông chim, cây cỏ, đồ mỏ trong rừng núi, cua, cá, sò, hến trong sông bể, đều là của thiên-nhiên, song tùy sức người tập-hợp nhiều ít mà sinh tài-sản được lớn hay nhỏ ;

2° là nuôi động-vật hay trồng thực-vật để thành tài-sản, như chăn trâu, bò, dê, ngựa, nuôi ong, thả cá, nuôi tằm, cấy lúa, trồng cây. Song việc chăn nuôi phải biết tài-bồi sinh-sản mới thịnh, việc cầy cấy phải biết khí-hậu, phải thêm đồ bón, mới thu-hoạch nhiều;

3° là gia nhân-công cho thêm vật-giá, như lấy vỏ cây, dễ cỏ, lông thú, cánh chim ; dùng phép chế-tạo cho nên đồ hữu-dụng ;

4° là nhân thiên-chuyển mà thêm giá-trị, như bào-ngư sinh ở Bắc-hải (Nhật-bản) vốn là vật thường, đem qua Đông-kinh mà có giá-trị sâm Cao-li, quế An-nam cũng vậy ;

5° là tùy thời-tiết mà sinh giá-trị, như vật trái mùa là vật có giá. Thóc lúa tháng 5, tháng 10 ăn không hết giá cũng hạ, chứa lại để đến tháng 3, tháng 8 được giá cao hơn.

Nói tóm lại lấy sức người mà ứng-dụng các vật, nghĩa là nhân các vật-chất mà thi trí-sảo cho thành hiệu-dụng, có mấy lẽ như sau này :

Một là « biến-hình », như trồng cây, bón tưới cho dễ phát-sinh, sén cắt cho thêm nẩy nở, hoặc tiếp giống tốt để thay giống xấu ;

Hai là « biến-chất », như đẽo khúc gỗ làm cái cầy, rèn miếng sắt làm con dao, hoặc lấy hóa-học mà biến-hóa các chất ;

Ba là « rút đường-đất, » như lấy xe-hỏa tầu-thủy vận-tải hóa-vật, đường đi một ngày có thể rút lại một khắc ;

Bốn là « rút thì-giờ, » như lấy cơ-khí chế-tạo để thay cho sức người, việc làm một tháng có thể rút lại một ngày.

4. — Những vật cốt-yếu trong sinh-nghiệp

Trong sinh-nghiệp có ba vật cốt-yếu : 1° là vật thiên-nhiên, 2° là nhân-lực, 3° là tư-bản. Như ruộng đất là vật thiên-nhiên, công cầy cấy là nhân-lực, đồ bón-sới là tư-bản. Lại như hơi nước là vật tự-nhiên, vận-động cơ-khí là nhân-lực, than lửa đồ máy là tư-bản.

Chẳng những ngày nay, trong việc sinh-nghiệp từ xưa đã có ba vật ấy. Tương-truyền rằng từ đời thượng-cổ có mười-lăm người ở trên một cái cù-lao nhỏ, làm nghề bắt cá kiếm ăn. Cá là vật thiên-nhiên, 15 người đánh cá là nhân-lực. Trong bọn có một người nghĩ rằng: mỗi ngày đánh cá sao bằng để một ngày mà nghỉ, cách ngày đánh cá cho được hơn; lại nghĩ lấy nơm úp cá, sao bằng lấy thuyền đuổi cá cho được nhiều hơn. Bấy giờ, ngày nghỉ, người kia cứ đi kiếm gỗ đóng thuyền. Thuyền là tư-bản trong nghề đánh cá. Thấy người có thuyền được cá nhiều, có người đem cá đến mà thuê thuyền, người có thuyền ngồi không mà được hậu-lợi. Ấy là ba điều cốt-yếu có tự đời xưa. Sau nữa mới biết họp chợ đổi-chác, mới có cửa nhà, có áo mặc, có vợ con, mà nhân-sự mở-mang dần dần từ đấy.

a) Nói về vật thiên-nhiên. — Vật thiên-nhiên phân ra có hai chủng : 1° là vật có hình-thể như cây cỏ, muông chim cùng đồ khoáng-sản ; 2° là vật không có hình-thể như không-khí, sức điện, bóng sáng, hơi nước và mầu đất. Mà trọng-yếu nhất là thổ-địa, vì vạn-vật đều ở thổ-địa mà ra. Vậy thổ-địa chiếm một phần rất lớn trong tài-sản thiên-nhiên.

Thổ-địa sinh ra cây cỏ, có cây cỏ mới sinh ra vật-loại ; người ta nhờ có cây cỏ

vật-loại mà sinh-sản. Vậy thổ-địa là sức sinh-sản. Sinh-sản hậu bạc lại tùy mầu đất, khí-hậu; đất ấm thời sinh-sản nhiều, đất lạnh thời sinh-sản ít; mầu đất tốt thời sinh-sản nhiều, mầu đất sấu thời sinh-sản ít. Sức sinh-sản của thổ-địa cũng nhân hình-thế mà khác nhau: như nơi cận-tiện thời dụng-lực ít mà được lợi nhiều, nơi hiểm-trở thời dụng-lực nhiều mà được lợi ít.

Đại-khái sức sinh-sản của thổ-địa cứ mỗi năm một kém: như đất chưa hề cầy cấy, dù bón sới ít cũng tốt; về sau cầy cấy càng lâu, mầu đất càng kém. Như mỏ khai đã lâu, khoáng-chất tất phải cạn dần. Lệ như: một khu ruộng, 3 người cầy, bỏ 3 đồng bạc đồ bón, sinh-lợi một năm được 10 tạ thóc; nay lấy 6 người cầy, bỏ 6 đồng bạc đồ bón, hay 10 người cầy, 10 đồng bạc đồ bón, không có thể sinh được 6 hay 10 tạ thóc nhiều hơn. Vì sức sinh-sản của thổ-địa có hạn và mỗi ngày một kém.

Nuôi sức thổ-địa không gì bằng đổi giống, như năm nay trồng lúa, sang năm trồng rau, thời sinh-sản cũng tốt. Nếu nhân-khẩu ngày một gia-tăng, mà thổ-địa có hạn, thời đổi giống cũng là vô-ích. Có nhà vật-lý-học nói rằng: « Nhân-khẩu gia-tăng số bội: 2×2=4; 4×4=16; mà vật-sản gia-tăng số gia: 2+2=4; 4+2=6. Cái lo người nhiều vật ít là cái lo chung. »

Tuy-nhiên, trí-thức người ta ngày một tăng-tiến, thời sức sinh-sản của thổ-địa cũng có thể mà gia-tăng. Như nghề làm ruộng đã chế-tạo được đồ bón, thay đổi được chất đất, vận-động được cơ-khí, có thể dụng sức ít mà sinh-sản nhiều. Cho nên chỉ lo trí-sức người ta không sinh, mà không lo sức sinh-sản của thổ-địa ít. Hãy xem một việc làm ruộng trước dùng đồ bón bằng động-vật và thực-vật, nhờ có hóa-học, mà nay dùng đồ bón bằng khoáng-vật. Trước lấy sức trâu bò, một người một ngày cầy được một mẫu, nay lấy sức cơ-khí, mỗi người mỗi ngày cầy được 10 mẫu. Lại như nghề làm giấy, trước dùng vỏ cây, sau dùng vải cũ, đều là cái bằng-cứ dùng sức ít mà sinh-lợi nhiều. Cái lo người nhiều đất ít cũng là cái lo trời đồ.

b) Nói về nhân-lực. — Nhân-lực là kiêm cả lao-lực, lao-tâm mà nói. Nhân-lực về việc kinh-tế lại phải lấy có lương-thiện kết-quả làm chính-đáng. Như việc cờ-bạc hà-tằng không lao-lực lao-tâm, song kết-quả có hại đến nhân-quần, không gọi là chính-đáng. Nhân-lực có phân ra hữu-hình và vô-hình: như việc cầy ruộng kéo xe, là « hữu-hình chi lao »; như phát-minh lẽ mới, khảo-cầu học mới, là « vô-hình chi lao ». Người ta muốn cho đầy-đủ cái thị-dục mình, hoặc dùng sức mình, hoặc mượn sức người, hoặc nhờ sức cổ-nhân cũng có hiệu-dụng. Làm cho đầy-đủ thị-dục người ta không gì bằng tài-sản, mà tài-sản tất phải nhân-lực mới làm nên, như đẽo gỗ đóng đồ bán lấy tiền, cũng là một mối.

Tài-sản sinh nhiều hay ít là tùy theo nhân-lực. Vô-luận một người hay nhiều người, dùng sức nhiều thời sinh lợi nhiều, dùng sức ít thời sinh lợi ít, tài-phú trong nước thịnh suy cũng bởi đó.

Trong nhân-lực có sức sinh-sản như thế, song sức con trai con gái, sức người già người trẻ, sức người khỏe người yếu đều có khác nhau, vậy muốn cho nhân-lực gia-tăng, phải nhờ ở giáo-dục. Trí-dục đức-dục là giáo-dục về đạo-đức, nông công thương cổ là giáo-dục về tài-năng. Cho nên nhà-nước muốn tăng-tiến sức sinh-sản, phải lập học-hiệu để giáo-dục người trong nước. Các nước bên Thái-Tây, công-nghệ phát-đạt là nguyên-nhân ở các trường chuyên-môn.

Muốn biết sức sinh-sản trong nước lớn hay nhỏ, phải xem mấy điều sau này:

1° là xem tiền nhân-công nhiều hay ít, nhân-công nhiều thời sức sinh-sản

cũng lớn. Cho nên những người lao-lực nhiều không nên trả công ít ;

2° là xem chức-nghiệp có vững-bền không. Chức-nghiệp có an-toàn mới bền lâu, có bền lâu mới có kết-quả. Nếu nay làm mai nghỉ, mong gì cho khởi-sắc ;

3° là xem pháp-luật trong nước có hoàn-toàn không. Nhà nước hết lòng bảo-hộ thực-nghiệp, thời người lục-dịch mới có bổ-trợ mà chức-nghiệp mới được phát-đạt ;

4° là xem phong-tập trong xã-hội xu-hướng thế nào. Xã-hội vốn trọng người lao-lực, thời mọi người đều nức lòng mà đua-tranh. Các nước không dùng chính-sách áp-chế những người khổ-công cũng được bình-đẳng là vì cớ thế.

Trân-trọng những người lao-lực không đâu bằng nước Mĩ nước Anh. Những nhà quí-tộc, con trai trưởng nối nghiệp cha, còn các con thứ hoặc ở nhà cầy-cấy làm ruộng, hoặc vào các công-xưởng làm nghề, đều có cái tinh-thần độc-lập, vì Nhà-nước cũng không khinh là tiện-nghiệp.

Nói tóm lại : nhân-lực là cái nguyên-tố của sức sinh-sản, lấy giáo-dục làm tài-liệu, lấy chính-trị phong-tục trong nước làm chuẩn-tiêu.

Xem như nước Nga, trước kia đất rộng của nhiều, mà việc làm ruộng vẫn không thịnh, vì chế-độ trong nước không được lương-thiện : trước định một khu đất phải có bao nhiêu nông-dân, ruộng đất ấy bán về ai, thời nông-dân phải theo mà làm ruộng. Những người nông-dân ấy, trừ cơm ăn áo mặc và nhà ở, không còn được tỉ-bảo phân-lợi gì nữa. Vì thế cầy cấy cũng lười mà ruộng ngày một xấu. Còn người chủ ruộng, đã được chuyên-lợi, cũng sinh lười biếng không thiết đến việc cải-lương thổ-địa. Năm 1861, Nga-hoàng biết tài-nguyên trong nước là ở nông-dân, bèn bỏ luật chia dân theo ruộng, mà cho có ích-lợi bình-đẳng. Nông-dân nộp tô-thuế cho chủ-điền, mà tự được thu lấy sản-lợi. Hoặc tự xuất tư-bản, đắp đê khai ngòi cho ruộng đất thêm tốt. Từ đó Nhà-nước mới được giầu-mạnh.

c) *Nói về tư-bản.* — Tư-bản là lấy cái kết-quả của sinh-sản trước làm manh-nha cái sinh-sản sau. Như chế đồ bán, đặt cơ-khí trong việc nông-công, đều là tư-bản. Còn để của mà ăn chơi tiêu-dùng, gọi là tư-phí, không gọi là tư-bản.

Có thứ tư-bản cố-định, có thứ tư-bản lưu-động, như cái cầy, cái bừa của nhà làm ruộng, cơ-khí của nhà làm thợ, tư-bản đã dùng mà vật còn lại, là tư-bản cố-định ; như đồ bón, hạt giống của nhà làm ruộng, đồ vật-liệu, tiền công thợ của nhà công-nghệ, tư-bản đã dùng không còn lại nữa, là tư-bản lưu-động. Song tự nhà-nước mà xét thời lưu-động cũng là cố-định, vì tại dụng lưu-thông trong nước ở kẻ này sang kẻ khác, vẫn không đi đâu mất chút nào.

Có sáu phép dùng tư-bản, kể ra như sau này :

1° là « cải-lương thổ-địa », như đào sông, đắp đê, khai-hoang, mở đường, đều là lấy tư-bản để khai-thác đất vô-dụng cho nên hữu-dụng ; không thời những bãi hoang rừng rậm, chỉ là một nơi phế-vật ;

2° là « bảo-dưỡng nhân-lực », như thuê người làm phải trả tiền công. Người trả công cho là của thù-báo, mà kẻ được công lấy làm tư-bản để bảo-dưỡng nhân-lực ;

3° là « sinh-sản nguyên-liệu », như nhà làm ruộng dùng hạt giống, nhà súc-mục dùng giống nuôi, nhà công-nghệ dùng gỗ sắt, gọi là nguyên-liệu ;

4° là « trợ-thành nguyên-liệu », như đồ nguyên-liệu không đủ dùng, phải

dùng vật phụ cho thêm sức : hạt giống phải già đồ bán cho tốt hơn ; cơ-khí phải thêm than lửa cho mạnh hơn.

5° là « đồ dùng, đồ máy » như khí điện hơi nước là những đồ dùng cho phát-động, đồ dệt vải đồ làm giấy, là những đồ dùng để chế-tạo ;

6° là « công-trường thương-điếm » như kho để chứa hàng-hóa, xưởng thợ để chế-tạo, thương-điếm để giao-dịch, ngân-hàng để đổi-chác. Đều là vì sinh-sản mà phải lập ra cả.

5. — Những phương-pháp về đường kinh-tế

Trên đã nói tài-sản phát-sinh là nhờ ba cái cốt-yếu thổ-địa, nhân-lực và tư-bản ; mà lợi-dụng ba điều cốt-yếu ấy lại phải có ba phương-pháp như sau này : 1° là phân-nghiệp, 2° là hiệp-lực, 3° là kế-hoạch.

a) Phân-nghiệp. — Phân-nghiệp là tùy tư-cách từng người mà mưu lấy một việc để mưu-sinh. Vì một người không có thể kiêm được mọi việc, mà một việc không có thể một người làm nên.

Có phân-nghiệp về nhân-sự, có phân-nghiệp về địa-phương. Như cất một cái nhà, phải có thợ nề, thợ mộc, thợ đá, thợ rèn, ấy là phân-nghiệp về nhân-sự ; như trong một xứ, có nơi cấy lúa, có nơi trồng dâu, ấy là phân-nghiệp về địa-phương. Cái lẽ phân-nghiệp về địa-phương trong nông, công, thương đều có. Như xứ này ươm tơ, xứ kia kéo sợi, xứ này dệt chiếu, xứ kia thuộc da. Tơ xứ này đổi lấy sợi xứ khác, chiếu xứ kia đổi lấy da xứ này. Phân-nghiệp càng thịnh, sinh-sản càng lớn. Mỗi người chuyên một việc, thời việc càng tinh, nghiệp càng chuyên thời lợi càng lớn. Nếu lấy một người mà chuyên nhiều việc, việc không chuyên, nghiệp không tinh mà sinh-sản cũng kém.

Phân-nghiệp cũng phải biết đường xu-tị, như trồng cây không hợp thổ-nghi nó, thời tốn công mà không có lợi. Thổ-nghi phương Nam hợp bông gai, bón-xới ít cũng tốt, thổ-nghi phương Bắc nên tị đi. Vì thế phân-nghiệp không những có thể giao-thông với người trong xứ, cũng có thể giao-hoán với người xứ khác và người ngoại-quốc.

Hai hạng phân-nghiệp ấy, nhân-sự và địa-phương đều phải nhờ đến trí-thức, có trí-thức để chế-tạo cơ-khí, cơ-khí tốt thời sinh lợi nhiều. Như một nghề trồng bông, nơi trồng vị-tất đã có lợi. Mà nơi có chế-tạo được máy sợi, máy dệt, máy cải hoa, chế thuốc nhuộm, lại biết cải-lương sức máy cho đỡ nhân-công, mới có lợi hơn. Xem trong một việc dệt vải, trước sau phân-nghiệp biết bao nhiêu là người.

Phân-nghiệp có những ích-lợi này :

1° là bớt nhân-lực, lực càng bớt thời lợi càng nhiều ;

2° là bớt thì-giờ, nay việc này, mai việc khác, mất thời giờ mà không có lợi ;

3° là chuyên sở-trường, nghiệp đã chuyên thời tinh ;

4° là thục-luyện, việc đã chuyên thời khéo.

Nhỏ mọn như một việc dán giấy hiệu trên nút chai rượu. Chia ra có người cắt giấy, có người phiết hồ, có người dán giấy, nhanh-nhảy dị-thường, không phí giây phút. Việc nhà in nhà thư cũng vậy, trong một phút đồng hồ in được ba nghìn cái thư.

5° là phát-minh lý mới. Nghề đã tinh thời minh nhân thể mà nghĩ ra được phép mới. Như việc máy cưa trước dùng cưa dài sẽ trên sẽ xuống, sau nghĩ ra cưa tròn sẽ thẳng, tiện nhanh

gấp hai. Ấy cũng là một cái bằng-cứ ích-lợi về phân-nghiệp.

Tuy-nhiên, phân-nghiệp cũng có điều tệ : một người ngày tháng chỉ làm một việc, đã mất thú-hứng lại tổn tinh-thần, có phương-hại đến vệ-sinh, tệ là một ; cả đời chỉ chuyên một nghiệp, phòng khi thất-nghiệp cùng-đồ không có nghề khác mà mưu-sinh, tệ là hại. Vì thế những nhà phân-nghiệp phải yêu tiếc thì-giờ, phấn-phát tinh-thần để khảo-cứu nghề khác làm của để dành, cũng là một cách bổ-cứu.

Lo nhất cho những nhà lao-động, gặp lúc công-việc biến-đổi hết lối mưu-sinh, cho nên các nước bên Thái-Tây có lập ra «Trử-tích ngân-hàng» và « Bảo-hiểm công-ti » để phòng-bị cho quốc-nhân đã lấy làm chu-tất lắm.

b) Hiệp-lực. — Hiệp-lực nghĩa là hợp sức mà làm việc, hiệp-lực lớn có thể kinh-doanh những sự-nghiệp vĩ-đại trong nước ; hiệp-lực nhỏ cũng có thể duy-trì hạnh-phúc của cá-nhân. Như cất đồ nặng, một người không nổi, họp nhiều người nên nhẹ-nhàng. Lập một hội thương, tư-bản một người không đủ, góp nhiều phần mà nên tư-bản lớn.

c) Kế-hoạch. — Sinh lợi hậu bạc là bởi doanh-nghiệp lớn hay nhỏ. Việc nhỏ thời lợi nhỏ, nếu kế-hoạch cho ra lớn, thời lợi mới lớn được.

Kế-hoạch là gì ? — 1° là bớt sức người như nuôi 20 con trâu bò dùng 2 người chăn giắt. Nay nuôi 50 con, cũng dụng có 2 người chăn giắt. Lại như một cái công-xưởng rất nhỏ cũng phải 3, 4 người vận-động, kế-hoạch cho ra lớn cũng dụng 3, 4 người :

2° là thêm sức máy : máy nhỏ sức yếu mà đi chậm, kế-hoạch cho ra lớn sức mạnh mà đi mau ;

3° là bớt tài-liệu, như trong nhà dùng đèn điện, một người làm việc một ngọn đèn, mấy người làm việc cũng dùng một ngọn đèn.

4° là không phao-phí, như nhà máy dệt có những mối tơ đứt sợi thừa, nhà đóng đồ có những đòn tre mẩu gỗ, dùng cách thu-nhặt lấy những vật vô-dụng để làm ra đồ hữu-dụng ;

5° là lợi tiêu-thụ : kế-hoạch lớn, lấy lợi ít mà được nhiều, thị-giá bình thời hàng-hóa chạy, kế-hoạch nhỏ, lấy lợi nhiều mà được ít, thị-giá cao hàng-hóa cũng không tiêu.

Chẳng thế mà thôi, kế-hoạch lớn có thể chế-thắng được người ngoài. Như nước Mĩ đất rộng của nhiều, nông-sản hơn cả các nước, vô-luận thứ bột nào cũng tùy ý cao hạ. Lại như Ấn-độ sản bông, chỉ phải bán cho Anh, vì Anh có những nhà máy lớn. Cho nên kế-hoạch lớn thời tư-bản ít, công-dụng nhiều ; nhà-nước hưng-thịnh cũng là bởi đấy.

Đại-khái văn-minh về đạo-đức, Âu không bằng Á, văn-minh về vật-chất, Á không bằng Âu, cũng vì Á-châu chưa phát-minh khoa-học, ít có sự-nghiệp kế-hoạch.

Cũng có việc nên dùng kế-hoạch nhỏ, là những việc không có lẽ tiêu-thụ được nhiều như đồ chơi, đồ sa-xỉ. Người làm ruộng đồng chiêm, linh-tinh mỗi nơi một miếng, kế-hoạch cũng nên nho-nhỏ, còn việc cải-lương thổ-địa, khai đất sơn-lâm, kế-hoạch càng phải lớn-lao mới nên công được.

NGUYỄN BÁ-HỌC *dịch-thuật*

(*Còn nữa*)

KHẢO VỀ NGHỀ LÀM ẢNH (1)

II

Kỳ *Nam-phong* số 42 vừa rồi tôi đã nói qua-loa mấy điều về cách chụp ảnh và tại làm sao mà chụp được ảnh, định kỳ này nói đến nghề chụp ảnh mùi (*photographie des couleurs*) ; nhưng lại tiếp được hai bức thơ của ông H. K. và ông N. T. L. hỏi rằng : nếu có máy chụp ảnh và cứ theo như cách nói ở trong báo số 42 ấy thời có chụp lấy được không ? Trước hết tôi xin cảm ơn nhị tiên-sinh có lòng ha-cố đến, sau xin nhị tiên-sinh biết cho rằng bài ấy không phải là một bài dạy cách chụp ảnh, chẳng qua là nói để ngài nào chưa am-hiểu thời xem chơi cho rõ cái tài của khoa-học mà thôi, chớ nếu muốn học để chụp được ảnh thời phải có học thực - hành mới được. Tuy-nhiên, tôi cũng xin kê-cứu các sách mà viết thêm bài này nữa, tuy vẫn còn là sơ-lược, nhưng cũng có thể giúp những ông mới tập làm ảnh một phần trong trăm nghìn phần vậy.

1. — Máy chụp ảnh

Kỳ trước đã nói rằng máy chụp ảnh có ba phần là : ngoại-nhỡn-kính (*objectif*), buồng tối (*chambre noire*) và chiêm-nghiệm-kính tức là miếng kính-giáp (*glace dépolie*), khi chụp sẽ lấy miếng kính-ảnh (*plaque photographique*) thay vào. Đó là từ khi ông Niepce và ông Daguerre cùng nhau phát-minh ra máy chụp ảnh có những phần ấy, sau nhân đấy, nhiều nhà nghiên-cứu mà sinh ra lắm cái máy rất gọn-gàng, rất nhẹ - nhàng, rất tinh-xảo, nhưng nói rút lại cũng không ngoài hai hạng sau này là hạng máy có chân (*appareils sur pied*) và hạng máy cầm tay (*appareils à main*).

a) *Máy « du-lịch »* (*appareils touristes*). — Về hạng có chân (*appareils sur pied*), cái máy thông-dụng nhất là máy « touriste ». Máy này, về phía trước có một miếng gỗ hình chữ nhật ; trước miếng gỗ hình chữ nhật, có một miếng gỗ vuông con, có thể vặn lên, vặn xuống được, khi vặn đã vừa chỗ rồi thời đã có đinh ốc vặn chặt lấy ; giữa miếng gỗ vuông con có cái ngoại - nhỡn - kính (*objectif*). Dưới miếng gỗ đứng hình chữ nhật có bản-lề nối luôn với một miếng gỗ khác cũng hình chữ nhật nằm ngang ở dưới ; nhờ có bản-lề, hai miếng gỗ này có thể mở ra hay gập vào được, nghĩa là khi chụp thời mở ra, chụp xong lại gập lại cho gọn để bỏ vào hộp. Sau miếng gỗ thẳng và đứng trên miếng gỗ nằm ngang ở dưới, có cái buồng tối (*chambre noire*) bằng da hay bằng vải sơn xếp lại. Cái buồng tối này hình thon-thon, đằng trước nhỏ đằng sau to, cốt để cho gọn-gàng dễ trông. Sau buồng tối có cái khung gỗ, cạnh khung gỗ có bản-lề nối liền với một cái khung gỗ giẹt khác. Trong cái khung gỗ giẹt ấy có lồng một miếng kính giáp (*glace dépolie*), tức là cái chiêm-nghiệm-kính. Cái chiêm-nghiệm-kính nhờ có bản-lề nên có thể đẩy lại để chiêm-nghiệm, rồi mở ra mà lắp kính ảnh (*plaque photographique*) vào. Trên đã nói dưới cái buồng tối (*chambre noire*) có một miếng gỗ hình chữ nhật nằm ngang ở dưới. Miếng gỗ ấy một phía nối với bộ-phận ngoại-nhỡn-kính ; một phía

(1) Xem *Nam-Phong* số 42, trang 467 — 472.

có hai cái đinh vặn ; ở giữa lõm để lồng lấy một miếng gỗ con, hai bên có nhiều khía tiếp liền với hai cái đinh vặn. Hễ vặn hai cái đinh ấy thời miếng gỗ trên chạy ra hay lui vào. Trên miếng gỗ này cái khung sau buồng tối đóng chặt vào đấy. Vặn hai cái đinh hai bên thời miếng gỗ trên cử-động, miếng gỗ trên cử-động thời cái buồng tối cử-động, tức là cái buồng tối co vào hay giãn ra vậy. Máy « touriste » thường để lên trên ba cái chân bằng gỗ hay bằng kim-khí. Bằng gỗ tuy lềnh-kềnh nhưng vững-chãi hơn, khi chụp không rung tất là ảnh không lòe. Chân bằng kim-khí hay bằng gỗ cũng có từng đoạn, đoạn nhỏ đút vào hay gấp vào trong đoạn to, cốt cho gọn-gàng trong khi mang-sách. Kính ảnh (*plaques photographiques*) thời để vào trong một cái hộp giệt (*châssis*) đậy kín cho tối, trong hộp thường để hai cái kính (*châssis doubles*), hai mặt có hai cái nắp đậy, bởi thế chụp xong một mặt lại rút ra quay mặt khác vào mà chụp như vậy cũng tiện.

b) *Máy « Phong-định »* (*appareils Foldings*). — Về hạng máy « Phong-định » (*appareils Foldings*) cũng có thứ có chân (*sur pied*), cũng có thứ cầm tay (*à main*). Máy Phong-định cũng như máy « touriste », cũng có ngoại-nhỡn-kính (*objectif*), buồng tối (*chambre noire*), kính giáp (*glace dépolie*) ; nhưng chỉ khác máy « touriste » một điều là khi vặn hai cái đinh vặn hai bên thời chiêm-nghiệm-kính không cử - động mà cái bộ-phận ngoại-nhỡn-kính lại cử-động vậy. Máy này rất tiện, rất gọn vì không có một phần nào là lộ ra ngoài : cái ngoại-nhỡn-kính thời thụt vào trong buồng tối (*chambre noire*), còn bộ-phận chiêm-nghiệm-kính thời liền ngay vào một cái hộp con, hộp có nắp, nắp có bản-lề, khi chụp mở nắp ra, cái nắp tức là bằng gỗ nằm ngang ở dưới buồng tối, và có đinh vặn vậy. Chụp xong xếp lại, đậy nắp lại thành một cái hộp con mang-sách rất tiện. Máy Phong-định chỉ dùng để chụp những ảnh con như 6, 5 × 9 ; 9 × 12 và 13 × 18 ; nghĩa là dùng để chụp những kính ảnh bề ngang sáu phân dưỡi, bề giọc chín phân ; hay là bề ngang chín phân bề giọc mười hai phân, vân vân.

c) *Máy « Kỳ-lập » hay là máy gập* (*Appareil Klapp ou appareil pliant*). — Máy Kỳ-lập (*appareil Klapp*) chế ra từ nước Đức. Các bộ-phận trong máy cốt lấy giản-dị và nhẹ nhàng, nhưng vững-chãi. Máy có buồng tối (*chambre noire*), hai đầu có hai cái khung gỗ, khung trước có ngoại - nhỡn - kính (*objectif*), khung sau có chiêm-nghiệm-kính, nhưng những bộ-phận ấy đều ẩn vào trong buồng tối, lúc xếp lại trông rất nhỏ bé. Khi gần đồ-vật quá thời không chụp được, vì hình-ảnh in ra ngoài chiêm - nghiệm-kính ; vậy phải vặn xa cái ngoại-nhỡn-kính ra mới được. Người ta đã chia sẵn ra từng phần, mỗi phần để một thước, hai thước, ba thước (1 m., 2 m., 3 m.) vân vân. Vậy muốn chụp cái gì xa độ ba thước chẳng hạn thời người ta vặn cái ngoại-nhỡn-kính ra chỗ để ba thước.

d) *Máy « Trinh-thám »* (*Appareils Détectives*). — Chụp bằng máy này rất dễ-dàng và rất giản-tiện, nhưng chỉ hiềm một nỗi máy nặng-nề và kềnh-càng quá. Máy « Trinh - thám » (*Appareil détective*) trông như một cái hộp hình chữ nhật. Cũng như máy Kỳ-lập (*Klapp*), các bộ-phận cũng ẩn vào trong cốt để cho khỏi động-chạm hư-hỏng. Phía trước cũng có ngoại-nhỡn kính (*objectif*), cũng có thể vặn ra vặn vào được. Phía sau có một cái giá kính rất mỏng bằng kim-khí, có thể đựng được nửa tá hay một tá kính ảnh. Kính ảnh thời đựng đứng, và đàng sau có lò-so ấn khít vào cái ngáng sắt ở trên để vừa chỗ cho

hình ảnh ngoài in vào cho được rõ-ràng gọn-ghẽ. Chụp cái kính thứ nhất rồi, nâng cái ngáng sắt lên, cái kính ấy đằng trước không tựa vào đâu được, đằng sau bị những kính ảnh khác vì lò-so mà ép ra, nên ngả xuống đáy hòm nhưng nhờ có lò-so khác đỡ thành không vỡ. Nâng cái ngáng sắt lên, cái kính ảnh thứ nhất ngả xuống, lại ấn cái ngáng sắt xuống để đỡ cái kính ảnh thứ nhì đã bị lò-so ấn ra đấy. Cái kính ảnh thứ nhì đã ra chỗ thay cho cái kính ảnh thứ nhất vậy, nghĩa là vừa chỗ hình ảnh ngoài in vào cho gọn-ghẽ. Làm như thế rất nhanh-chóng và đỡ công nhiều. Khi mình đã chụp xong — ví-dụ mình muốn chụp năm bảy cái một lúc — thời đem máy vào trong phòng làm ảnh (*laboratoire photographique*), mở máy ảnh lấy kính ra mà rửa.

e) *Máy Ống-nhòm hay là máy Song-nhãn* (*Photo-jumelle*). — Kể các thứ máy chụp ảnh thời máy Song-nhỡn (*Photo-jumelle*) là nhanh - nhẹn nhất, vững-chãi nhất, thật là một cái máy hoàn-toàn vậy. Máy này hình cũng như một cái hộp dài mà nhỏ, đằng trước có ngoại-nhỡn-kính, đằng sau có một cái ngăn kéo trong đựng một tá kính-ảnh. Người ta cũng có thể lắp vào máy một hộp kính đơn (*châssis simple*) hay là một hộp kính kép » *châssis double*) được.

f) *Máy Kính-nhựa* (*Appareils à pellicules*).—Kính ảnh bằng thủy-tinh, đem đi đường thời nặng-nề và hay vỡ. Vả trong máy « Trinh-thám và máy « Song-nhãn » khi chụp hết kính rồi lại phải đem vào trong phòng thí-nghiệm (*laboratoire*) mà lắp thêm kính mới, như thế rất là bất-tiện cho người đem máy đi chụp đường xa. Bởi vậy người ta mới nghĩ cách bỏ kính ảnh đi mà thay giấy ảnh (*pellicule*) vào — Giấy ảnh, cứ theo cái hình-thức của tế-bào (*cellule*) mà chế ra, cho nên người ta cũng gọi là « giả-tế-bào » (*pellicule en celluloïd*) « Giả-tế-bào » (*celluloïd*) là một chất làm bằng băng - phiến (*camphre*) pha lẫn với bông-bột (*fulmicoton*), nghĩa là bông đã ngâm trong nước đạm-cường-thủy (*acide nitrique*) và lưu-cường-thủy (*acide sulfurique*) — Giấy ảnh tức là một thứ nhựa trông trong-trong như kính thủy-tinh, nghĩa là cũng đủ tư-chất như thủy-tinh để thay cho thủy-tinh cho nhẹ-nhàng tiện-dụng vậy — Giấy ảnh khi đã chế xong thời người ta lấy một cuộn giấy đen vừa rộng hơn, vừa dài hơn, mà che lấy giấy ảnh, rồi chia giấy ảnh ra từng đoạn, mỗi đoạn vừa bằng kính ảnh và trên mỗi đoạn để một chữ số 1, 2, 3, 4, vân vân. Đoạn, người ta lấy một cái cuộn mà cuộn giấy ảnh. Cuộn ấy hai đầu phải to để khi cuộn rồi che ánh sáng cho giấy ảnh. Vậy cuộn giấy ấy có thể đem ra ánh sáng mà không nhòa được, vì hai đầu đã có hai đầu cuộn, còn ở giữa đã có giấy đen che phủ. Khi lắp giấy ảnh vào máy — mỗi máy có một cách riêng — nhưng nói chung thời trước hết mở đằng sau máy ra, lắp cuộn giấy ảnh vào cái trục của nó mà đối-diện ngay với một cái cuộn khác. Cuộn ấy cũng như cuộn trước, hai đầu cũng to, ở giữa có khía suốt. Lắp rồi, người ta tháo mấy vòng giấy đen để siên vào chỗ khía suốt và đã có chìa khóa để vặn vài vòng cho giấy đen mắc chặt vào đấy. Khi chụp, vặn mấy vòng nữa cho lộ chữ *1* ra, nghĩa là kính thứ nhất ra; chụp xong lại vặn cho lộ chữ 2 ra, nghĩa là cái kính thứ hai ra, cứ thế cho hết giấy ảnh (6 hay là 12 lần), rồi cuộn luôn vài vòng cho giấy đen cuộn phủ lên giấy ảnh. Thế là xong rồi, giờ có thể mở đằng sau máy lấy cuộn giấy ảnh đã chụp ấy ra và lắp cuộn khác vào mà chụp. Máy này được tiện cái nhẹ-

nhàng và thảo lắp giấy ảnh ở ngoài ánh sáng cũng không việc gì.

2. — Phòng làm ảnh

(*Laboratoire photographique*)

Trước đã nói rằng kính ảnh (*plaque photographique*) không thể đem ra ánh sáng được, vì ra đấy tất nhòa đi, cho nên phải đem vào trong phòng kín mà làm. Nhưng trong phòng kín thời lại tối, vậy làm thế nào được? Xét các ánh sáng, có ánh sáng đỏ (*lumière rouge*) là không can-thiệp gì đến kính ảnh, nghĩa là không làm nhòa được kính ảnh đi, nên người ta dùng ngay cái ánh sáng đỏ ấy để trông mà làm việc. Muốn có ánh sáng đỏ cũng không khó gì, chỉ cần thắp một ngọn đèn, ngoài ngọn đèn chụp một cái chụp đèn bằng thủy-tinh đỏ (*verre rouge*). Ánh sáng trong đèn khi đã qua cái thủy-tinh đỏ rồi thời bị nó phân ra làm bảy mùi là : tím (*violet*), lam (*indigo*), lơ (*bleu*), xanh (*vert*), vàng (*jaune*), điều (*orangé*), đỏ (*rouge*). Sáu mùi : tím, lam, lơ, xanh, vàng, điều, lại tức-khắc bị thủy tinh đỏ hút (*absorbés*) đi, chỉ còn trơ có một mùi đỏ, cùng mùi với thủy-tinh là ra thoát được, vì thế mà ta được ánh sáng đỏ (*lumière rouge*) vậy. Nói cho kỹ thời ít ra cũng phải vài ba tờ nữa mới đủ, vậy tôi hãy tạm để dành đến bài « làm ảnh mùi » (*photographie des couleurs*).

Đã có ánh sáng đỏ rồi thời người làm ảnh cứ việc rút kính ảnh ra rửa và lắp kính mới vào hộp (*châssis*) mà không sợ nhòa. Làm thế cũng có thể làm ở trong hầm (*cave*) được nhưng miễn là phải che cho kín và không được để kính ảnh, hộp ảnh và đèn thắp ở đấy lâu ngày, vì để lâu tất bị khí ẩm-thấp làm hỏng mất. Phòng làm ảnh (*laboratoire photographique*) làm ở chỗ cao-ráo lại càng tốt lắm, nhưng không cần phải làm cho rộng-rãi, mỗi bề độ hai, ba thước tây là đủ. Phòng cốt làm cho kín, cho ánh sáng ngoài không chiếu vào được, và ở cửa kính phải lắp kính đỏ thẫm, hay gián giấy đỏ vào. Giấy đỏ không được thủng, dù thủng bằng một lỗ con con cũng phải bỏ. Tuy vậy, cứ gián giấy cho thật đen, rồi trong thắp đèn đỏ là tiện hơn cả.

Đèn có nhiều hạng : có hạng thắp bằng dầu ta, có hạng thắp bằng dầu hỏa, có hạng thắp bằng dầu «săng», hạng nào cũng cần phải có một cái vặn để vặn bấc lên xuống. Cái đèn gọn-gàng nhất, bé-nhỏ nhất, dễ vặn nhất và thông-dụng nhất ở trong phòng làm ảnh là cái đèn hai sắc (*cheminée photo-bicolore*). Đèn ấy thắp bằng dầu «săng» và muốn vặn lấy ánh sáng đỏ (*lumière rouge*), hay ánh sáng xanh (*lumière verte*) cũng được.

Cách bài-trí trong phòng làm ảnh cốt lấy giản-dị, chỉ cần đến một cái bàn, trên bàn để một cái đèn, vài cái chậu và mấy cái hộp kính. Lại cần một cái ghế để người làm ảnh ngồi, và mấy cái ngăn để vài lọ thuốc. Nếu nhà làm ảnh bắt được một cái vòi nước vào thời càng hay lắm, bằng không thời phải chứa lấy một bình nước và đồ đầy lấy vài chậu nước sẵn.

Chậu thời thường dùng chậu bằng sứ (*porcelaine*), bằng thủy-tinh (*verre*), bằng sắt cháng men (*fer émaillé*), bằng nhựa « giả-tế-bào » (*celluloïd*). Chậu bằng sứ thời tốt hơn vì các nước cường-thủy (*acide*) không hủy được nó và giữ nó cho sạch cũng dễ. Mỗi chậu chỉ để dùng riêng một việc, thí-dụ như dùng để rửa kính ảnh bằng chất « *hyposulfite de soude* » thời cứ dùng chậu ấy mà rửa bằng chất ấy mãi, chớ nếu lại đem dùng để rửa bằng chất khác và vô-ý để dây một ít chất «*hyposulfite*» thời kính ảnh sẽ hỏng ngay. Chậu khi dùng xong, phải

rửa ngay cho sạch ; nếu có cặn sắt (*résidu de fer*) dính vào thời phải rửa bằng cách-cường-thủy (*acide chlorydrique*) mới sạch.

3. — Lắp kính ảnh.

(*Chargement des châssis*)

Khi lắp kính ảnh vào hộp (*châssis*) thời phải ở trong phòng kín có thắp một ngọn hồng-đăng (*lanterne rouge*). Phải để cái mặt có thuốc ra ngoài. Mặt ấy rất dễ biết vì nó đen-đen ram-ráp, còn mặt sau thời chơn-chơn sang-sáng, vậy cứ lấy mặt sau làm cốt, chứ đừng sờ vào mặt có thuốc mà hỏng kính đi. Khi cầm kính lên thời cầm vào cạnh nó. Lắp rồi đậy hộp cho kín rồi hãy đem ra ngoài để đi chụp ảnh. (Cách chụp ảnh sẽ nói sau).

4. — Ngâm kính cho lộ hình ảnh ra.

(*Développement*)

Kỳ trước đã nói rõ vì cớ gì mà khi chụp ảnh xong lại phải đem ngâm kính vào trong thuốc, tưởng giờ chẳng còn phải nhắc lại nữa, chỉ nên biết mấy cái đơn ấy như sau này :

Đơn thứ nhất

I. (*Révélateur à oxalate de fer*).

Pha lẫn hai thứ thuốc sau này :

1. — 1000 gr. nước nóng
   300 gr. chất *oxalate neutre de potasse*,
2. — 300 gr. nước nóng
   100 gr. thanh-thiết-chất nguyên-chất (*sulfate de fer pur*).
   1 gr. bồ-đào cường-thủy (*acide tartrique*).

Để cho nước nguội rồi, ngâm kính ảnh vào, nếu kính ảnh lộ hình ảnh ra ngay thời biết rằng lúc chụp mình để lâu quá (*pose exagérée*), vậy phải pha thêm một thứ thuốc hoãn lại (*retardateur*). Thuốc ấy có :

3. — 1000 gr. nước.
   10 gr. chất *bromure de potassium*.

Nếu xem ra hình ảnh lâu thành thời phải pha thêm một thứ thuốc cho chóng được (*accélérateur*). Thuốc ấy có:

4. — 1000 gr. nước,
   1 gr. chất *hyposulfite de soude*.

Đơn thứ hai

II. — (*Acide pyrogallique*)

1. — 250 gr. nước
   10 gr. chất *sulfite de soude*
   3 gr. chất *acide pyrogallique*
   1 gr. đăng-cường-thủy (*acide citrique*).
2. — 1000 gr. nước
   2 gr. chất *bromure de potassium*.
3. — 250 gr. nước
   5 gr. chất *ammoniaque nước*.

Thường thời cứ pha lẫn ba thứ này cho điều nhau, nhưng nếu khi chụp để lâu quá (*pose exagérée*) thời pha thêm thuốc 2 và bớt thuốc *3* ; hay là nhanh quá (*manque de pose*) thời bớt thuốc *1*.

Đơn thứ ba

III. — (*Hydroquinone*)

1000 gr. nước
150 gr. chất *carbonate de soude*
70 gr. chất *sulfite de soude*
10 gr. chất *hydroquinone*

Đơn thứ tư

IV. — (*Paramidophénol*)

1000 gr. nước
120 gr. chất *sulfite de soude*
2 gr. chất *lithine caustique*

Cứ theo bốn cái đơn trên này mà pha thuốc lấy cũng được, nhưng người mới tập làm ảnh thời chỉ nên mua thuốc đã pha sẵn về cứ việc hòa thêm nước lã mà rửa là tiện hơn.

Khi đã pha thuốc vào trong chậu rồi, người làm ảnh lấy kính ảnh ra ngâm vào đấy, lấy tay vỗ trên mặt nước cho đến khi hình ảnh lộ ra, dơ lên ánh sáng đỏ mà soi, hễ chỗ có nhiều ánh sáng trông đã trong-trong thời được.

5. — Ngâm kính cho tiêu chất bô-lỗ-ngân đi.

(*Fixage du cliché*).

Khi hình ảnh đã lộ thời người chụp ảnh lấy kính ảnh ra mà ngâm vào trong nước lã ít lâu rồi lại ngâm vào trong một thứ thuốc như sau này :

100 gr nước
25 gr chất *hyposulfite de soude*.

Ngâm năm phút đồng-hồ là đủ, nhưng trong khi ngâm thỉnh-thoảng lại phải lấy ra xem, hễ chất bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) còn thừa đã tan đi hết thời được.

6. — Rửa kính ảnh

(*Lavage du cliché*)

Khi chất bô-lỗ-ngân đã tan đi thời chất *hyposulfite de soude* lại dính vào kính ảnh, vậy lại phải rửa kính ảnh một lần nữa cho chất ấy tiêu đi. Rửa độ năm sáu giờ đồng-hồ và rửa bằng nước lã. Kính ảnh khi ngâm khi rửa đều phải để mặt có thuốc lên trên và khi cầm lên phải cầm vào bên cạnh; cái đó ai cũng đã biết, nhưng cũng nhắc lại cho kỹ.

7. — Phơi kính ảnh.

(*Séchage du cliché*).

Rửa kính rồi thời phải phơi ra cho khô. Nói là phơi, không phải đem ra mặt trời mà phơi, phơi nghĩa là để ra không-khí cho nó khô đi vậy. Thường thời người ta để một đầu kính lên trên tờ giấy thấm, còn một đầu gác lên cái gì cũng được. Tùy thời-tiết và chỗ ở, có khi chỉ phơi ra độ hai ba giờ là được, có khi phải đến mươi mười hai giờ mới khô. Người ta lại còn dùng một cái giá bằng gỗ, không tốn bao nhiêu mà rất tiện. Giá ấy có thể gặp lại để đem đi đường xa.

8. — Những khi chụp hỏng.

Trời nắng quá thời lúc ngâm thuốc, lớp thuốc phủ trên mặt kính, có khi bong lên, vậy trước khi ngâm thuốc, người chụp ảnh phải lấy một chất gì béo như mỡ, mà bôi chung-quanh cạnh kính. Nếu đã làm thế mà khi rửa lớp thuốc còn chực bong lên thời phải đem kính ngâm vào trong nước phèn (*solution d'alun*) mới được (195 phần nước, 5 phần phèn).

Trời tối quá, hay là kính ảnh để hở, hoặc trong phòng thí-nghiệm có ánh sáng ngoài chiếu vào, thời khi chụp rồi kính trông đen-đen, vậy phải chữa như thế này ; ngâm kính vào trong :

1 — 100 gr. nước.
2 gr. chất *hyposulfite de soude*
2 — 100 gr. nước.
5 gr. chất *ferricyanure de potassium*

Ngâm rồi lại rửa bằng nước lã.

9. — Giấy ảnh

(*Papiers photographiques*)

Khi chụp rồi thời lấy giấy ảnh mà in, giấy ảnh có nhiều thứ : có thứ gọi là « giấy đăng-ngân » (*papier sensible au citrate d'argent*), có thứ gọi là « giấy cách-lỗ-ngân » (*papier sensible au chlorure d'argent*), có thứ gọi là « giấy bồ-đào-ngân » (*papier sensible au tartrate d'argent*). Những thứ giấy ấy đem ra ánh sáng thời đen lại, nhưng để dưới kính ảnh thời thành ảnh. Cái cớ sở-dĩ làm sao mà thành ảnh thời kỳ trước đã nói rõ rồi, giờ bất-tất phải kể lại nữa.

10. — Lắp giấy ảnh vào khuôn ép

(*Mise du papier au châssis*)

Người chụp ảnh khi in ảnh thường

hay dùng một cái khuôn ép (*presse-châssis*). Khuôn ấy bằng gỗ có lồng mặt kính, trên có hai then. Trước hết mở hai cái then ra, rút miếng gỗ, lau mặt kính, rồi để tờ giấy ảnh (mặt có thuốc giáp vào kính ảnh). Để giấy ảnh cho phẳng-phẳng rồi lấy mấy tờ giấy thường lót lên trên cho chặt-chẽ, đoạn lại cầm miếng gỗ ban nãy đậy vào và đóng hai cái then lại.

11. — Phơi ra ánh sáng

(*Exposition à la lumière*)

Làm như vậy là cốt cho giấy sát vào kính ảnh để rồi đem ra ánh nắng hay là chỗ nào sáng mà phơi. Thỉnh-thoảng lại đem vào trong nhà, sẽ mở một cái then, kênh một bên miếng gỗ và hé một tí giấy xem hình - ảnh thế nào, nếu chưa rõ thời lại đậy lại như trước mà phơi cho tới khi nào ảnh đã rõ rồi mới lấy giấy ra bỏ vào trong hộp tối, đợi lúc in xong cả rửa một thể. Phơi như thế thời tùy lực ánh sáng và kính ảnh, có khi mới để ra vài phút đã được, có khi phải đến hàng giờ mới xong. Cái kính nào sáng quá, lúc in lại khí khó, vì trong khi những chỗ tối chưa in hình vào giấy ảnh, những chỗ sáng đã làm cho giấy ảnh đen sì ngay đi. Vậy muốn chữa cái đó thời người làm ảnh phải cắt một miếng giấy vừa bằng chỗ sáng quá để bịt lên trên rồi hãy đem phơi. Phơi ít lâu rồi lại bỏ miếng giấy ấy mà phơi nữa, như thế chỗ nào hình ảnh cũng lộ ra đều nhau, vì cái chỗ mà ánh sáng vào dễ quá và nhiều quá thời chất thuốc biến-cải đi rất chóng, đó là cái lý tất-nhiên vậy.

12. — Ngâm và rửa giấy ảnh

(*Virage, fixage et lavage*)

Giấy ảnh lúc mới in xong thời mùi hung-hung, vậy phải rửa thuốc cho mất cái mùi ấy mới coi được. Thuốc ấy có :

30 gr. chất *acétate de sodium*

1 gr. chất cách-lỗ-kim (*chlorure d'or*)

Pha rồi bỏ giấy ảnh vào và vỗ trên mặt nước cho đến khi mùi hung-hung (mùi cách-lỗ-ngân) đã tan đi mới lấy ra mà ngâm vào nước lã.

Ngâm một chốc lại lấy ra rửa bằng :

1000 gr. nước

150 gr. chất *hyposulfite de soude*.

Rửa độ mươi phút rồi ngâm vào nước lã trong bảy tám giờ cho sạch chất *hyposulfite* đã bám vào giấy ảnh.

13. — Phơi khô

(*Séchage*)

Phơi khô có hai cách :

Một là dùng cặp, cặp lấy giấy rồi cheo lên giây cho khô, nhưng lúc khô, giấy thường quăn lại ; vậy có cách thứ hai này là cứ mỗi tờ ảnh để vào trong vài tờ giấy thấm, như thế giấy rất phẳng-phiu đẹp-đẽ.

14. — Kính nhựa

(*Photographie sur pellicules*)

Trên đã nói rõ cách chụp ảnh bằng kính nhựa, giờ nói nốt về cách rửa kính và in ảnh. Người làm ảnh, nếu có thể làm được, thời không nên cắt giây ảnh ra làm sáu hay là mười hai đoạn rồi mới rửa, vì dù cẩn-thận đến thế nào mặc lòng, lắm lúc cứ cắt theo từng đoạn đã chia sẵn ở trên mặt tờ giấy đen, thế mà cũng còn cắt phải ảnh. Nhưng khi nào giấy ảnh dài quá, và lúc ngâm thuốc hình ảnh lộ ra chỗ chóng chỗ chậm không điều, thời bấy giờ sẽ cắt riêng ra từng phiến một, mà không sợ cắt phải ảnh vì trông đã hơi rõ-ràng.

Chậu dùng, cần phải hai cái : một cái đựng nước, một cái đựng thuốc rửa. Trước hết ngâm cả sải giây ảnh vào chậu nước cho mềm ra, rồi lấy cặp, cặp hai đầu giây để cầm mà ngâm vào nước thuốc, hai tay kéo lên, kéo

xuống luôn luôn cho thuốc ăn đều vào giấy ảnh.

Giấy dùng để in là những giấy: đăng-ngân (*citrate d'argent*), cách-lỗ-ngân (*chlorure d'argent*), bồ-đào-ngân (*tartrate d'argent*). Giấy ấy lúc làm phải ở trong phòng có ánh sáng đỏ (*lumière rouge*) và khi in phải bỏ cái kính đỏ ở đèn đỏ ra cho sáng, in xong cũng rửa như trước.

15. — Chụp ảnh hình bồ-dục.

(Tirages sur cache et dégradateur ovales)

Chụp nửa người thời thường hay in hình bồ-dục (*ovale*), vậy phải lấy một mảnh giấy đen, khoét ở giữa một cái hình bồ-dục to nhỏ tùy ý mình. Khi in, để mảnh giấy ấy vào giữa, sẽ ấp giấy ảnh rồi phơi ra ánh sáng. Phơi xong thời chung quanh ảnh còn nguyên hình trắng, vậy phải lấy một miếng giấy đen nữa cũng hình bồ-dục và cũng vừa bằng cái bồ-dục trước, để lên ảnh mà phơi ra cho chỗ còn nguyên trắng ấy hơi đen đen đi rồi đem rửa thuốc. (Chụp hình vuông hay hình tròn cũng làm thế). Người ta lại còn làm một thứ ảnh ở giữa rõ-ràng rồi càng ra ngoài càng nhạt dần mãi đi, làm thế phải dùng một miếng kính hay một mảnh giấy ở giữa trong-trong ra ngoài đen-đen dần.

16. — Mấy điều nên biết

Không nên để cho máy bụi-bặm, không nên chụp ảnh lúc trời mưa, không nên lấy tro hay cát (dù nhỏ mặc lòng) mà đánh ngoại-nhỡn-kính, nếu muốn lau thời lấy một mảnh lụa thật mỏng mà lau.

Kính ảnh đã chụp rồi và in rồi thời để vào trong hộp mà kèm thêm một tờ ảnh để lúc cần - dùng tìm cho dễ. Kính chưa chụp cũng đã có một thứ hộp có ngăn cho khỏi sát. Kính ảnh rất kỵ chỗ ẩm-thấp, vậy phải để vào chỗ nào cho cao - ráo mới được. Viết đến đây lại sực nhớ một câu truyện, xin nhân - thể thuật ra như sau : Có một người đi mua kính ảnh về đem ra chụp đều hỏng cả. Lại hỏi người bán xem có để hở không, thời người ấy nói lúc nào cũng để trong hộp tối, trong phòng tối và giữ-gìn cẩn-thận. Nhân lại nói hàng mình lấy cẩn-thận làm cốt, nên trong phòng tuy không ẩm mà còn phòng xa phải bỏ vôi bột xuống dưới đáy hòm cho khô-ráo.

Khách mua bấy giờ mới ngẫn người ra mà rằng : « Trách nào chẳng hỏng, vôi là một vật rất nóng đã hủy cả kính ảnh rồi. » Ôi ! muốn trừ hại, chỉ vì không biết cách nên lại thành ra hại ! Câu truyện ấy có lẽ chưa xảy ra ở nước ta, nhưng cũng là một bài học hay cho ta vậy.

***

Những người chụp ảnh sành thường khen rằng nghề ảnh của nước nhà, giờ đã tiến-bộ đến gần cực-điểm vậy. Thật cũng là một điều đáng mừng. Cách bài-trí ở chỗ chụp ảnh trông cũng nhã-nhặn lắm. Có lắm bức « phông » thật đẹp tuyệt vời. Lắm người thích cảnh bờ bể, thế mà vào nhà chụp ảnh chỉ ngồi trên tảng đá giả trước bức « phông », chụp xong trông cũng thần-tình lắm. Nhưng chỉ còn tiếc rằng nhiều bức « phông » ngắn mà dưới lại cuộn lại, chụp rồi trông chẳng khác người đứng nhìn bức tranh vậy. Nghề chớp ảnh ở bên Thái-Tây thường hay lợi - dụng những bức « phông » và những tảng đá giả rất lớn, lúc chớp ra thật hệt như cảnh thiên-nhiên vậy. Người mình giả bắt-chước được thế, tưởng cách bài-trí cũng nhã thêm được vài phần.

NGUYỄN ỨNG.
Sinh-viên trường Cao-đẳng.

Ý-KIẾN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

MUỐN GIỎI TIẾNG PHÁP NÊN BIẾT CHỮ LA-TINH

— Langue monumentale et lapidaire, massive et dense, le latin est l'image même de la force romaine, du dur génie pratique et positif de ce peuple de conquérants et d'administrateurs, de moralistes, de juristes et d'orateurs. Dans sa santé et sa simplicité, il est unique pour exposer et discuter : Où trouver des modèles d'ordonnance et de construction qui vaillent l'ordonnance et la construction d'une phrase latine, d'un discours latin, un enchaînement plus rigoureux, une plus précise hiérarchie des idées, une subordination plus exacte des parties au tout ? Ce peuple de bâtisseurs construit ses œuvres littéraires comme ses œuvres de pierre, ses viaducs, ses thermes, ses routes, pour des fins sociales, communes, éternelles.

HOVELAQUE
de la Sorbonne.

— Notre langue exprime par ses flexions, par l'ordre même des mots, les nuances les plus délicates. La moindre de ces nuances peut vicier un raisonnement mathématique, où l'on doit suivre rigoureusement la ligne droite et où le moindre écart est interdit. Pour comprendre ces nuances, il faut avoir appris à les sentir ; il faut en avoir acquis une longue habitude pour les saisir du premier coup sans hésitation et sans effort...

HENRI POINCARÉ
de l'Académie française
(dans *les Sciences et les Humanités*)

— Or, seul le latin nous habitue *à écrire, à lire*, en développant en nous *l'esprit de finesse*, qui sert souvent à deviner, et *l'esprit d'analyse*, qui nous apprend à distinguer les éléments des objets que nous étudions, à les séparer par la pensée les uns des autres, à les comparer et à les combiner — Et qui ne voit que les vieilles études latines qui, jusqu'à présent avaient formé chez nous l'humaniste, peuvent seules encore servir à former le savant accompli des temps modernes ?...

GUSTAVE ZILDER
Agrégé de l'Université de Parsi.

***

Một vài nhà xã-hội lý-luận lo sợ cho học-giới nước nhà nay gặp buổi giao-thời như chiếc thuyền lơ-lửng giữa sông chưa nhất-quyết về bên nào cả. Chữ nho là thứ chữ mấy nghìn năm nay đã từng thông-dụng suốt cõi Việt-Nam, từ chốn lâu-đài cho tới nơi thung-lũng, nay ngày càng tiêu-diệt, tiêu-diệt là vì thế-lực chữ Pháp ngày càng thấm-thía vào óc dân ta như mạch máu quanh-co lâu dần lan khắp thân-thể. Xã-hội ta sau này hay dở chắc không những do quốc-ngữ mà thôi; bảo rằng tiếng Pháp cũng có phần quan-trọng trong cái vấn-đề tương-lai người mình, tưởng không phải là quá-đáng. Sân Trình cửa Khổng dẫu có còn thì đệ-tử chẳng qua cũng chỉ lác-đác — có thể nói không còn ai nữa — học-hành dám chắc không dụng-công mấy, vì Triều-đình đồng-ý với Chánh-phủ Bảo-hộ đã bỏ cái lệ lều chiếu lâu đời kia đi rồi, mong chữ nho để mai sau chiếm một địa-vị trong trường sinh-hoạt Âu-Mĩ, sợ thua mất. — Bởi vậy bao nhiêu thiếu-niên trong nước xô đẩy nhau cả vào nền học mới, vì trước hết cái lợi trông thấy mục-kích là dễ kiếm cách sinh-nhai, không cần phải lao-tâm như các thầy gõ đầu trẻ ở mấy vùng nhà quê vẫn còn hâm-mộ hán-tự. Song muốn biết chữ Pháp cho uẩn-súc, muốn thâu-nhập lấy ý-kiến cao-xa của phái văn-nhân thượng-quốc, muốn lấy chữ Pháp thay chữ nho để một đôi khi biểu-hiệu cho tâm-hồn mình một cách kịch-liệt, muốn mau bước lên cái thang tấn-bộ của khoa-học, muốn như vậy — bất-tất phải nói — nên biết chữ la-tinh, vì chữ la-tinh là nguồn-gốc tiếng pháp, tán-thành tiếng pháp nhiều hơn chữ hi-lạp; tuy tòa Hàn-lâm mỗi năm có thêm ít nhiều tiếng ngoại-quốc, nhưng từ xưa tới nay, cộng chửa mấy. Có người bảo tiếng la-tinh siêu-rạt đã ngoài hai-mươi thế-kỷ, chỉ còn là thứ tiếng riêng của đạo-giáo Gia-tô, bây giờ chúng ta học tiếng pháp chưa suể lại đèo thêm tiếng la-tinh, chẳng hóa ra bắt cá hai tay; một mai ra đời hồ-dễ đã bổ-ích cho bách-nghệ. — Không, tiếng la-tinh siêu-rạt thế nào được, đừng có tiếng pháp suy thì nó mới mất tang-tích, tiếng pháp nói ngày nay chẳng qua là tiếng la-tinh đọc trệch, viết trệch đi mà thôi. Chính người Pháp cũng có nhiều người không ưa học chữ la-tinh cho đến nơi đến chốn, kêu khó và mờ-mịt lắm, nhưng sau cũng phải công-nhận rằng bổ-ích cho tiếng « mẹ đẻ » thập-phần, không luyện-tập tiếng la-tinh, không phải thượng-lưu nước Pháp, chỉ biết nói chơn miệng, trong óc dẫu có thiên-kinh vạn-quyển, ý-tứ thổ-lộ ra ngoài cũng kém cốt-cách tinh-thần. — Không phải tìm đâu, lấy ngay mấy nhà văn-sĩ có tiếng mới đây thì đủ biết: Raoul Frary, Charles Bigot và Jules Lemaître, ba cụ thủa bình-sinh thậm-chí ghét la-tinh, dần-dà đến tuổi qua Cao-đẳng học-đường rồi chuyên về nghề nghiên bút mới chịu rằng phàm ý-tứ thâm-trầm mà ngọn bút sắt tả được ra là nhờ có ảnh-hưởng tiếng la-tinh cả. — Cái giây mật-thiết vô-song của tiếng la-tinh đối với tiếng pháp bởi đâu mà ra?

Ai đã xem lịch-sử nước Pháp đều biết xưa dân Pháp thuộc quyền dân La-mã như ta thuộc quyền dân Pháp ngày nay, dốc một lòng kính-phục người La-mã, chịu văn-minh La-mã tốt-đẹp hơn nhất bên Âu-châu, nhất-nhất muốn y hệt người La-mã: nhà cửa, cầu cống, đường sá, ăn mặc, cử-động toàn theo người La-mã, đến nỗi bỏ cả tiếng mình là tiếng *celtique* mà nói tiếng La-mã, dùng tiếng La-mã khắp trong nước, từ việc nhỏ như mua bán chợ búa cho đến việc lớn như chính-trị, ngoại-giao, lâu dần sáp-nhập vào dân La-mã mà sinh ra nòi-giống *Gallo-Romains*. Tổ-tiên đọc La-tinh đã không đúng, con cháu tài nào giữ được nguyên-âm, nên chi nền quốc-văn Pháp cũng như dân trong nước, đời này sang đời

khác, vì thời-thế xung-đột lẫn nhau, vì cách giao-thiệp trong đài vũ-trụ ngày một biến đổi, vì sự cần-dùng hàng ngày, vì cảnh-ngộ tiêu-điều mà thành ra thiên hình vạn trạng, nhưng có vong-bản thế nào được, đảo lên đảo xuống, quanh-quẩn vẫn tiếng của CÉSAR đem sang đất Pháp khi VERCINGÉTORIX đầu gươm ra hàng quân La-mã. Dù người Pháp bây giờ thêm vây cánh cho tiếng mình thế nào mặc lòng, không sao quên được cái khí-dụng uy-nghi mình đã dùng để tả tâm-trí mình ngày nhập-tịch dân La-mã, ngày cùng nhau công-nhận cái tiếng ban đầu kia thật hủ-bại nên bỏ đứt đi để sinh-trưởng theo lối mới. Hình-thể tiếng la-tinh thay đổi, nhưng cái vẻ minh-mẫn sắc-sảo của nó bao giờ cũng vẫn in sâu trong trí các nhà danh-bút Pháp, vì ngài nào trước khi viết sách cũng đã từng khảo-cứu cái kho-tàng vô-tận ý-tưởng cao-kỳ của các bậc tiền-bối La-mã, nhờ đó mà biện-bạch thêm ít nhiều câu cẩm-tú, mong rằng trí-lực mình thêm được vài vòng vào cái giây văn-chương cổ-nhân nữa.

Độ vào giữa thế-kỷ thứ 13, tiếng la-tinh ít người nói đúng, nhưng viết cũng còn phải, đến thế-kỷ thứ 14, 15 nói sai quá, thành-thử viết muốn cho đúng điệu cũng phải viết sai, nhưng mừng rằng tiếng la-tinh hồi đó trường Cao-đẳng nào cũng có học, hết sức thịnh-hành trong óc kẻ thiếu-niên, nhờ có nó mà biết được triết-lý, y-lý và thiên-văn. *Những tay dịch-thuật có tiếng như* ORESME *lúc bấy giờ cũng mới bắt đầu đem hẳn cả nhiều tiếng la-tinh sang bản dịch, vì tiếng thổ-âm không sao đủ tả hết được câu văn La-mã, nhân đó lấy làm chữ mình, ghi vào tự-điển, rồi công-bố đi các nơi. Cũng có nhiều ông sốt-sắng không muốn dùng chữ « sái-hoại văn-minh » như nhiều ông Nam-Việt vừa rồi muốn tìm cách bỏ hết chữ nho trong nghề làm văn quốc-ngữ ta, nhưng miện nói mà tay vẫn viết, không thế nào khỏi vấp phải cái họa la-tinh, cũng như ta không sao thoát được chữ nho.* Tỉ như RABELAIS tiên-sinh đã chế-nhạo thậm-tệ những người đem tiếng la-tinh mà vun-sới cho tiếng Pháp, nhưng quay lại thì văn tiên-sinh hằng-hà sa-số là mầm gốc la-tinh. J. DU BELLAY cùng với RONSARD nhất-định bênh tiếng Pháp, xướng lên phong-trào tiếng Pháp độc-lập, mầm-rễ cũ đã chết đi rồi, nay chỉ còn tiếng Pháp mới-mẻ vĩnh-viễn thôi, song hỏi vì cớ gì mà tiếng Pháp vĩnh-viễn thì lại phải viện đến tiếng la-tinh, vì tiếng la-tinh cũng như một cái lâu-đài trong tích những châu báu của thế-giới, ai muốn xem cho khoái-lạc tâm-hồn thời đến đấy, mà ai muốn chế-tạo ra cái gì hay cũng phải thân-hành đến đó cho biết cái hay nó thế nào mới bắt chước mà làm được. — Đến thế-kỷ 17 chỉ có các trường Trung-học luyện-tập tiếng la-tinh, tuy vậy nước Pháp được ba nhà đại-nho là CORNEILLE ở Ronen, BOSSUET ở Dijon và BOILEAU ở trường Dormans Beauveau thành Paris, ba tiên-sinh thâm-hiểu tiếng la-tinh đến nỗi viết sách khắp thế-giới ai cũng chịu là hay, nước nào cũng có dịch ra ; song muốn hiểu thấu văn ba tiên-sinh tưởng nên đã biết qua sách của mấy nhà văn-sĩ TITE-LIVE và LUCIEN vì nói cho đúng danh-giá nghìn năm của các ngài cũng do ở hai óc la-mã đó mà ra nữa, thật thế, nhờ có thuộc văn la-mã các ngài mới cân nhắc được nghĩa từng chữ, bịa đặt nhiều tiếng mới, làm giầu cho quốc-văn Pháp. Bởi thế nước Pháp có nhiều sách bổ-ích cho bọn thiếu-niên, cho nghề giáo-dục, sách ấy còn viết mãi tới thế-kỷ 18, kể từ VICTOR HUGO, phái *Parnassiens*, LECONTE DE LISLE, J. M. DE HEREDIA cho đến ANDRÉ CHENIER, các ngài lấy văn cổ mà tán ý kim (*sur des pensers nouveaux faisant des vers anti-*

ques). Đến thế-kỷ 19 nhiều đảng thuộc về tân-tiến xã-hội muốn đạp đổ ban học la-tinh, nhưng các sinh-viên khăng-khăng ban-bố cho công-chúng biết nếu hủy bại tiếng la-tinh thì người Pháp cũng như vô-hồn vậy. Tới thế-kỷ 20 này, vào khoảng năm sáu mươi năm nay, các nhà bác-sĩ dùng chữ la-tinh trong khoa-học ngày một nhiều, thế-lực la-tinh ngày một bành-trướng, cứ giở các sách cách-trí mà coi có phải chỗ nào cũng ngổn-ngang những tiếng la-tinh không? Quả vậy, tiếng la-tinh đã chiếm-đoạt hết tư-tưởng người Pháp, sách Pháp truyện Pháp chữ la-tinh tiêm-nhiễm hết, muốn đặt tiếng Pháp mới, cũng phải do kiểu la-tinh. Như chữ *craie*, *suif*, *fourmi*, *oseille* (bởi la-tinh *creta*, *sebum*, *formica*, *oxalis*) thì không đổi ra được *crayacé*, *suifacé*, *fourmien*, *oseillique*, nhưng phải theo gốc la-tinh mà thành ra *crétacé*, *sébacé*, *fourmicien*, *oxalique*. Từ khi chiến-tranh độc-giả xem báo tây chắc thường thấy chữ *aviation*, *aviateur*, đó là chữ mới dùng để tả việc mới, người mới, đừng có tưởng bởi *air* mà ra (tưởng vậy thì lầm vì *air* bởi tiếng hi-lạp *aer*), chính bởi la-tinh *avis*, nghĩa là con chim, vì tầu bay chẳng qua là con chim bằng sắt.

Tiếng la-tinh ngày xưa quan-trọng thế, ngày nay vẫn còn thiết-dụng, biết đâu ngày sau đã bỏ được? Cái vấn-đề tiếng la-tinh ngày sau các ông tân-học Pháp (*culture moderne*) đã nhiều ông bài-bác trong các báo, có ông bảo rằng tiếng Pháp cũng như một cành cây tốt đẹp, đã lìa gốc rồi, nay sinh-sôi nẩy-nở ở một chỗ đất khác, không thể bảo nó còn ăn nhờ mẹ đẻ được nữa. Ai nấy há lại không rõ rằng tiếng Pháp là thứ tiếng đạt ý-tưởng người ta minh-bạch nhất, không phải nhiều lời tốn giấy, mà tiếng la-tinh thì xưa nay nói vẫn không thanh-thoát, vậy hai thứ tiếng còn gì tương-tự nhau nữa? Muốn bảo-tồn cho tiếng Pháp, muốn làm cho Pháp-quốc có một văn-tự riêng, không phải nương-tựa vào đâu, trước nhất nên cố quên la-tinh đi, mỗi tiếng la-tinh đem vào tiếng Pháp ngày nay là mỗi cái hại. Muốn gây nên nền giáo-dục Pháp thì chỉ nên dùng tiếng Pháp nguyên mà thôi, đừng phà lẫn tiếng khác vào. Đại-đề ý ông LANSON nói trong báo *La Phalange* ngày 20 Juillet 1911 như thế; thiết-tưởng khí quá: đã đành rằng những trường sơ-học thì tiếng la-tinh không dậy cũng được, vì ở đó chỉ chuyên về nghề dậy phổ-thông qua-loa, cốt nhất dậy những cái trông thấy trước mắt để học-trò mau chóng ra đời có tư-cách làm những việc tầm-thường. Nhưng bắt cả Trung-học không được hưởng cái mầu la-tinh thì có lẽ hại cho học-giới nước Pháp, vì một người muốn dùng lời lẽ mình hay ngọn bút mình mà ra đầu trọi với đời thì cần nhất phải giầu chữ, giầu ý-tưởng cao-xa, giầu văn cẩm-tú hùng-dũng. Ở bên Pháp ai là người có thể không biết được tiếng la-tinh? Muốn làm thầy kiện, quan-tòa, nhà báo, thầy-thuốc, kỹ-sư, chủ-hiệu, phải luyện tập lời ăn tiếng nói cho tường, viết cho chạy, cho hay, bình-phẩm cho đích-đáng, luận-thuyết cho công-minh, như vậy tất phải biết tiếng mình cho đến cỗi rễ để phân hắc bạch, nếu muốn biết đến cỗi-rễ tất phải biết đến la-tinh rồi. Nay dân An-nam không những phải bảo-tồn cho quốc-ngữ, phải học tiếng Pháp, không thể coi tiếng Pháp như cái áo đẹp mặc ngoài, muốn sang-trọng thì mặc, đù không có cũng chẳng sao, nói thế thì sai, phải biết tiếng Pháp cho tinh-xảo, không những mình nay thuộc quyền Bảo-hộ phải cùng nhau học-tập tiếng Pháp để cùng với qui-quốc mà mưu lợi cho xứ này, mình cũng nên học cho biết vì tiếng Pháp ngày nay nói gần khắp hoàn-cầu,

dùng làm tiếng ngoại-giao cho vạn-quốc (*langue diplomatique*). Nếu muốn thông tiếng Pháp cho đặc-biệt hơn người ngoại-quốc tất ta phải noi gương người Pháp, phải uống thứ sữa bổ ngàn năm kia thì trí-lự mới cao-xa, thứ sữa ấy là tiếng la-tinh vậy. Sau này nếu nước nhà có tay văn-sĩ nào viết bằng tiếng Pháp cho có ý-nhị, thật dám quyết thủa nhỏ đã được học tiếng la-tinh, nếu chưa học, lần-mò cũng đến biết thì câu văn thoát ra ngoài mới có tài-tình. Lắm nhà làm sách bên Thái-Tây bán văn-chương không chạy có lẽ cũng vì kém mầu la-tinh nên ý-tưởng không thoát. Trong phái ấy mới đây có một nhà thi-phú Pháp ở bên Mĩ viết cuốn *L'Âme solitaire*, đã có người ngợi khen, song cụ buồn bực vì thấy mình nói vẫn kém người xưa, ý-tưởng vẫn tầm-thường, có than rằng : « *Je ne sais pas ma langue. C'est que je n'ai pas fait mon cours classique, que je ne sais pas le latin, dont la connaissance est indispensable pour bien écrire le français.* » Cụ than như vậy là có ý rằng tiếng cụ còn nghèo, cách xếp đặt câu của cụ còn vụng ; muốn khỏi cái tệ ấy nên làm thế nào ? Phải học la-tinh.

Ta thử giở tự-điển ra coi có phải tiếng Pháp chia ba hai phần gốc tự la-tinh không ? Cho dẫu nhiều tiếng thêm thắt, đổi vần, đổi âm, biến-cải đến nỗi mới thoạt trông không ngờ bởi tiếng la-tinh mà ra, nhưng cốt vẫn la-tinh, ta có thể kết-luận được rằng bỏ học tiếng la-tinh là chính làm cho người Pháp vong-tổ, làm cho cái cây quốc-văn Pháp héo đi vì gốc đã bị phá mất thì trông vào đâu mà sống nữa ? Có ông bảo tiếng Pháp nay cũng như một người đã trưởng-thành có thể sinh-hoạt một mình được, thế đã đành, nhưng một người hành-động nơi xa lại không có khi còn phải nhờ cha nhờ mẹ sao ? Những tay diễn-thuyết, những nhà viết sách tỉ cũng như các bậc tôn-giáo, nếu muốn tuyên-bố đạo mình đi các nơi, muốn giữ cho nó khỏi lẫn với các đạo khác, lại quên mất gốc-tích nó đi thì còn ra mành-mối gì nữa ? Không có la-tinh, nhà làm tự-điển giỏi đến đâu cắt nghĩa cũng lúng-túng, con em nếu cứ nhắm mắt theo thành lộn nghĩa, không biết cân nhắc hay dở, cứ có chữ là viết, viết cho có hình-tích mà thôi, ý-kiến sâu-sắc vì dùng chữ không đúng mà không thoát ra ngoài cho hết được. Bảo tiếng la-tinh hại cho tiếng Pháp, sao không nhớ thế-kỷ 17 nước Pháp có những người tai-mắt trong học-giới, cổ-kim ai cũng chịu cho là mẫu-mực trong nghề làm văn, vậy thì mẫu-mực ấy vì đâu mà được người đời tôn-trọng, chẳng qua là vì biết khéo tổ-thuật những mẫu cũ của la-tinh.

Biết tiếng la-tinh không những không dùng bậy, còn suy ra được chủng-tộc tiếng Pháp nữa, như biết *tête* bởi la-tinh *caput* mà ra thì đoán được cả *cap, capitulaire, chapiteau, chavirer, chef, chevet, achever* ; chữ *duc* bởi la-tinh *ducere* thì thành ra *aqueduc, douille, éducation, séduire, déduire, induire* ; chữ *cure* bởi la-tinh *coquere* thì : *cuisine, décoction, coq, queux, biscuit, charcutier, précoce* ; biết *aqua* là *eau* thì biết *aquatique, aiguière, aigual, aiguade, aquarium, évier* ; chữ *sedere* thì thành *asseoir, assidu, assiette, assiéger, dissident, insidieux, obséder, posséder, séant, sédentaire, session, subside, surseoire* ; *stagnum* = *étang, stagnant* ; *rana* = *rainette, grenouille, renoncule* ; *cauda* = *queue, couard, caudataire* ; *audere* = *audace, oser* ; *otium* = *oisiveté, négoce* ; *dicere* = *abdiquer, bénir, prêcher* ; *audire* = *ouïr, obéir, audience, auscultier, écouter* ; *quies* = *coi, quiétude, quitte, acquitter, acquiescer* ; *v. v.*

Biết gốc la-tinh, tìm *adjectifs, verbes* những *noms*, hay *noms* những *adjectifs, verbes* cũng không khó.

Như *bain* gốc la-tinh *balneum* thì thành *balnéaire*; *noce* (*nuptiæ*) = *nuptial*; *nuire* = (*nocuus*) *nocuité*; *gui* (*viscum*) = *visqueux*; *oncle* (*avunculus*) = *avunculaire*; *serment* (*sacramentum*) = *sacramentel*; *foi* (*fides*) = *fidèle*.

Biết được cả những *noms doublets* là những tiếng hơi trùng nghĩa :

raison / *ration* } *ratio* (latin)

fusion / *foison* } *fusio*

légal / *loyal* } *legalis*

castel / *château* } *castellum*

ausculter / *écouter* } *auscultare*

sacreemnt / *serment* } *sacramentum*

Biết tiếng la-tinh cũng như một người cầm máy giỏi, học tiếng Pháp cũng như vặn xe hơi, cầm máy giỏi tất xe chạy điều-hòa, chỗ nào có nguy-hiểm biết mà tránh trước, máy chỗ nào hư biết đem mà chữa ; nếu để cho một người ngu tất làm liều, tất gặp nỗi khó-khăn. Biết tiếng la-tinh viết chữ Pháp ít khi sai, phân được giống đực, giống cái : như *délice*, số một thì đối với la-tinh *delicium* ở giống đực, vậy *délice* cũng phải theo ở giống đực ; như *délices* số nhiều thì đối với la-tinh *delicias* mà *delicias* ở giống cái thì *délices* cũng phải giống cái. Dùng *verbe* cũng đúng thì nữa, như phân-vân chưa biết viết một *verbe* thế nào cho đúng thì, nghĩ ngay la-tinh rồi cứ thế mà đối : như : *il chanta* = *cantavit*; *vous ordonniez qu'il chantât* = *cantasset*.

Nhờ có la-tinh mà không lầm được *paronymes*, là những tiếng hình - thể hơi giống nhau :

Như *recouvrer* bởi la-tinh *recupeare* thì khác *recouvrir* bởi lat, *recooperire*; *l'évier* = *aqua* khác *levier* = *levare*; *conjoncture* = *jugere* khác *conjecture* = *jacere*; *dégoutter* = *guetta* khác *déguster* = *gustus*; *infecter* = *inficiere* khác *infester* = *infestus*.

Nhờ la-tinh phân-biệt được *homonymes* là những tiếng đồng - âm dị-nghĩa :

la bởi la-tinh *illa*
là — *illac*
las — *lassum*
lacs — *lacqueus*

auspice — *avis* và *specio*
hospice — *hospes*

souci — *solsequium*
souci — *sollicitum*

for — *forum*
fors — *forat*
fort — *fortem*
(il) *fore* — *forat*

autel — *altare*
hôtel — *hospitalem*

cousin — *culicinum*
cousin (*insecte*) — *consolerinum*.

Biết gốc la-tinh thấu suốt được nghĩa *synonymes*, là những tiếng đồng-nghĩa dị-âm :

L'orgueilleux { *le superbe*, *le suffisant*, *le présomptueux*, *le vaniteux*, *le glorieux*, *l'important*, *le fier*, *le dédaigneux*, *le hautain*, *l'altier*, *l'impérieux*, *l'outrecuidant*, *l'arrogant*, *l'insolent*, *l'impertinent* }

Bấy nhiêu chữ là *synonymes* chữ *l'orgueilleux* hết, song mỗi chữ cắt nghĩa một thể kiêu-ngạo khác nhau. Như *le superbe* (*super* = *supérieur*) thì cho mình hơn hết mọi người ; *le suffisant* (*suffi-cientem*) cho mình đủ tài lực rồi không cần ai nữa ; *le présomptueux* (*præ-sumit*) không chịu yên muốn chiếm-đoạt cả người khác ; *le vaniteux* (*vanus, vani* = *vide*) khoe xằng, kỳ-tình trong trí rỗng tuyếch ; *le glorieux* (*gloria*) mượn tài người mà khoe mình, mượn tên ông chú bà bác mà nạt người ; *l'important* (*in-portantem*) tưởng trên đời không có mình thì thiên-hạ chết hết ; *le fier* (*ferum*) muốn tấm-tủi êm-đềm một mình, không chịu giây với đồng-bào ; *le dédaigneux* (gốc chữ *dignum*) tưởng ai ai cũng không đáng chơi với mình ; *le hautain* hay *l'altier* (*altus* = *élevé*) tưởng mình cao trót-vót ; *l'impérieux* (*imperum*) tưởng cai-quản ai cũng được ; *l'outrecuidant* (*ultra-cogitantem* = *penser au delà de*) phô ý-lự cao-xa quá mình làm không suể ; *l'arrogant* (*arrogare*) đòi lấy những quyền - lợi mình không đáng ; *l'insolent* (*in-solentem*) hay *l'impertinent* (*in-pertinentem*) lấy lời thô - bỉ khinh-dể, mà giao-thiệp với đồng-bào. Có phải biết được như vậy là do gốc la-tinh không ?

Biết la-tinh cắt nghĩa sách cũng đúng. Như *dimanche* (*dominicum*) thì tất là ngày làm lễ chúa, ai nấy nghỉ để đi cầu-nguyện ; *la patrie* (*patria terra*) là đất tổ quê cha ; *ministre* (*minister* = *serviteur*) là chân tay của chính-phủ, là quan thượng-thư ; *estimer* (*æs* = *argent, monnaie*) quí như vàng như bạc ; *carrefour* (*quadria - furcum* = *quatre chemins*) chỗ hai đường đang chạy gặp nhau thành tứ phía ; *religion* (*religat* = *lien*) chẳng qua là cái giây vô-hình nó dàng-buộc người với thánh thần, làm cho ăn ở có thủy có chung ; v.v.

Một nhà văn-sĩ biết la-tinh đọc một tiếng la-tinh có thể lim-dim con mắt mà tưởng - tượng cảnh bồng-lai, mà tiếng ấy có thể biểu-hiệu được, bởi đó thành thơ, thành phú. Như *fluvius fluit* thì tất ẩn nghĩa sông chảy quanh - co như con rắn bạc đang tườn ; đọc *orientem* nghĩ ngay đến phía dòng mặt trời mọc đỏ ối như vàng thau, đến *aureolum* thì nghĩ ngay vàng oanh ; nhà tây-học Annam chắc rung đùi mà rằng : *Lơ - thơ tơ liễu buông mành, con oanh học nói trên cành mỉa - mai* ; nói đến *signum* thì ra ngay cái chuông tỉnh-ngộ khua-động cho ai nấy mở mắt mà chen đầy nhau trong trường văn-minh, đến *bi-lancem* (*balance*) thì nghĩ ra phàm đã làm phụ-mẫu dân, cầm cân sử-đoán phải cho công-bằng, đừng để bên nọ nặng hơn bên kia.

Biết tiếng la-tinh tập làm thơ Pháp, tìm tiếng, tìm vần cũng nhậy, như ý muốn nói tạng yếu hèn đồ nát thì : *anfractuosité, enfreindre, fragile, friche, naufrage, réfractaire, saxifrage* ... Muốn tả tính trẻ con hay thay đổi thì : *chèvre* (*capra*) *chevroter, cabri, se cabrer, caprice*... Xem như ông SULLY PRUD'HOMME tả cảnh con chim thiên-nga ngủ ban đêm trên mặt nước trong mấy câu thơ sau này thì lượng được ý la-tinh quan-trọng, cẩm-tú, thần-tình biết đến thế nào mà kể :

Alors que pas un jonc, pas un glaïeul ne bouge,
Que les rainettes font dans l'air serein leur bruit
Et que la luciole au clair de lune luit,
L'oiseau dans le lac sombre, où sous lui se reflète
La splendeur d'une nuit lactée et violette,
Comme un vase d'argent parmi les diamants,
Dort, la tête sous l'aile, entre deux firmaments.

Những vật trong bài thơ này phải nhờ có cảnh yên như lặng vắng như tờ mới hiển-hiện ra mắt ta được, nếu

đã hiển-hiện ra tất quang-cảnh bấy giờ tĩnh-mịch lắm. Cây lau, cây sậy, cây cói toàn những cây mọc trong bùn ao, yếu-ớt đến nỗi hơi gió cũng có thể lay-chuyển được, vậy mà tác-giả nói không có cây nào nhúc-nhích, tất tuyệt thanh-tĩnh. Những chữ *jonc* và *glaïeul* do la-tinh *jancus, gladiolus* hay *gladius*, tỏ là những thứ cây bé nhỏ, mềm dẻo, bởi thế mà ra nghĩa khúc thơ đầu. Thấy chữ *rainettes* (*latin : rana = grenouille*) chắc nghĩ ngay đến cóc nhái chỉ có ban đêm mới hay đi kiếm ăn, muốn nói cảnh vắng bảo rằng nó cựa-quậy tích-tắc trên mặt nước hay sột-soạt trong cỏ cây đương lúc không-khí êm-đềm, không hỗn-tạp, vậy thành *air serein* (*latin = serenus, nghĩa là về chiều hôm, tất là vắng ngắt, con mọt kêu gâm dường cũng nghe thấy*). Duy chữ *luciole* thì do *italien = luccalio* (đom-đóm) cũng chỉ mục-đích tả cảnh đêm. Nay muốn rõ thấy con thiên-nga nằm dưới nước thì đom-đóm phải lập-lòe dưới bóng trăng thâu : *au clair de lune* (*latin luna = ẩn nghĩa ánh sáng dịu-dàng một vị tinh-tú chiếu vào đâu làm cho đấy mát-mẻ, ươn-ướt, mườn-mượt, như nhung như gấm*) nhờ có câu *au clair de lune* thành đối được con thiên-nga với *vase d'argent*. Cảnh đêm trăng, tất hồ ao không đen như mực, nên không nói *lac noir* mà nói *lac sombre* (*cũng có sáng nhưng không được tinh-tường, tại ánh mặt trăng*). Như *sous lui se reflète* (*reflectere = in như hệt, trông như một, đi lại chỗ cũ, revenir*) thật rõ ra mặt nước thẳng như bàn thạch thì những sao sáng nhoáng trên mấy từng trời (*la splendeur = splendor = grand éclat de lumière*) mới in rõ trên mặt nước từng giây từng tràng, ánh sáng thoát ra không-trung *trong như ngọc trắng như ngà* (*lactée = lactis, sữa — mầu sữa tất giống mầu ngà*, theo như ông LITTRÉ tiên-sinh cắt nghĩa trong tự-điển thì *lactée* đi với chữ *voie* còn nghĩa là giải sao sáng chỉ có trời thanh-tĩnh mới hiện ra thôi, như thế thì lại thêm được ý đêm thâu nữa). Đa trời chỗ nào có sao tất như châu báu sáng trói-lọi, chỗ nào không thì mây ám đen sì, đen quá bị ánh sáng rực-rỡ phản-chiếu thành đen biếc, biếc quá thành *tím, violette* — Con thiên-nga quặp đầu vào cánh ngủ, tất đầu thành-thử cũng rưa-rứa đuôi, hai bên cũng cong bằng nhau, in như cái bình bạc lơ lửng trên mặt nước, trên dưới có kim-cương, nghĩa là sao và hình sao chiếu xuống nước hồ, — mà ngủ như vậy tất nằm ở giữa hai bầu trời đối nhau tăm-tắp, một bầu thật, một bầu giả, nghĩa là hình bầu thật dưới hồ. Độc-giả thử ngẫm xem có phải hai bầu úp lại nhau thành một quả bóng tím, từ đầu chí cuối giát kim-cương, ở giữa đựng cái bình bằng bạc. Có một con thiên-nga ngủ ban đêm mà thành quang-cảnh đó, hỏi có ly-kỳ không ? Chữ *firmaments* đứng cuối bài thơ này cũng có ý lắm, làm then chốt cho cả cảnh lặng-ngắt ban đêm, biểu-hiệu được rõ cái ý rằng máy vũ-trụ tự-nhiên nghỉ hẳn, yên hẳn để lấy sức hoạt-động ngày mai, vì *firmament = latin : fermamentum* nghĩa là một nơi không lay không chuyển (*ferme*), người ngày xưa bảo rằng các vị tinh-tú bị tay tạo-hóa đóng chặt vào đấy, không chuyển đi đâu nữa; nay ta cứ gọi bầu-trời thì có lẽ ý hay lắp đi nhiều quá. Đọc bài thơ trên có thể cầm bút vẽ ra một bức tranh cảnh tuyệt đẹp được.

Ấy đấy, phàm thơ-phú thi-ca, bài nào cũng phải đủ tư-cách làm cho độc-giả thấy cái thú hoạt-động và thụ-động (*les plaisirs actif et passif*), phải tỏ cho ai nấy biết ý-tưởng chẳng thừa cũng không thiếu, chữ nào cũng nghĩa-lý, câu nào cũng thanh-tao, biểu-hiệu được tinh-chất của tư-tưởng cao-xa mình (*l'essence de la pensée humaine*), tả được cảnh-tượng trời đất như vẽ, như in (*l'image de la nature*). Thiếu-niên ta

ơi, phải nên cần vậy, đã làm thơ tất phải nói cái gì cao-kỳ, khác thường, mà khác thường thì một là thành tiên thành bụt, hai là ra ma ra quái ; xin chớ đem công vô-ích thơ-thần xẳng, để tài-lực làm cái khác còn hơn, dẫu có viết ra nữa chẳng qua cũng chỉ thành người xếp vần (*versificateur*) và văn thì thành đúng điệu mà thôi (*prose rythmée*), không có khiếu làm thơ, không nên dở trò.

Các nhà tây - học giỏi nước mình đến chỗ nào hay thì ta chửa biết cái vui thú nó hiển - hiện ra nét mặt thế nào, nhưng người Pháp tối đến công - việc đâu đấy, trước khi đi ngủ đem một tập thơ LECONTE DE LISLE hay SULLY PRUD'HOMME mà ngâm-vịnh một mình dưới ngọn đèn điện êm - đềm, đến chỗ nào thấy hồn la-tinh phát ra một cách rất rực-rỡ thì đôi con mắt như tươi cười, mặt mũi nở-nang, tựa hồ như hấp được một thứ không - khí lành khác ; khi gặp sách lại cũng còn lẩm-bẩm nhắc theo như các cụ ta ngồi xếp bằng tròn ngâm-nga vậy. Đọc sách thế mới thấu được thần - tình văn - chương người trước, thế mới gọi là đọc sách, vui thật, hay thật. Tiếng la-tinh tả tư-tưởng người ta đúng đến nỗi không có tiếng nào sát-lý hơn, có người vì hay quá phải kêu « Thế là thế ! », không có cách gì nói thêm nữa vì nói thêm chỉ tổ mất cái ý-vị la-tinh đi thôi. Lấy ngay quyển *Britannicus* của RACINE xem vài câu thì biết. Kể một câu tầm-thường : *ce triomphe indiscret*, nếu không dùng *indiscret* thì dùng gì cho đúng chân-lý, hay lại cắt nghĩa : *qui manque de discernement et de mesure*, mà chắc đã hết ý sao ? Những tiếng mới thật lợi cho làng văn Pháp, không phải lôi-thôi mãi mới tả được một ý, những tiếng ấy nhiều nhất trong sách của BOSSUET là vua trong nghề văn xuôi theo như lời nghị-luận của ông BOURGET. Chính BOSSUET nói rằng : «*Ta viết tiếng Pháp hoàn-toàn là nhờ có khảo-cứu sách la-tinh.*» Sách la-tinh ấy chính của CICERON, TITE-LIVE, SALLUSTE, VIRGILE, HORACE ; tiên-sinh đem ra dậy Hoàng-tử bao giờ cũng cầm bút ở tay biên chép lấy ý-tưởng thâm-trầm như bọn ta học tiếng Pháp biên *notes* vậy. Sách *Oraisons funèbres*, *Sermons*, *Discours sur l'Histoire universelle* thật tiếng Pháp mới, tiếng Pháp giầu lời, giầu lẽ, giầu chữ, tiếng Pháp vĩnh-viễn vì có sữa la-tinh tẩm-bổ. Biết bao nhiêu tiếng mới ngày ngày ta dùng như :

offusquer	đối với	*obscurcir*
divertir	—	*détourner*
établir	—	*fonder solidement*
distinguer	—	*séparer, tirer du [commun*
servir	—	*être esclave*
grave	—	*qui a du poids*
occuper	—	*s'emparer de*
exposé	—	*en vue*
avarice	—	*fureur de s'enri- [chir*
confondre	—	*mettre en dessus, [dessous.*

Độc - giả hoặc biết la-tinh, hoặc không biết la-tinh coi đó cũng đủ lượng bên nào đúng và gọn-gàng hơn.

Những người có công trong việc bảo-tồn tiếng Pháp đứng đầu có linh-mục BOSSUET đến VICTOR HUGO cùng mấy tay có tiếng giỏi la-tinh ta vừa nói hồi nãy (*les latinisants*) ; lại những bậc như LA BRUYÈRE, MONTESQUIEU hai tiên-sinh nhờ ảnh-hưởng la-tinh viết theo lối xưa, rõ-ràng, nhanh nhẹn, xét thời-thế dân-tình kỹ-lưỡng rồi hạ tay xuống viết mỗi chữ một ý, nói để nghe không phải nói cho đầy giấy, đầy trang. Hay nhất là hai quyển *Les Caractères* của LA BRUYÈRE và *Esprit des Lois* của MONTESQUIEU. Hiện-thời người Pháp viết vắn-tắt theo lối *La Bruyère* (*style*

coupé) và xét luận theo lối MONTESQUIEU, nghĩa là đem óc ra trường sinh-hoạt thế-giới mà quan-nghiệm luyện-tập. (*Que notre esprit d'observation et d'assimilation évolue autant que possible dans le monde de l'expérience* (Dịch một câu trong báo *Daily Press* năm ngoái).

Ta đã nói vì cớ gì tiếng Pháp nay thành giầu, bây giờ phải biết những tiếng mới đó cũng như những chữ in, các bác thợ có thể cầm khuôn mà sắp bày sắp bạ cũng thành giòng, thành trang, thành quyển được. Nhưng phải thế nào cho nghĩa-lý mặn-mà, nên chỉ phải chải-chuốt ý-tưởng, câu văn, nghĩa là còn phải cần đến tiếng la-tinh nữa. Đại-khái nhờ la-tinh, tiếng Pháp có *articles* để phân giống cái, giống đực, số nhiều số ít, như *le fils, les fils, le père et la mère, les pères et mères.* Lắm chỗ bắt-chước bỏ *articles* cho dễ in vào trí hay để tỏ cái ý sốt - sắng ra : *Contentement passe richesse — Ils nous assurent et vie et gloire et liberté — Nuit et jour — Jouer gros jeu — Faire feu qui dure — suer sang et eau.*

Adjectifs, pronoms, verbes pháp cũng do la-tinh mà hợp với *noms* : « Mais le fer, le bandeau, *la flamme est toute prête* » (RACINE). « C'est moi *qui suis* Guillot » (LA FONTAINE). « *La plupart portent* sur leur front l'orgueil » (MASSILION). « A Paris *règne la liberté et l'égalité* » (MONTESQUIEU) « *Le bien et le mal est* en ses mains » (LA BRUYÈRE).

Vậy muốn đặt tiếng Pháp cho bóng bẩy (*tournures élégantes*), muốn thâm-hiểu những giọng ly - kỳ của tiếng Pháp (*les délicatesses de la langue française*) tất phải học la-tinh mà muốn cho chóng phải tập dịch tiếng kia ra tiếng nọ, tiếng nọ ra tiếng kia, để xem chỗ nào mờ-ám thì cố tìm phương-diện mà giải-rõ, chắc ngày nay tòa Hàn-lâm bên Pháp cũng các nhà làm tự-điển vẫn còn theo cách ấy. — Tại sao ?

Tiếng Pháp rõ-ràng thật, song có chữ gồm nhiều nghĩa quá, nên có khi mênh-mông như *aimer* là *yêu*, nhưng yêu thế nào, bố mẹ yêu con khác, anh em yêu nhau khác, mình yêu mình khác, vợ chồng yêu nhau khác, tình-nhân yêu nhau khác, bạn-bè yêu nhau khác, cùng xứ cùng làng yêu nhau khác. — La-tinh thì có đủ như *aliquem amare, dilegere, carum habere, otium segni, delectari, artibus, musica me juvat. . .* Ngày ngày tra - cứu như thế có thể bắt chước BOSSUET mà đặt tiếng mới để đạt tình-tình minh - bạch, biết nó thổ-lộ ra ngoài bao nhiêu thể (*formes*) như nhiều chất hóa-học vậy. — Đó là về phần các nhà đại-học Pháp, chúng ta bây giờ chỉ cốt nhất học la-tinh để đủ hiểu sâu-sắc tiếng Pháp đang nói trong thế-kỷ này thì nền tây-học nước mình chắc mới vững-bền như nền nho-học ngày xưa. Cái giây mật-thiết tiếng la-tinh đối với tiếng Pháp, ta đã rõ-ràng, thì nên cùng người Pháp mà tôn-trọng tổ văn-chương la-mã là VIRGILE — Mới đây một nhà đại-giáo-khoa Pháp thấy tư-tưởng người Pháp do ở óc VIRGILE ra cả có viết mấy dòng trân-trọng này:

« ..... *Virgile, le maître et le guide de Dante ! Virgile, sans qui Bossuet « n'allait jamais à la campagne », qui faisait ses délices et dont la douceur était aussi le caractère de notre prélat ! Virgile, où l'on croit déjà sentir battre le cœur de la douce France (dulces reminiscitur Argos) ! Virgile, le premier inspirateur de la tendresse de Racine, de l'onction caressante de Fénelon et de la mélancolie des rêves Lamartiniens. Nous avons tous présent à l'esprit ce passage de Dialogues des orateurs qui nous montre l'illustre poète entrant un jour au théâtre, salué de tout le peuple qui s'était levé d'un mouvement unanime et honoré des respects rendus habituellement à la personne de l'Empereur. J'imagine que nous le saluerions tous encore de même s'il revenait à cet instant parmi nous, portant le précieux rameau d'or et escorté des plus glorieux esprits de Rome. Et tout en écoutant chanter dans notre mémoire*

quelques uns de ses plus nobles vers que notre enfance y a gravés, nous lui adresserions cet hommage suprême :

« Ne crains pas, ô Virgile, que nous te oublions jamais ! Nous ne sommes ni des ingrats ni des imprudents. Tu régneras toujours, maître vénéré, dans le sanctuaire de nos collèges pour y élever l'âme de nouvelles générations.

« Nous te confions pieusement nos fils, ô le plus pur des poètes ! C'est toi, mieux que tout autre, qui peux leur révéler le secret du génie ancien de leur race, les défendre de la barbarie qui les guette, éclairer leurs yeux de la suave lumière de ton ciel d'Ausonie !

« Reste le compagnon de la fière adolescence ; enseigne-lui sans fin le culte de la nature, l'amour de la patrie, la piété des tendresses humaines avec l'allégresse de la parfaite beauté !

« Mais surtout tu la protégeras contre les défauts du siècle, contre ce qui manque d'ordre et de mesure, contre toute brutalité et toute laideur ! Tu dresseras son oreille à l'harmonie de ton hexamètre et tu feras passer dans son idiome la douceur et le charme de ton verbe enchanteur !

« Et partout ensuite où nos enfants se feront entendre, parure et grâce souriante du monde entier, on saura aisément les distinguer à l'expression de leur âme claire, généreuse et délicate, de l'âme latine et virgilienne, qui est devenue celle de l'éternelle France ! »

Còn chúng ta nên tổng-kết rằng : Muốn giỏi tiếng Pháp, nên biết la-tinh, để học tiếng một cho mau chóng, để viết tiếng Pháp cho đúng nghĩa, khỏi vẩn-vơ không đạt được tâm-hồn mình một cách đặc-biệt, để chải-chuốt văn-chương, để học cách-trí cho tinh-tường mà hưởng lấy văn-minh Thái-Tây, để thâu-nhập lấy tư-tưởng hay của văn-nhân thượng-cổ, để khai-trí tiến-đức cho mình[1].

LƯU VĂN-MINH *lai-cảo*.

CHÀNG NGỐC HÓA KHÔN VÌ TÌNH

Ngôn-tình hài-kịch

(Hí-kịch bằng văn xuôi có một hồi hai-mươi-hai đoạn, dịch trong kịch-bộ của MARIVAUX tiên-sinh.)

CÁC VAI

BÀ TIÊN
ĐỊCH-HOA-LINH, đầy-tớ của Bà Tiên.
Á-LỢI-CAN, tức Chàng Ngốc, chàng thiếu-niên bị Bà Tiên bắt.
TÂN-HOA, nữ-mục-đồng, tình-nhân của Á-lợi-can.
Một chàng mục-đồng, có tình với Tân-hoa.
Một nàng nữ-mục-đồng, chị họ Tân-hoa.
Một bọn múa hát.
Một bọn yêu-tinh.

Cảnh khi ở trong cung Bà Tiên, khi ở đồng-điền bên ngoài.

* *

(1) Những lẽ ông LƯU VĂN-MINH bàn về sự quan-hệ tiếng Pháp với la-tinh thật là đích-đáng lắm. Nay dịch-giả nói về tiếng An-nam ta quan-hệ với chữ nho thế nào, thiết-tưởng cũng không ngoài các lẽ đó. Tiếng Pháp ở la-tinh ra, tiếng ta cũng ở chữ nho mà ra. Muốn giỏi tiếng Pháp phải biết la-tinh, thời muốn thông tiếng ta phải thuộc chữ nho, cái lý-do hai đằng cũng như nhau vậy. (N.-P.).

Kịch thứ I

BÀ TIÊN ; ĐỊCH-HOA-LINH

ĐỊCH-HOA-LINH, *nói với Bà tiên đương than-thở.*

Bẩm bà, bà than-thở hoài ; bà không hồi-tỉnh lại thời bà còn thở-than mãi, tội-nghiệp. Con xin phép bà cho con thưa thực-tình.

BÀ TIÊN

Mi cứ nói.

ĐỊCH-HOA-LINH

Chàng thiếu-niên bà mới bắt về đó, con coi sắc hung-hung, đẹp trai phạm ; mặt-mũi ngộ-nghĩnh quá. Hồi bà bắt gặp, chàng đương nằm ngủ trong rừng, thiệt là thần Ái-tình, đương giấc điệp. Vậy bà đem lòng thương-yêu chàng mau như vậy, con cũng không lấy chi làm lạ.

BÀ TIÊN

Thương người đáng thương, có chi mà lạ ?

ĐỊCH-HOA-LINH

Vâng, chính phải thế ; song trước sự kỳ-ngộ này, bà cũng thương-yêu ông Mã-lĩnh tiên-ông lắm chớ.

BÀ TIÊN

Ừ, thì thương người nọ phải nhạt người kia, đó là lẽ tự-nhiên chớ sao.

ĐỊCH-HOA-LINH

Vâng, tự-nhiên lắm ; nhưng còn một chút này : là hiện nay bà bắt anh chàng mê ngủ đó, mà vài ba bữa nữa bà phải kết-hôn với Mã-lĩnh tiên-ông, vì đã có giao-ước rồi. À, cái đó mới quan-trọng ; chỗ thày trò, con xin thưa thực, bà làm thế thời khí tự-nhiên quá. Song cũng có thể bỏ qua được ; cho tệ lắm, là mang tiếng thất-tiết chớ gì ; đàn ông thất-tiết thời bậy lắm, nhưng đàn-bà thất-tiết cũng còn khả-nguyên được. Đàn-bà người nào trinh-tiết thời thiên-hạ khen-lao ; nhưng cũng có những bà nhũn-nhặn không muốn cầu lấy cái hư-vinh được thiên-hạ khen-lao làm gì. Bà là vào hạng các bà đó : lấy danh-dự ít mà được khoái-lạc nhiều : được lắm ! hay lắm ! !

BÀ TIÊN

Nói danh-dự với ta ! Ta không có dại gì mà bận lòng về hai chữ danh-dự rồi.

ĐỊCH-HOA-LINH

Phải lắm ; con xin nói nốt. Bà đem chàng mê ngủ đó vào trong cung, bà ngồi chực cho chàng thức giậy ; bà ăn-bận lả-lơi suồng-sã, thiệt là xứng-đáng một vị phu-nhân không coi hai chữ danh-dự là cái chi-chi. Bà đợi cho chàng ta thức giậy, trông thấy bà mà mê-mẩn tâm-thầu ; chàng giậy, chàng chào bà bằng một con mắt ngu-xuẩn lạ đời, thật cổ-lai không thằng ngốc nào có con mắt như thế. Bà lại gần, chàng ngáp hai ba cái hết sức là ngáp, nằm dài ra, quay mặt lại, rồi lại ngủ. Cuộc thức giậy ấy vẫn tưởng vẽ nên bức tranh tuyệt-bút, vậy mà rút cục chỉ có thế, kỳ thật. Bà rầu lòng thở dài mà bước ra ; cũng có lẽ là nghe thấy tiếng ngáy o-o, ngáy thiệt-lực là to, không chịu được mà phải ra. Được một giờ, chàng lại thức giậy, không thấy ai cạnh mình, kêu lên : Này ! Nghe thấy tiếng gọi nhã như thế, bà chạy vào ; thần Ái-tình đương giụi mắt ! Bà hỏi : « Ái-khanh muốn chi ? » Chàng đáp : « Tôi muốn ăn ». Bà lại hỏi : « Ái-khanh trông tôi có lạ không ? » Chàng nói : « Có mà ! » Trong mười - lăm bữa nay chàng ở đây, chàng chuyện-trò với bà bao giờ cũng bằng những câu tuyệt-cú như thế. Vậy mà bà yêu chàng ; lại rầy nữa, là bà cứ để cho Mã-lĩnh tiên-ông yên - trí rằng ông sắp lấy bà, và ý riêng bà nói với con là bà rắp

lòng lấy chàng thanh-niên đó. Cứ thiệt-thà, nếu bà lấy cả hai người, thời theo công-lệ cổ-kim, ông chồng nhì tất làm mất giá ông chồng nhất.

BÀ TIÊN

Ta nói vắn tắt cho mi nghe. Ta coi mặt chàng thiếu-niên đó, ta lấy làm ưa quá. Hồi ta bắt chàng, ta có biết đâu rằng chàng ngu-ngốc như thế. Nhưng ta cũng không vì chàng ngu mà ta chán. Hiện nay chàng cũng đã mĩ-miều khả-ái rồi, bao giờ chàng khôn hơn lên thời lại càng đáng yêu hơn nữa. Còn gì sướng bằng được một chàng đẹp trai quì dưới gối mà nói : « Mình ôi, tôi yêu mình lắm ! » Hiện nay chàng đã là một cậu hung-hung đẹp nhất trong thiên-hạ rồi ; nhưng bao giờ có một chút ái-tình tô-điểm thêm vào, thời miệng chàng, mắt chàng, cả nét mặt chàng, lại khả-ái hơn nữa ; ta cố chăm có lẽ cũng làm cho chàng động-tình được. Thường khi chàng hay nhìn ta, và ngày nào ta cũng tưởng như đã đến lúc chàng tỉnh-ngộ mà có cảm-tình với ta rồi. Bao giờ chàng có tình thật, thời tức-khắc ta lấy chàng làm chồng. Chàng đã được công-nhận làm chồng ta thời lão Mã-lĩnh không thể ghen-tuông chi được nữa ; nhưng trước khi ấy, ta không dám làm mất lòng lão, vì phép tiên lão cũng tài bằng ta ; ta hằng cố di-du được đến đâu hay đến đấy.

ĐỊCH-HOA-LINH

Nhưng nếu chàng thiếu-niên đó, ái-tình cũng không có mà trí-khôn cũng không thêm, nếu bà cố công giáo-dục cho chàng mà không thành-hiệu gì, thời bấy giờ bà chịu lấy Mã-lĩnh tiên-ông vậy chớ ?

BÀ TIÊN

Không ; vì dẫu lấy lão ta cũng không quên được chàng kia ; và nếu vạn-nhất chàng lại yêu ta, thời ta thú thật với mi, dù có chồng rồi ta cũng không dám chắc ở lòng tiết-tháo của ta.

ĐỊCH-HOA-LINH

Cái đó bà chẳng phải nói con cũng ngợ như thế rồi. Phàm đàn bà đã động-tình là phải mắc. Nhưng Ngốc-công-tử đã cùng với thầy dạy múa lại kia rồi.

Kịch thứ II

CHÀNG NGỐC, *đi cúi đầu, dáng ngờ-nghệch* ; ÔNG THẦY DẠY MÚA ; BÀ TIÊN ; ĐỊCH-HOA-LINH

BÀ TIÊN

Thế nào, em ? em coi bộ buồn ; ở đây có gì mếch lòng em chăng ?

CHÀNG NGỐC

Tôi không biết.

BÀ TIÊN, *bảo Địch-hoa-linh đương cười*

Ta xin mày, đừng cười thế ; mày cười là mày nhạo ta. Ta đã có lòng yêu chàng, cũng đủ cho mày phải trọng chàng. (*Đương khi nói, Chàng Ngốc dơ tay bắt ruồi. Bà Tiên lại quay nói với Ngốc*) Thế bây giờ ái-khanh ta học múa đi.

CHÀNG NGỐC, *như không nghe thấy*

Gì ?

BÀ TIÊN

Ái-khanh chiều ta học múa đi.

CHÀNG NGỐC

Không.

BÀ TIÊN

Thế nào ? Ta yêu ái-khanh, ái-khanh không nghe ta sao ?

(*Bấy giờ Chàng Ngốc trông thấy cái nhẫn to ở trên tay bà Tiên ; chạy ra nắm lấy tay, nhìn cái nhẫn, rồi ngửng mặt lên cười khi-khi.*)

BÀ-TIÊN

Ái-khanh có muốn lấy không ?

CHÀNG NGỐC

Có mà.

BÀ - TIÊN *rút cái nhẫn, đưa cho chàng. Trông thấy chàng cầm một cách thô tục, bà bảo.*

Này, ta dặn ái-khanh, nhé. Một chàng công-tử đẹp trai như ái-khanh, hễ gặp vị phu-nhân nào tặng cho cái gì thời lúc cầm lấy phải hôn tay.

(Chàng Ngốc cầm lấy tay bà hôn tàn lụt.)

BÀ-TIÊN *bảo đích-hoa-linh*

Ta nói hắn không nghe ra ; nhưng hắn thật-thà thế cũng hay. *(Bà lại quay lại nói với Ngốc)* Bây giờ em hôn tay em đi. *(Ngốc hôn vào trên bàn tay ; bà Tiên thở dài, đưa cho cái nhẫn, nói)* Nhẫn đây, thế bây giờ em học chào đi.

(Bấy giờ ông thầy dạy múa dạy cho chàng Ngốc tập cúi chào. Chàng làm lắm cách kỳ-khôi lắm).

CHÀNG NGỐC

Tôi chán lắm.

BÀ TIÊN

Thế thì thôi, bây giờ chị bày cách giải-trí cho em.

CHÀNG NGỐC, *vui nhảy lên*

A ! giải-trí ! A ! giải-trí !

Kịch thứ III

BÀ TIÊN ; CHÀNG NGỐC ; ĐÍCH HOA-LINH ;

BỌN MÚA HÁT *(vừa đào vừa kép)*

(Bà Tiên cho Ngốc ngồi cạnh mình trên cái ghế bằng cỏ xanh. Trong khi người ta múa thời Ngốc thổi còi).

MỘT VAI KÉP, *trông vào Ngốc mà hát.*

Hỡi chàng da đỏ ngăm-ngăm,
Ái-tình gọi đó nghe chăng hỡi chàng?

CHÀNG NGỐC, *đứng lên ngơ-ngác*

Ai gọi đâu ? tôi không nghe thấy. *(Chàng gọi to lên)* Ai đấy ? Lại đây !

Người kép, *cứ hát*

Hỡi chàng da đỏ ngăm-ngăm,
Ái-tình gọi đó nghe chăng hỡi chàng?

CHÀNG NGỐC, *ngồi xuống*

Ai gọi thời gọi to hơn lên.

NGƯỜI KÉP, *chỉ bà Tiên cho Chàng mà hát.*

Chàng có thấy thần-tiên ngồi đó,
Mắt trừng-trừng như tỏ nỗi lòng,
Như giục-giã, như xui cùng,
Giao-hoan cho thỏa, hãi-hùng làm chi?

CHÀNG NGỐC, *nhìn vào mặt bà Tiên.*

Chà chà ! ngộ chửa !

MỘT VAI ĐÀO, *giả làm nữ-mục-đồng nhìn vào Ngốc mà hát*

Thú ái-tình còn chi hơn nữa ?

CHÀNG NGỐC

Ừ, dạy cho tôi hát như thế.

NGƯỜI ĐÀO, *vẫn nhìn vẫn hát*

Vậy mà chàng lẫn-lữa lạ thay !
Tôi cùng tri-kỷ bạn đây,
(Đến đấy chỉ vào người kép)
Yêu nhau tôi cũng vui-vầy cùng nhau !

BÀ TIÊN

Thế nào, ái-khanh nghe những câu hát não-nùng như thế, trong lòng có thấy cảm-động gì không ?

CHÀNG NGỐC

Tôi thấy đói lắm.

ĐÍCH-HOA-LINH

Nghĩa là chàng cảm-động muốn ăn, Nhưng có người nhà quê đến muốn múa điệu quê cho xem ; để họ múa rồi ta đi ăn.

(Một người nhà quê vào nhảy múa)

BÀ TIÊN

(Bà ngồi xuống, bảo chàng Ngốc cũng ngồi xuống mà chàng thìu ngủ. Khi nhảy múa xong, Bà Tiên đứng giậy kéo tay chàng bảo rằng)

Ái-khanh ngủ đấy ư? Làm thế nào cho ái-khanh vui được bây giờ ?

CHÀNG NGỐC, *thức giậy khóc*

Hi ! hi ! hi ! Cha tôi đâu, tôi không trông thấy mẹ tôi đâu.

BÀ TIÊN, *bảo Địch-hoa-linh*

Mi đem chàng đi, dỗ chàng ăn cơm, cho chàng khỏi buồn. Ta đi vắng một lát. Chàng ăn rồi để chàng muốn đi chơi đâu thời đi.

Kịch thứ IV.

(Tân-hoa bước vào, bận áo nữ-mục-đồng, cầm cái gậy chăn chiên ở tay ; một chàng mục-đồng theo sau)

TÂN-HOA ; CHÀNG MỤC-ĐỒNG.

CHÀNG MỤC-ĐỒNG

Thế nào chị Tân-hoa ? Chị chạy tôi đấy ư ?

TÂN-HOA

Anh bảo tôi làm thế nào ? Nghe anh nói tôi chán lắm ; lúc nào anh cũng chỉ nói truyện tình.

CHÀNG MỤC-ĐỒNG

Bụng tôi thế nào, tôi nói như thế.

TÂN-HOA

Phải ; nhưng tôi đây, bụng tôi không có gì cả.

CHÀNG MỤC-ĐỒNG

Rõ thật là rầu lòng tôi quá.

TÂN - HOA

Không phải lỗi tại tôi. Tôi vẫn biết rằng các chị nữ-mục-đồng kia chị nào cũng có một anh mục-đồng theo sau ; các chị ấy nói với tôi các chị ấy có người yêu, các chị ấy than-thở rằng các chị ấy có ái-tình, các chị ấy phô tôi rằng các chị ấy vui-thích lắm. Tôi thời tôi buồn rầu quá : từ ngày anh nói rằng anh thương yêu tôi, thời tôi cũng gắng sức để thương yêu anh ; vì tôi cũng muốn được vui-thích như người ta. Anh bảo có cái phép gì làm được cho anh sung-sướng thì tôi xin sẵn lòng ngay ; vì tôi không phải là người xấu bụng đâu.

CHÀNG MỤC-ĐỒNG

Trời ơi, tôi chỉ biết một phép, là hết lòng thương yêu chị mà thôi.

TÂN - HOA

Phép gì chớ phép ấy thời coi ra không hiệu-nghiệm rồi ; vì tôi đây tôi chưa thấy có bụng gì thương-yêu anh cả, thật tôi lấy làm phiền lòng quá. Như anh, anh làm thế nào mà lại đến thương yêu tôi được ?

CHÀNG MỤC-ĐỒNG

Tôi ! Tôi trông thấy chị là tôi yêu chị ngay.

TÂN-HOA

Thật khác nhau quá ! Như tôi thời tôi càng trông thấy anh lại càng không có bụng yêu anh. Nhưng mà thôi, chẳng hề gì ; anh cứ yên tâm, rồi cũng có ngày. Song tôi xin anh đừng làm rầy tôi. Như bây giờ mà anh đứng đây mãi thời tôi lại sinh ghét anh cũng có.

CHÀNG MỤC - ĐỒNG

Chị nói thế thời tôi xin về để bằng lòng chị ; nhưng xin chị cho tôi hôn tay chị để tôi cũng được yên lòng.

TÂN - HOA

Không anh ạ ; người ta nói rằng cho hôn là có tư-tình với người, cho hôn không phải là người chính-đính ; thật thế đấy, vì tôi thấy các chị kia cho ai hôn thời có ý dấu-diếm.

CHÀNG MỤC - ĐỒNG

Có ai trông thấy chúng ta đâu.

TÂN-HOA

Phải ; nhưng đã dấu-diếm, thời là có lỗi, có lỗi mà không được sướng như người ta, tôi không muốn thế.

CHÀNG MỤC-ĐỒNG

Thôi, thế chị ở lại, tôi xin kiếu ; xin chị thỉnh-thoảng nhớ đến tôi.

TÂN-HOA

Vâng, vâng.

Kịch thứ V

TÂN-HOA ; CHÀNG NGỐC

TÂN-HOA

Anh mục-đồng này chỉ những truyện tình, tỏ ghét quá ! Mỗi lần nghe hắn nói, phát tức lên được. (*Trông thấy chàng Ngốc đi lại*). Nhưng ai đi lại thế kia ? Chà, chà ! đẹp trai quá !

CHÀNG NGỐC, *chạy lại gần, đương thả diều; chạy đến tận gần chân Tân-hoa; đương chơi thời cái diều dơi xuống, chàng cúi để nhặt, trông thấy Tân-hoa. Vừa cúi đầu vừa nhìn lên, ngẩn người ra, dần-dần mới đứng thẳng giậy, nhìn vào nàng trông-trọc : nàng xấu hổ muốn chạy ; đương bối-rối, chàng nắm lấy, bảo :*

Đi đâu mà vội thế ?

TÂN-HOA

Tôi chạy vì tôi không biết chàng là ai.

CHÀNG NGỐC

Không biết thì mặc không biết; bây giờ ta làm quen nhau có được không?

TÂN-HOA, *còn thẹn*

Cũng được.

CHÀNG NGỐC, *vừa nói vừa cười*

Chị đẹp quá !

TÂN-HOA

Chàng dạy quá !

CHÀNG NGỐC

Không phải, tôi nói thật đấy.

TÂN-HOA, *cũng tủm-tỉm cười*

Thế anh cũng đẹp trai lắm.

CHÀNG-NGỐC

Thế thì càng hay ! Chị ở đâu ? Rồi tôi lại chơi nhà chị.

TÂN-HOA

Ở gần đây, nhưng đừng lại; cứ gặp nhau ở đây hơn, vì có một chàng mục-đồng nó yêu tôi, nó biết thời nó ghen, nó đình chúng ta.

CHÀNG NGỐC

Có chàng mục-đồng yêu chị à ?

TÂN-HOA

Phải.

CHÀNG NGỐC

Thằng láo chửa ! Tôi không bằng lòng thế. Thế chị có yêu nó không ?

TÂN-HOA

Không, tôi không làm thế nào dứt được nó.

CHÀNG NGỐC

Thế được ; chỉ nên yêu hai chúng ta thôi ; chị thử yêu đi xem có được không nào.

TÂN-HOA

Khó gì mà phải thử.

CHÀNG NGỐC

Thật à?

TÂN-HOA

Thật chứ; tôi không nói dối bao giờ. Nhưng anh ở đâu ?

CHÀNG NGỐC

Ở cái nhà to kia.

TÂN-HOA

Thế ra ở nhà Bà Tiên à ?

CHÀNG NGỐC

Ừ.

TÂN-HOA, *buồn rầu*

Tôi chỉ gặp cái không may.

CHÀNG NGỐC, *cũng buồn rầu*

Mình làm sao thế mình ?

TÂN-HOA

Bà tiên ấy còn đẹp hơn tôi nhiều, tôi sợ chúng ta yêu nhau không được lâu.

CHÀNG NGỐC, *có ý nóng nẩy*

Tôi thà chết cũng không phụ mình. (*Nói cách âu-yếm*). Mình đừng phiền lòng thế mình ôi !

TÂN-HOA

Thế anh yêu mãi tôi à ?

CHÀNG NGỐC

Yêu đến chết mới thôi.

TÂN-HOA

Anh nói dối tôi thời phiền lòng tôi quá, tôi thật-thà lắm, anh ạ. Kia cừu tôi nó chạy lạc cả, mấ' con nào thời phải mắng chết, tôi phải chạy ra mới được. Bao giờ anh lại đây?

CHÀNG NGỐC, *có ý phiền lòng*

Rõ tức mình với những con cừu này quá !

TÂN-HOA

Tôi cũng thế, nhưng làm sao được? Chiều anh có đến đây không ?

CHÀNG NGỐC

Thế nào tôi cũng đến (*Chàng cầm lấy tay nàng*). Ô ! ngón tay xinh chửa ! (*Chàng hôn tay nàng*). Không có kẹo nào ngon bằng tay này.

TÂN-HOA, *vừa cười vừa nói*

Thôi, anh ở lại nhé ! (*Nói riêng một mình*). Thế là mình cũng có tình rồi, nào phải học phép gì mới biết.

(*Nàng đi giả lờ đánh rơi cái khăn mặt xuống đất*)

CHÀNG NGỐC, *nhặt lấy cái khăn.*

Này chị !

TÂN - HOA

Anh bảo gì ? À, khăn mặt của tôi, cho tôi xin.

CHÀNG NGỐC, *chia ra rồi lại rút lại ngần-ngừ*

Không, chị để cho tôi, để tôi làm bạn. Chị làm gì bằng cái khăn này ?

TÂN - HOA

Đôi khi rửa mặt, tôi để lau mặt.

CHÀNG NGỐC

Chị lau vào chỗ nào, để tôi hôn vào đấy ?

TÂN - HOA

Khắp cả ; nhưng tôi phải ra mau, tôi không trông thấy cừu tôi đâu rồi. Anh ở lại nhé ! Chốc nữa nhé !

(*Chàng Ngốc vái chào rồi đi về*)

Kịch thứ VI

BÀ TIÊN ; ĐỊCH-HOA-LINH

BÀ TIÊN

Thế nào ? Chàng thiếu-niên ta có ăn no không ?

ĐỊCH-HOA - LINH

Thưa có, ăn bằng bốn người ; đến cái ăn thời chàng thiệt giỏi.

BÀ TIÊN

Bây giờ chàng ở đâu ?

ĐỊCH - HOA - LINH

Nghe như chơi diều ở ngoài đồng ; nhưng tôi có tin này nói để bà biết.

BÀ TIÊN

Tin gì ? Thế nào ?

ĐỊCH-HOA-LINH

Mã-lĩnh tiên-ông có lại thăm bà.

BÀ TIÊN

May quá ta không ở nhà ; vì không có tình mà phải làm ra mặt có tình thời phiền quá.

ĐỊCH-HOA-LINH

Con xin thưa thật bà, bà vị một chàng con nít đó mà bà phụ lòng ông, thật đáng tiếc quá. Ông vui-vẻ lắm ;

ông vẫn ngỡ sắp cưới được bà nay mai. Mới rồi ông trông bức bình bà, ông nói với tôi rằng : « Mày xem, còn ai đẹp hơn nữa? Ta sắp đến ngày được sướng rồi, Địch-hoa-linh ạ. » Nhưng tôi bụng bảo dạ rằng sướng thế thời cũng xuông lắm ; mong được thật mà thành ra xôi hỏng bỏng không, cũng buồn thật. Ông nói rồi ông sẽ lại ; bà định làm thế nào cho ổn truyện bây giờ.

BÀ TIÊN

Ta chưa định thế nào cả, hẳng dùng kế nói dối vậy.

ĐỊCH-HOA-LINH

Thế bà không hối-hận chi sao ?

BÀ TIÊN

Hối-hận ! ta còn nhiều sự nghĩ, rồi đâu mà bận lòng về việc nhỏ mọn đó.

ĐỊCH-HOA-LINH, *nói riêng một mình*

Thế mới biết bụng đàn-bà !

BÀ TIÊN

Không trông thấy Công-tử ta buồn quá ; ta chạy ra tìm xem. À, Công-tử đã về kia. Mày trông thế nào, Địch-hoa-linh ? Ta coi bộ chàng bảnh-bao hơn lúc nẫy.

Kịch thứ VII

(Chàng Ngốc chạy về, tay cầm cái khăn mặt của Tân-hoa vừa đi vừa nhìn, lại khẽ xoa lên mặt)

BÀ TIÊN ; ĐỊCH-HOA-LINH ; CHÀNG NGỐC.

BÀ TIÊN, *vẫn nói với Địch-hoa-linh*

Ta muốn xem chàng dứng một mình thời chàng làm những gì. Mi đứng ra bên cạnh ta đây, để ta xoay cái vòng nhẫn [1] cho chàng không trông thấy.

(Chàng Ngốc bước vào sân khấu, vừa chạy vừa cầm cái khăn mặt của Tân-hoa để vào ngực, quấn vào mình, vắt quanh người, vui vẻ lắm).

BÀ TIÊN, *bảo Địch-hoa-linh.*

Chàng làm trò thế là nghĩa làm sao? Kỳ quá. Chàng lấy cái khăn mặt ấy ở đâu ? Hay là cái khăn mặt nào của ta chàng bắt được ? Nếu thế thời cách-bộ này cũng là điềm hay.

ĐỊCH-HOA-LINH

Con đánh cược với bà cái khăn này có mùi sạ.

BÀ TIÊN

Không, để ta hỏi hẳn ; nhưng đứng dịch ra một tí để giả lờ là mình ở ngoài vào.

(Bà dịch ra ngoài mấy bước).

CHÀNG NGỐC, *vừa đi bách bộ vừa hát*

Tì tí ti, tì tí ti.

BÀ TIÊN

Chào công-tử.

CHÀNG-NGỐC, *đứng thẳng chân ra, để cái khăn mặt lên cánh tay*

Bẩm thưa bà.

BÀ-TIÊN, *nói riêng với Địch-hoa-linh*

Chà chà ! lễ-phép quá ! Từ ngày đến đây chàng không nói với ta như thế bao giờ.

CHÀNG NGỐC, *nói với Bà Tiên.*

Thưa bà, xin bà có bụng tốt bảo con khi có tình với một người thời phải làm thế nào.

BÀ TIÊN, *thích-chí, nói riêng với Địch-hoa-linh*

Địch-hoa-linh, mày có nghe đấy

---

(1) Vòng nhẫn đây là một thứ phù-pháp của tiên ; các tiên đều có cái nhẫn như thế, muốn hiện mình muốn ẩn hình cứ xoay đi xoay lại là được.

không ? (*Nói với chàng Ngốc.*) Em ạ, hễ có tình với ai thời muốn trông thấy người ấy luôn, không thể dời được, hễ không gặp mặt thời buồn rầu. Rồi trong lòng như tưởng-nhớ, như nóng-nẩy, như ham-muốn.

CHÀNG NGỐC, *sướng nhảy lên, rồi nói riêng một mình.*

Chính phải rồi.

BÀ TIÊN

Thế em có thấy trong lòng như thế không ?

CHÀNG NGỐC, *ra giáng vô-tình*

Không, tôi hỏi cho biết đó thôi.

ĐỊCH-HOA-LINH

Anh chàng này nói bông rồi.

BÀ TIÊN

Phải, nó nói bông ; nhưng nó trả lời thế ta không bằng lòng — Này, công-tử nói thế có phải nói ta đó không ?

CHÀNG NGỐC

Thôi, tôi không phải là thằng khờ rồi ; không phải tôi định nói thế đâu.

BÀ TIÊN, *nổi giận lên, nói sẵng.*

Thế là nghĩa làm sao ? Chàng lấy cái khăn mặt này ở đâu ?

CHÀNG NGỐC, *nhìn bà có ý sợ-hãi*

Tôi nhặt ở dưới đất.

BÀ TIÊN

Của ai ?

CHÀNG NGỐC

Của..... (*Rồi dừng lại*). Tôi biết đâu.

BÀ TIÊN

Chắc có truyện bí-hiểm gì đây. Đưa khăn mặt đây. (*Bà đằng lấy cái khăn, nhìn có ý buồn-rầu, rồi nói một mình*) Khăn không phải của mình mà nó hôn nó hít ! Nhưng không hề chi, mình không nên ra ý nghi, không nên làm cho hắn sợ, vì hắn không chịu nói thật nữa.

CHÀNG NGỐC, *cầm nghiêng mũ, ra ý van-vỉ*

Van bà trả tôi cái khăn mặt.

BÀ TIÊN, *khẽ thở dài.*

Thôi, trả em ; ta không muốn lấy vì là của yêu của em.

(*Ngốc cầm lấy, hôn tay bà, vái chào rồi đi ra*)

BÀ TIÊN

Đi đấy à ? Đi đâu ?

CHÀNG NGỐC

Tôi ra ngủ dưới gốc cây.

BÀ TIÊN, *ra dáng êm-ái.*

Được em cứ đi.

Kịch thứ VIII

BÀ TIÊN ; ĐỊCH-HOA-LINH.

BÀ TIÊN

Thôi, Địch ạ, hỏng mất rồi.

ĐỊCH-HOA-LINH

Thưa bà, con xin thú thật, con không hiểu truyện này ra làm sao, Không biết thằng yêu con này nó có cái gì thế ?

BÀ TIÊN, *nức-nở than.*

Nó dã khôn đấy, mày ạ, nó khôn đấy, mà ta không được sướng, ta lại khổ thêm hơn. Trời ơi ! rõ điếng chửa ! Thằng bé bội-bạc thật, ma mới rồi coi nó ngộ-nghĩnh quá ! mày nhận có phải nó đổi hẳn không ? Mày có nhìn cái giáng-bộ nó lúc nó nói với ta không ? có phải nét mặt nó đã có ý-tứ lắm không ? Thế mà không phải vì ta mà nó được như thế ! Nó lại khéo biết ý lắm, nó biết dấu không nói cái khăn mặt của ai, sợ ta biết thời ta ghen chăng. Chắc nó có tình với ai mới khôn được như thế. Khổ tôi chưa ! Bấy lâu tôi khao-khát được nghe câu « Tôi yêu mình lắm » ở miệng nó, mà nay câu ấy nó đi nói với đứa khác, mà tôi biết

rằng nó đáng có kẻ yêu, có cực cho tôi không! — Đi với ta, Địch ơi. Ta phải tìm cho được mặt mũi đứa nào tranh quyền cướp của của ta. Ta đi theo khắp mọi nơi xem chúng nó gặp nhau chỗ nào. Mày cũng đi tìm một ngả; đi mau lên. Tôi chết mất thôi!

Kịch thứ IX

Đồi cảnh — Cảnh đồng cỏ, đằng xa có lũ chiên đương ăn cỏ.

TÂN-HOA ; MỘT NÀNG NỮ-MỤC-ĐỒNG LÀ CHỊ HỌ TÂN-HOA

TÂN-HOA

Chị hãy đứng lại đây một lát; để tôi kể truyện cho chị nghe, nên thế nào chị bảo tôi với. Này, tôi đương đứng đây lúc chàng ta lại; chàng vừa đến gần thì tôi đã thấy động-tình rồi; lạ thật! Chàng lại bên tôi, chàng nói với tôi. Chị có biết chàng nói gì không? Chàng nói rằng chàng cũng yêu tôi. Tôi sướng quá, tưởng trong xóm có bao nhiêu cô người ta cho tôi hết tôi cũng không sướng bằng. Thật thế! Bây giờ thấy các chị nữ-mục-đồng có nhân-tình hớn-hở như thế, tôi không lấy làm lạ nữa. Chàng ngộ-nghĩnh quá; tôi muốn giá từ thủa bé cứ được một người mà thương yêu như thế cũng sướng thật. Nhưng chàng sắp lại đây bây giờ; chàng có hôn tay tôi, mà tôi xem ra chàng muốn hôn mãi. Chị có nhiều nhân-ngãi thế, chị khuyên tôi với; có nên để cho chàng hôn nữa không?

NGƯỜI CHỊ HỌ

Em phải giữ mới được; phải làm ra mặt nghiêm, cho họ ham mình.

TÂN-HOA

Làm cho họ ham, dễ thế thôi à?

NGƯỜI CHỊ HỌ

Không những thế mà thôi; cũng không nên nói cho hắn biết rằng mình yêu hắn.

TÂN-HOA

Nhưng làm thế nào được, chị? Em bé lắm, em chưa biết giữ-gìn.

NGƯỜI CHỊ HỌ

Em làm thế nào được thì làm, tùy-ý; chị có người đợi, chị không đứng lâu được nữa. Em ở lại nhé!

Kịch thứ X

TÂN-HOA, *một mình.*

Rõ khó nghĩ quá! Yêu mà lại làm ra mặt nghiêm thời thà không yêu nữa xong. Nhưng mà chị ấy bảo rằng có thế người ta mới ham. Kỳ quá! Làm cho người ta ham mình mà lại phải dùng cách ấy cũng rầy thật; người nào bịa ra cách ấy chắc không có ái-tình nhiều bằng tôi.

Kịch thứ XI

TÂN-HOA ; CHÀNG NGỐC

TÂN-HOA

Tình-nhân tôi đã lại kia; cũng khó mà cầm lòng cho được.

(Chàng Ngốc trông thấy nàng, chạy lại nhẩy-nhót vui-vẻ: lấy mũ mà vờn, trên mũ có buộc cái khăn mặt; chạy chung quanh nàng Tân-Hoa, khi thời hôn cái khăn, khi thời vỗ-về nàng).

CHÀNG NGỐC

Ái-nương đã đứng đấy ư?

TÂN-HOA, *cười.*

Phải, tôi đây, ái-khanh ạ.

CHÀNG NGỐC

Ái-nương trông thấy tôi có vui lòng không?

TÂN-HOA

Cũng hơi vui.

CHÀNG NGỐC

Hơi vui! Thế chưa đủ.

TÂN-HOA

Có, đủ lắm chớ! Không cần phải hơn nữa.

(Chàng Ngốc nắm lấy tay nàng, nàng có ý lảng-tảng).

CHÀNG NGỐC

Tôi không bằng lòng ái-nương nói như thế.

(Chàng muốn hôn tay nàng)

TÂN-HOA, *lôi tay lại.*

Tôi xin đừng hôn tay tôi đi.

CHÀNG NGỐC

Rõ thật nhé! Thôi, chị lừa tôi rồi.

(Chàng khóc)

TÂN-HOA, *tay nàng cầm lên, ra giáng âu yếm.*

Thôi, xin ái-khanh đừng khóc nữa.

CHÀNG NGỐC, *cứ khóc*

Trước chị bảo chị yêu tôi.

TÂN-HOA

Thì tôi vẫn yêu, chớ sao?

CHÀNG NGỐC

Không phải: yêu nhau không có giữ tay không cho nhau hôn. *(Chàng chìa tay chàng cho nàng).* Đây này, tay tôi đây; chị xem tôi có giữ như chị đâu.

TÂN-HOA, *nhớ đến lời dặn của chị và nói riêng một mình.*

Thôi! chị tôi nói gì thì nói, chớ tôi không thể cầm lòng được nữa. *(Rồi nói to lên).* Thôi thôi, anh đừng phiền lòng nữa, tay tôi đây, anh muốn hôn thì hôn, xin anh cứ hôn. Nhưng mà tôi dặn nhé: đừng có hỏi tôi yêu anh bao nhiêu, vì tôi nói bao nhiêu cũng chỉ bằng một nửa mà thôi. Thế mà trong lòng thời tôi vẫn yêu anh hết sức, nhưng mà người ta bảo rằng đừng nên nói cho anh biết, sợ anh biết thời anh chóng chán.

CHÀNG NGỐC, *ra giáng buồn rầu*

Người nào bảo chị thế là những người nói dối cả; họ chỉ nói bẻm, họ có hiểu gì đến việc chúng ta. Khi tôi hôn tay chị, khi chị nói rằng chị yêu tôi, thời tôi thấy quả tim tôi nó đập, thế là hiệu sự hay cả, có gì mà ngại.

TÂN-HOA

Cũng có lẽ phải, vì tôi thấy lòng tôi cũng mến anh lắm. Nhưng mà không hề chi; người ta đã nói rằng như thế không nên, thời ta nên giao-ước với nhau trước, phòng khi không nên thật chăng. Vậy bây giờ hễ mỗi lần anh hỏi tôi rằng tôi có yêu anh lắm không, thời tôi trả lời rằng tôi không yêu anh, nhưng kỳ-thực tôi vẫn yêu; lại mỗi lần anh muốn hôn tay tôi, thời tôi không cho, mà kỳ-thực tôi vẫn muốn cho.

CHÀNG NGỐC *cười*

Ừ, ừ! thế cũng buồn cười thật! tôi thuận lắm; nhưng trước khi giao-ước hãng để tôi hôn tay cho thỏa sức đã; cái đó chưa kể vội.

TÂN-HOA

Phải đấy, hôn đi.

CHÀNG NGỐC, *hôn đi hôn lại tay nàng, lấy làm thích chí lắm, rồi tần-ngần nghĩ, nói.*

Này chị, nhưng mà sợ giao-ước thế có lẽ thiệt cả hai đứa.

TÂN-HOA

Chuyện! Bao giờ không muốn nữa thời mình thôi, chớ ai cấm.

CHÀNG NGỐC

Chị nói phải đấy. Thế đã nhất-định chưa.

TÂN-HOA

Nhất-định.

CHÀNG NGỐC

Có lẽ buồn cười thật: nào thử xem nào. *(Đây là chàng Ngốc định nói khói-hài,*

hỏi để buồn cười mà thôi). Chị có yêu tôi lắm không?

TÂN-HOA

Không yêu lắm.

CHÀNG NGỐC, *nói thật.*

Đấy là nói bỡn đấy nhé; không thời....

TÂN-HOA, *cười.*

Hẳn, chớ!

CHÀNG NGỐC, *lại nói đùa, vừa nói vừa cười*

Nào! nào! cho tôi mượn cái tay tí, có mình.

TÂN-HOA

Không được.

CHÀNG NGỐC, *tủm-tỉm cười*

Nhưng tôi biết rằng chị muốn cho đó.

TÂN - HOA

Vẫn thế, nhưng tôi không muốn nói ra.

CHÀNG NGỐC, *vẫn còn tủm-tỉm, rồi đổi nét mặt ra dáng buồn rầu.*

Cho tôi hôn, không có thời tôi không bằng lòng đấy.

TÂN-HOA

Anh nói đùa hay nói thật?

CHÀNG NGỐC, *vẫn buồn rầu*

Không phải nói đùa.

TÂN - HOA

Thế thật đấy à?

CHÀNG NGỐC

Thật chớ.

TÂN-HOA, *chìa tay ra.*

Thế thì tay đây.

Kịch thứ XII

BÀ TIÊN; CHÀNG NGỐC; TÂN-HOA

BÀ TIÊN, *vừa xoay cái vòng nhẫn, vừa nói một mình.*

Trời ơi! thôi tôi biết rồi.

CHÀNG NGỐC, *vừa hôn tay Tân-hoa xong*

Mới rồi là tôi nói đùa đấy mà.

TÂN - HOA

Anh đánh lừa tôi, tôi biết rồi, nhưng tôi cũng được lợi.

CHÀNG NGỐC, *vẫn cầm tay nàng.*

Mình nói thế là tôi bằng lòng lắm đấy.

BÀ TIÊN, *nói một mình.*

Trời đất ôi! Chúng nó nựng nhau như thế đấy! Ta phải hiện hình ra mới được.

TÂN-HOA, *trông thấy bà khiếp-sợ, kêu.*

Trời!

CHÀNG NGỐC

Chết!

BÀ TIÊN, *nói với Ngốc, có ý giận.*

Mày đã láu lắm rồi đấy.

CHÀNG NGỐC, *lúng-túng*

Nhưng mà... tôi biết đâu bà đứng đấy.

BÀ-TIÊN, *nhìn vào mặt chàng*

Bạc - ác nhé! *(Rồi cầm cái gậy tiên làm phép chỉ vào chàng).* Đi với ta.

(Nói xong rồi, cũng lấy gậy chỉ vào Tân-hoa không bảo gì cả).

TÂN - HOA, *bị phép tiên.*

Con van bà!

(Bà Tiên với chàng Ngốc cùng đi, chàng lẳng-lặng đi trước)

Kịch thứ XIII

TÂN-HOA; LÊ YÊU-TINH

TÂN-HOA, *đứng một mình, run cầm-cập mà không động-đậy được.*

Trời ôi! mụ ác quá! Tôi còn sợ run cầm - cập. Chết! có lẽ mụ giết chàng mất, mụ biết chàng có tình với tôi, mụ không tha cho đâu. Nhưng mà tôi

đã có cách làm ; để tôi ra gọi cả các mục-đồng trong xóm đến vây nhà mụ : đi nào ! (*Nàng muốn đi, mà không thể bước được một bước, như có cái sức gì nó giữ lại*). Cái gì thế này ? Mình không động-đậy được. (*Nàng hết sức cựa không được*). Thôi ! mụ này là con yêu-tinh nó làm phép cho chân mình không đi được rồi. (*Nói vừa dứt lời thời có hai ba con yêu-tinh chạy lại lôi nàng đi.*) Trời ôi ! tôi lạy các ông, tôi van các ông, các ông tha cho tôi ! Ai ôi ! cứu tôi với ! cứu tôi với !

MỘT CON YÊU-TINH

Đi theo chúng ta đây !

TÂN - HOA

Không, tôi không đi, tôi về nhà tôi kia.

MỘT CON YÊU-TINH KHÁC

Có đi không ? (*Rồi ẵm sốc nàng lên*)

Kịch thứ XIV

Đổi cảnh — Cảnh vườn nhà bà Tiên.

BÀ TIÊN; CHÀNG NGỐC

BÀ TIÊN, *nói với Ngốc, Ngốc vẫn đi trước cúi đầu.*

Mày là thằng gian-trá nhé ! Tao hết sức chăm-nom yêu-dấu mày, mà mày không có bụng gì, chẳng có tình gì với tao cả. Mày đổi tâm-tình chỉ vị một con nữ-mục-đồng hèn-mạt. Thằng bội-bạc kia ! tao thử hỏi mày nó mĩ-miều gì mà mày mê nó thế ? Mày nói đi.

CHÀNG NGỐC, *lại giả lờ ngu-ngốc như trước.*

Bà hỏi tôi cái gì ?

BÀ TIÊN

Thôi đi, mày đừng giả vờ làm thằng Ngốc nữa, mày chẳng ngốc-nghếch gì đâu. Nếu mày không nói thực thời tao giết con nhân-ngãi mày đó.

CHÀNG NGỐC, *sợ nói mau lên.*

Không, không ; bà bắt tôi khôn tôi xin khôn.

BÀ TIÊN

Mày run sợ cho nhân-ngãi mày lắm đấy.

CHÀNG NGỐC

Bởi vì tôi không muốn trông thấy ai chết cả.

BÀ TIÊN

Hễ mày không yêu tao thời tao chết cho mày xem đây.

CHÀNG NGỐC

Xin bà đừng tức giận chúng tôi thế.

BÀ TIÊN *có ý dịu lời, ra tình âu-yếm*

Em hẳng nhìn chị đây, và nên hối-hận đã làm cho chị phiền lòng. Nay em đã khôn rồi, chị cũng sẵn lòng quên không xét đến cái khôn ấy bởi đâu mà ra, nhưng đã khôn thời phải hiểu biết có tình với chị được lợi là dường nào.

CHÀNG NGỐC

Xét kỹ thật tôi có lỗi quá ; bà vừa xinh-đẹp, vừa có bụng tốt hơn ả kia trăm nghìn phần. Tôi lấy làm tức mình quá.

BÀ TIÊN

Tức mình làm sao ?

CHÀNG NGỐC

Tức mình là để cho cái con ăn mày ấy nó xấu hơn bà nhiều, nó chiếm mất cả ái-tình của tôi.

BÀ TIÊN, *thở dài một mình*

Này, chị hỏi em : ngộ con bé ấy nó định lừa em, nó đú-đởm chơi, chớ kỳ-thực nó chẳng yêu gì em đâu, thời em có yêu nó nữa không ?

CHÀNG NGỐC

Ồ ! tôi biết chớ ; nó yêu tôi lắm mà.

BÀ TIÊN

Nó đánh lừa em đấy ; chị biết nó có một người nhân-ngãi làm mục-đồng trong làng sắp cưới nó làm vợ đấy. Em có muốn chị cho gọi nó đến đây, nó phải thú thật cho mà xem.

CHÀNG NGỐC, *để tay trước ngực.*

Ấy à ! ấy à ! nghe nói mà phát bệnh lên được. (*Nói mau lên.*) Tôi phải biết rõ truyện này mới được, vì nếu nó đánh lừa tôi thật thời lập-tức tôi yêu-mến bà, tôi thuận làm chồng bà ngay trước mắt nó cho nó biết.

BÀ TIÊN

Được, để chị cho gọi nó lại đây.

CHÀNG NGỐC, *còn ra dáng cảm-động.*

Phải ; nhưng mà bà khôn lắm kia. Nếu lúc hắn đến bà cứ đứng đây, bà nạt-dọa thời hắn sợ, khi nào hắn dám nói thật.

BÀ TIÊN

Chị sẽ đi ra chỗ khác.

CHÀNG NGỐC

Thôi đi ! Bà có phép tiên phép quỉ, bà lại làm như ban nãy thời hắn biết đâu. Bà đứng trước mặt người ta mà không ai trông thấy. Không, tôi không muốn bà làm gian như thế ; bà phải thề rằng bà không có ẩn hình mới được.

BÀ TIÊN

Xin thề, hễ sai thời không phải là tiên nữa.

CHÀNG NGỐC

Tôi không biết câu thề ấy có phải không ; nhưng tôi còn nhớ trong truyện cổ-tích người ta hay thề hễ sai thời chết xuống . . . Âm . . . Âm . . . gì? Âm-thủ (!) . . . à ! Âm-phủ.

BÀ TIÊN

Cũng thế.

CHÀNG NGỐC

Không được, phải thề lại. Biết rồi ! tôi xem ý bà sợ câu ấy, thế thời phải thề câu ấy mới được.

BÀ TIÊN, *nghĩ một lúc*

Được, ừ thì thề, hễ sai thời chết xuống Âm-phủ; thế bây giờ cho đi gọi con bé lại nhé.

CHÀNG NGỐC

Để tôi đợi đây, vừa đi vừa than-thở cho đỡ phiền vậy.

Kịch thứ XV

BÀ TIÊN, *một mình*

Mình đã thề mất rồi mới rầy chớ ; nhưng mà cũng có cách làm cho con bé sợ, không cần phải đứng đấy. Ta đưa cái nhẫn cho Địch-hoa-linh để hắn ẩn hình mà đứng nghe hai đứa nói chuyện, rồi thuật lại cho ta. Phải đấy. Địch ôi ! Ới Địch !

Kich thứ XVI

BÀ TIÊN ; ĐỊCH-HOA-LINH

ĐỊCH-HOA-LINH

Thưa bà gọi con ?

BÀ TIÊN

Mi ra gọi con nữ-mục-đồng ấy vào đây, ta bảo nó cái này ; còn mi thời cầm lấy cái nhẫn này. Hễ khi ta nói với con bé ấy xong thời mi bảo cho chàng vào nói chuyện với nó, rồi mi xoay cái nhẫn để ẩn-hình đứng mà nghe hai đứa nói chuyện thế nào, xong thuật lại cho ta. Hiểu chưa? Phải nghe cho rõ, thuật cho đúng.

ĐỊCH-HOA-LINH

Thưa bà vâng.

Kịch thứ XVII

BÀ TIÊN ; TÂN-HOA

BÀ TIÊN, *đứng một mình một lúc.*

Nghĩ nông-nỗi mình mới buồn chớ! Càng đa-mang lắm, càng oan-trái nhiều. Nhưng cũng còn mong-mỏi được đôi chút. Cô ả đã đến kia. (*Nói với Tân-hoa*). Lại gần đây, lại gần đây.

TÂN-HOA

Thưa bà, bà bắt giam tôi mãi ở đây sao? Anh chàng ấy có bụng thương-yêu tôi, há phải lỗi tại tôi sao? Chàng bảo rằng tôi đẹp, tôi cũng biết vậy, chớ tôi có thể làm cho tôi xấu đi được ư?

BÀ TIÊN, *cảm tức lắm, nói riêng một mình.*

Vì ta không sợ bại-sự thời ta sẽ tan xác con này ra (*Nói to lên*). Này tôi bảo chị bé: tôi dặn cái này phải nghe, không thời khổ đến thân đừng kêu.

TÂN-HOA

Vâng, thì bà cứ nói.

BÀ TIÊN

Chàng sắp ra đây; tôi truyền cho chị phải nói với chàng rằng chị đùa-bỡn đó mà thôi, chớ kỳ-thực chị không có ái-tình gì với chàng, và chị sắp-sửa lấy một chàng mục-đồng trong làng. Tôi không có lộ-hình ra lúc nói chuyện, nhưng tôi sẽ đứng đấy, chị không trông thấy; nếu chị không theo đúng như lời tôi dặn đó, nếu chị để lộ cho chàng biết rằng vì tôi ép chị mới phải nói thế, thời liệu hồn, phép trị tội đã sẵn đây.

TÂN-HOA

Bà bảo tôi nói với chàng như thế à? nói rằng tôi nhạo-báng chàng à? Nói thế đã đang chưa? Chàng nghe nói chắc chàng khóc oà lên, mà tôi cũng khóc nốt. Chắc thế không khỏi được.

BÀ TIÊN, *nổi giận lên.*

Mày dám cưỡng với tao à! Yêu-tinh đâu, ra đây; cùm con này lại, làm tội nó đi.

Lũ yêu-tinh vào

TÂN-HOA, *khóc.*

Bà không có lương-tâm sao, bà bắt tôi làm sự bạc-tình như thế?

BÀ TIÊN, *bảo lũ yêu-tinh.*

Bắt thằng bội-bạc ấy lại đây, giết ngay trước mắt cho nó xem.

TÂN-HOA

Giết chàng, Trời ơi! Bà tiên ơi, bà cứ cho gọi chàng lại đây, rồi tôi nói rằng tôi ghét chàng, tôi xin hứa rằng tôi không dám khóc-lóc gì cả; tôi thương chàng quá, không dám khóc để hại chàng.

BÀ TIÊN

Hễ mày nhỏ một nhọt nước mắt, hễ mày không làm ra bộ tự-nhiên, thời nó chết, mà mày cũng chết. (*Bảo yêu-tinh*). Tháo cùm cho nó. (*Bảo Tân-hoa*). Hễ nói truyện với nó xong rồi, ta bằng lòng thời ta cho người đưa về tận nhà; nó sắp lại đây; đứng đây mà đợi.

Kịch thứ XVIII

TÂN-HOA; CHÀNG NGỐC; ĐỊCH-HOA-LINH.

TÂN-HOA, *đứng một lúc một mình.*

Ta phải khóc mau lên để cho chàng đừng tưởng rằng ta yêu chàng. Khốn-nạn cho chàng! Ta làm thế này, có phải là giết chàng không! Tiên đâu mà tiên độc-ác thế! Phải chùi mắt mau, chàng đã đến kia.

Chàng Ngốc đi vào, cúi đầu, mặt buồn rầu; đến tận cạnh Tân-hoa không nói tiếng gì. Lại gần nàng, nhìn một lúc, vẫn không nói. Cũng lúc bấy giờ thời Địch-hoa-linh ẩn-hình vào

CHÀNG NGỐC

Chị ơi ?

TÂN-HOA, *ra bộ ung-dung.*

Cái gì ?

CHÀNG NGỐC

Chị nhìn tôi xem.

TÂN-HOA, *ra bộ ngượng-ngập.*

Nhìn để làm gì ? Người ta gọi tôi lại đây để nói truyện với chàng ; tôi có việc vội, chàng hỏi gì tôi ?

CHÀNG NGỐC, *ra giọng êm-ái.*

Có phải chị đánh lừa tôi đó không?

TÂN-HOA

Phải, tôi đi lại với chàng từ trước đến nay, là truyện đùa cả mà thôi.

CHÀNG NGỐC, *lại gần nàng ra giáng âu-yếm*

Này, tôi bảo chỉ, chị nói thật ; con mụ tiên ấy nó không có đây, nó đã thề rồi. (*Ra bộ phỉnh-nịnh Tân-hoa*). Này, này, chị để tay vào quả tim tỉ-hồn này; tôi thử hỏi: chị có phải là con người nham-hiểm không ? Có phải chị định lấy thằng mục-đồng cục-súc ấy không?

TÂN-HOA

Phải mà ; phải cả.

CHÀNG NGỐC, *khóc hết sức.*

Hi ! hi ! hi !

TÂN-HOA, *nói riêng một mình.*

Tôi không sao cầm lòng được nữa. *Ngốc tìm trong túi, móc ra một con dao con, liếc vào bên tay áo).* Anh làm gì thế ? (*Ngốc không trả lời, dương thẳng tay, rồi mở hé bụng ra*). Trời ơi, anh này muốn tự-tử. Tôi xin anh, anh ơi ! người ta bắt tôi phải nói dối anh đấy. (*Rồi ngoảnh sang bên cạnh, hình như có bà Tiên ẩn-hình đấy*). Tôi lạy bà Tiên, bà tha tội cho tôi. Dù bà đứng đâu, bà cũng biết rõ tình-đầu rồi.

CHÀNG NGỐC

Thế thì sướng quá rồi ! Mình ôi, mình nâng tôi lên ; tôi sướng quá, hoảng cả người lên. (*Tân-hoa nâng chàng giậy Vụt Địch-hoa-linh hiện-hình trước mắt*).

TÂN-HOA, *kinh-ngạc*

Chết ! bà tiên.

ĐỊCH-HOA-LINH

Không, các con ạ, không phải bà tiên đâu, nhưng bà có cho ta mượn cái vòng nhẫn của bà, để ẩn-hình mà nghe các con nói chuyện. Ta nghĩ hai người thương yêu nhau như thế mà để cho bà làm hại thời uổng quá ; vả bà cũng là con người bất-chính, không đáng người ta trung-thành với, vì bà đã ăn-ở thất-tiết với một vị tiên-ông tài-giỏi nhất trên đời là ông thày ta. Các con cứ yên-tâm, để ta tìm cách cho được thoát - nạn. Chị này thời phải để cho anh ấy làm ra mặt không bằng lòng chị ; về phần chị thời lúc chỉ về phải vừa đi vừa ngấm-nguýt, ra giáng nhạo-báng. Bà tiên đương đợi ta, ta sẽ thuật lại cho bà nghe rằng bà truyền thế nào chị đã nói y như thế cả ; bà trông thấy giáng chị đi ra bà đủ biết. Còn anh thời hễ khi chị ấy đi ra rồi, anh cứ ở lại với bà Tiên ; bấy giờ anh tỉ-tê nói rằng chị ấy đã thất-tín với anh, anh đành bỏ đi, không nghĩ đến nữa, anh thề rằng anh từ nay một lòng yêu-mến bà, rồi anh phải khéo dùng cách bông-lơn mà

làm thế nào lấy được cái gậy của bà. Anh phải biết rằng gậy đã vào tay anh rồi thời bà tiên không có phép gì làm hại được hai người nữa ; anh lại lấy gậy ấy chỉ vào bà thời anh khiến gì cũng được. Hễ được như thế thời tùy ý ra ngoài, nghênh-ngang muốn chi cũng được.

TÂN-HOA

Tôi cầu Trời giáng-phúc cho ông.

CHÀNG NGỐC

Ông tử-tế quá. Bao giờ tôi được cái gậy tiên, tôi sẽ cho ông đầy một nón này vàng.

ĐỊCH-HOA-LINH

Phải sẵn-sàng nhé ; để tôi gọi bà tiên đến.

Kịch thứ XIX

CHÀNG NGỐC ; TÂN - HOA

CHÀNG NGỐC

Mình ôi, tôi sướng quá, phải cho tôi hôn mới được ; hôn cũng còn kịp thừa.

TÂN - HOA

Đứng im, anh ; đừng hôn-hít vội, để dành đến sau này còn nhiều. Họ đến kia ; anh cứ chửi tôi đẫy, để cố lấy lấy cái gậy tiên.

Kịch thứ XX

BÀ TIÊN ; ĐỊCH -HOA - LINH ; CHÀNG NGỐC ; TÂN - HOA

CHÀNG NGỐC, *như đương giận-dữ*

Đi, đi, đồ chó !

ĐỊCH-HOA-LINH, *bảo bà.*

Con tưởng lần này bà phải bằng lòng.

CHÀNG NGỐC, *cứ mắng Tân-hoa hoài.*

Mày có bước ngay không ? Rõ mặt dạn mày dầy chửa ! Mày làm cực tao, mày bước ngay !

TÂN-HOA, *vừa đi vừa cười.*

Ấy mới nực cười chứ ! Thôi, tôi chào anh ở lại, tôi từ-giã từ đây ; tôi đi lấy tình-nhân tôi đây ; anh nhớ từ rầy ai có nói gì đừng tin, anh nhỏ nhé ! (*Hỏi bà Tiên*) Thưa bà, cho con về ?

BÀ TIÊN, *bảo Địch-hoa-linh*

Đưa chị ấy về.

Kịch thứ XXI

BÀ-TIÊN ; CHÀNG NGỐC

BÀ TIÊN

Em xem có phải chị nói thật không.

CHÀNG NGỐC, *ra giáng thần-nhiên, không thiết gì đến truyện ấy nữa.*

Ấy tôi mới thiết lắm chớ ! Con ăn-mày ấy, xấu như cái ma, đâu bằng bà được. Thôi, từ nay tôi mới biết bà là người tốt. Rõ tôi dại-dột quá ; thôi, đến lúc đôi ta thành vợ chồng, bấy giờ sẽ bù lại.

BÀ TIÊN

Thế bây giờ em chịu yêu chị vậy à ?

CHÀNG NGỐC

Chẳng yêu chị, thời yêu ai ? Tôi rõ quáng mắt quá. Cứ nói thực, thoạt đầu tôi cũng có giận, nhưng bây giờ tất cả các ả mục-đồng tôi coi bằng cái đầu ghim. (*Hỏi cách hữu-tình*). Nhưng có lẽ bây giờ chị không thèm tôi nữa, vì tôi đã ngu-xuẩn quá.

BÀ TIÊN

Ái-khanh ơi, từ nay ta coi ái-khanh là phu-quân ta ; thật thế, ta tôn ái-khanh làm chồng ; ta xin tặng ái-

khanh tấm lòng này, và bao nhiêu của-cải quyền-phép xin biếu hết. Thế ái-khanh đã bằng lòng chưa ?

CHÀNG NGỐC, *nhìn ra cách não-nuột.*

Ái-nương ơi, tôi cũng thích ái-nương quá ! (*Cầm lấy tay bà*) Tôi thời tôi biếu ái-nương cả người tôi, lại cả cái này nữa (*Chàng chỉ vào cái mũ*) ; lại cả cái này nữa (*chàng để thanh gươm vào cạnh bà, và cầm lấy cái gậy tiên của bà.*) Còn cái gậy này thời để tôi đeo.

BÀ TIÊN, *trông thấy chàng cầm lấy gậy có ý lo.*

Ấy, em đưa cái gậy cho chị, em cầm rồi đánh gẫy mất.

CHÀNG NGỐC

Khoan ! khoan !

BÀ TIÊN

Đưa trả ngay đây, ta phải cần đến mà.

CHÀNG NGỐC, *sẽ chỉ đầu gậy vào bà*

Được ! mời bà ngồi đây, bà cứ ngồi yên đây cho tôi.

BÀ TIÊN, *ngã phịch xuống đống cỏ*

Thôi ! tôi chết rồi, nó phản tôi rồi.

CHÀNG NGỐC, *cười*

Tôi, thời tôi sướng lắm, bà ạ. À ! hà ! bà mắng tôi lúc nãy vì tôi không có trí khôn ; bây giờ tôi lại khôn hơn bà. (*Bấy giờ chàng vui-vẻ nhảy-nhót ; vừa cười, vừa nhảy, vừa huýt còi, chốc chốc lại chạy quanh mình bà tiên, chỉa cái gậy cho xem*). Bà ngồi cho yên, bà tiên ; bà có trông rõ cái này không ? (*Rồi chàng gọi cả mọi người đến xem*). Nào, thế bây giờ đi gọi ái-nương tôi đến đây. Bác Địch-hoa-linh, các đầy-tớ, các yêu-tinh hầu-hạ đâu ? Lại đây mau, lại đây ta bảo, ta truyền cho. . . (*Nghe tiếng chàng gọi hết thảy đều chạy lại.*)

Kịch thứ XXII

BÀ TIÊN ; CHÀNG NGỐC ; TÂN-HOA ; ĐỊCH-HOA-LINH ; BỌN MÚA HÁT ; LŨ YÊU-TINH.

CHÀNG NGỐC, *chạy ra đón Tân-hoa, chỉa cái gậy tiên cho nàng xem*

Này, mình này, cái ấy đây này ; thế là bây giờ tôi cũng thành tiên rồi ; mình cầm lấy ; mình cũng thành tiên nốt cho xong.

(*Chàng đưa cái gậy tiên cho nàng*).

TÂN-HOA, *cầm lấy gậy tiên, nhảy-nhót vui-vẻ*

Mình ôi, thế là không đứa nào ghen được chúng mình nữa nhỉ ?

(*Nàng vừa nói câu đó thời các yêu-tinh chạy lại sắp hàng đứng*)

MỘT CON YÊU, *nói*

Thưa bà, từ nay bà là chúa chúng tôi ; bà sai gì chúng tôi xin làm.

(*Nàng thấy yêu-tinh đến gần kinh-ngạc lùi lại*)

CHÀNG NGỐC, *làm mặt giận*

Này, ông bảo cho chúng bay hay. (*Bảo Tân-hoa*) Mình đưa cái gậy đây để tôi đét cho chúng nó một mẻ.

(*Chàng cầm lấy gậy tiên, rồi lấy gươm đánh lũ yêu-tinh ; sau đánh cả bọn múa hát, rồi đến đánh cả Địch-hoa-linh nữa*).

TÂN-HOA *can*

Thôi, mình ạ. (*Chàng dọa khắp mọi người, đến gần bà Tiên ngồi trên ghế, dọa cả bà nữa Tân-hoa cũng chạy lại gần bà, chào mà hỏi*) : Bẩm thưa bà, bà có mạnh-giỏi không ạ ? Sao bây giờ không thấy bà dữ-tợn nữa ? (*Bà Tiên ngoảnh mặt đi, thỉnh-thoảng nhìn lại hai người tức-tối vô-cùng*). Ái chà Bà tôi giận quá !

CHÀNG NGỐC, *bảo Bà Tiên*

Im, im ! tôi đã có phép. Này, bảo : từ rầy có nhìn người ta phải nhìn cho vui-vẻ một tí nhé !

TÂN-HOA

Thôi, mình ạ, để hắn đấy ; ta nên rộng lượng một chút ; thương người cũng là một sự hay.

CHÀNG NGỐC

Tôi cũng tha lỗi cho hắn ; nhưng tôi muốn cho họ đàn sáo, ca hát, múa-may cho vui ; rồi chúng mình đi tìm một xứ để làm vua chơi.

HẠ MÀN

P.-T.-C. *dịch.*

Lời bàn của người dịch. — *Oái-ăm thay, hai chữ ái-tình ! Người yêu không yêu, không rắp thành yêu, tự-nhiên mà lại, không cưỡng mà được. Ái-tình là cái chi chi ?*

VĂN - UYỂN

Bài ca đọc Nam-sử (*Hát nói*)

Cơ vận-chuyển âm dương hai khí, dù mà hanh mà thông mà thái mà bĩ cũng là thường ; cuộc đời đã ngán và thương, ngán cho kẻ mà thương cho kẻ. Kẻ bần bạc kẻ phong-lưu phú-qui, vòng trần-ai ai khỏi lụy chăng ai ? Nghĩ đi nghĩ lại buồn cười, mình cười mình vậy cười người dám đâu. Kể thủa xưa từ đầu có kẻ, vun cây Hồng vẹn-vẻ nở trăm hoa ; về sau Lê Lý sinh ra, dầm-dề xiết kể bao là sương-thiên. Nhị-hà lở hãy còn nguyên, một phen mưa gió một phen một mầu ; nòi-giống đó mai sau sinh nở, sinh nở ra quế-tử mấy ngành hương!

Vườn xuân mấy lúc hoang-lương,
Hoang-lương lắm lúc mở-mang lắm ngành.
Hễ khi khổ có khi vinh,
Hễ khi khuyết có khi doanh rứa mà.
Hoa tươi bởi rụng sinh ra,
Nước đầy bởi trước cạn mà đầy sau.
Cái cơ vận-chuyển cũng mầu,
Xin ai ai chớ có rầu-rĩ chi !

THỤ-TIÊN

(Hà-tĩnh NGUYỄN ĐỨC-DỊ *lục*)

I

Chơi chùa Tây-Phương hoài-cổ

Chùa Tây-Phương ở huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây, chùa ở trên đỉnh núi Câu-lậu, chúa Trịnh làm ra, phật-tượng trông cổ lắm, ngoài cửa chùa có hai cái bia đá làu ngày, chữ mờ không rõ niên-hiệu nào, tương-truyền ngày xưa ông Cát-Hồng tu tiên ở đấy.

Cát-tiên tu-luyện những bao giờ,
Nhớ cảnh Tây-Phương dạ ngẩn-ngơ.
Nhuộm vẻ tang-thương mầu tượng cũ,
Phủ rêu phong-vũ nước bia mờ.
Thương xuân khách lắng chuông kim-cổ,
Tỉnh mộng người nghe mõ sớm trưa.
Trót-vót trên non chùa với phật,
Càng trông càng nhớ Trịnh-vương xưa

II

Nhớ cảnh chùa Vĩnh-Nghiêm

Chùa Vĩnh-nghiêm ở làng Đức-la tỉnh Bắc-giang, chùa làm từ đời nhà Trần, đến Lê lại trùng-tu lại, ở sân có bia dựng, cạnh chùa có rãy tháp xây, trước cửa chùa có những cây thông cổ thụ, sau chùa có gác chuông cao và có miếu thờ vua nhà Trần, sáu trăm năm nay trông rất cổ lắm. Trên chùa có bốn cái cột lớn bằng lim từ nhà Trần làm còn lại, trong chùa cửa võng và tượng phật mới tô lại trông sáng-sủa và đẹp-đẽ lắm.

Bóng tháp lô-nhô lẫn bóng chùa,
Gió thông vang động tiếng chuông khua.
Sáng choang nhật nguyệt vàng ngai phật,
Cũ rích tang-thương miếu đức vua.
Bia đá Lê xây còn dấu đó,
Cột lim Trần dựng nhớ khi xưa.
Sáu trăm năm lễ khen chùa cổ,
Nào khách chơi xuân đã biết chưa ?

III

Chầy hội đền Kiếp-bạc

Kiếp-bạc vì ai có hội này,
Gần xa nô-nức cảnh vui thay.
Xôn-xao lễ bái người như kiến,
Nghi ngút vàng hương khói ngỡ mây.
Xát-Thát trên sông cờ phất ngọn,
Trừ-tà trước điện kiếm ra tay.
Chiêu-lăng gót ngựa thôi bùn lấm,
Công đức nghìn năm nhớ mãi đây !

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Đi học xa nhớ nhà

Bóng vừa xế tà-tà,
Phất-phới hạt sương sa.
Một mình ngồi trên gác,
Tựa cửa sổ trông ra.
Trông ai trông mãi thế ?
Trông về lối quê nhà,
Ao người dù trong mát,
Sao bằng tắm ao ta.
Thung huyên vừa tuổi hạc,
Ngày qua lại tháng qua.
Một lần xuân tới cửa,
Lại thêm một tuổi già.
Anh em cùng vui thú,
Lũ bầy lại lũ ba.
Bắc Nam phân đôi ngả,
Người xa bụng chẳng xa.
Tấm lòng này ai tỏ,
Mấy câu ngâm gọi là.
Thôi giờ học đã đến,
Làm thinh đi kéo mà... !

Tiễn-biệt ở bờ sông (Lam-giang)

(Rằm tháng giêng năm Mậu-ngọ

(Hát nói)

Tình-chung man-mác, bốn phương trông bát-ngát nước, non, trời ; chiếc thuyền con gió thổi trăng soi, phong-cảnh khéo trêu người khi tống-biệt ; hồn hương-khuê vướng-vít suốt năm canh, khi cùng nhau xum-hợp biết bao tình, thêm ngán nỗi phân-ly người một xứ. *Cô-nhạn nam phi hồng bắc khứ, bạch-vân tây tán thủy đông lưu.* Khéo khen thay con tạo cơ-cầu, xui kẻ ở người đi sao nỡ thế ? Thôi, trắc-trở người đời chi xiết kể, khách tang-bồng hợp thiều ly đa ; nước non âu cũng nước non nhà, chén hội-ngộ nay mai ta sẽ chuốc ; rày đã chen chân vòng thế-cục, bốn phương trời là chí nam-nhi ; hợp tan tan hợp sá gì !

Tài-hoa là giống đa-tình

Hát nói)

Mới biết trẻ trời là thế thế, giăng lưới tình chỉ để cạm tài-hoa ; đã vương vào khó nỗi gỡ cho ra, rồi mới biết tình đa hay thiều. *Thiên chỉ sinh nhân tình tiện liệu, tình trường tình đoản hữu thùy lân ;* cõi hồng-trần trót đã chen chân, nỡ ngoảnh mặt làm thinh cùng son phấn ; thú hữu-tình kho vô-tận, không tài-hoa chưa dễ đã vui nên ; sinh văn-nhân, trời sinh cả giai-nhân, vì nỗi ấy mối tơ-tình thêm khó gỡ. Quân bắt kiến Kim Kiều thủa nọ, cơn cớ gì vướng nợ ba-sinh ; nghìn thu vị một chữ tình !

Song-an HOÀNG NGỌC-PHÁCH

THỜI-ĐÀM

Quan Lại - bộ Thượng - thư Nguyễn Hữu-Bài (Huế) được Đức Giáo-Hoàng La-mã tặng đệ-nhị-hạng « Phi-ô bội-tinh » (*Commandeur de l'Ordre de Pie IX.*) — Đời người ta có ba cái lưu-truyền mãi-mãi, không bao giờ nát được : một là lập-đức ; hai là lập-công ; hễ công cao mà đức thịnh tức là danh-tiếng để muôn đời vậy.

Nước ta, những bậc huân-thần danh-tướng, những bậc năng-quan lương-lại, hoặc vì chính-tích, hay vì chiến-công mà được ban bội-tinh bảo công-đức của Bản-triều cũng có, hoặc được ban bội-tinh bảo huân-lao của Qui-quốc với ngoại-quốc cũng nhiều. Thế thời thứ bội-tinh Phi-ô của đức Giáo-hoàng La-mã chẳng qua cũng là một thứ ban khen mà thôi, sao phải lục ra đây ? Lục giả này thưa rằng : Lập-công là khó, lập-đức là khó, công-đức mà lập được đã đành rằng khó, nhưng một vị danh-thần sùng-giáo mà gồm kiêm công đức tưởng càng khó lắm ; kiêm công-đức mà tiếng-tăm lừng-lẫy ra ngoài, thời thực lại là thiên-nan vạn-nan vậy. Nước Việt-Nam nhà, là một một nước văn-hiến, kể đã ngàn năm, tai-mắt với doanh-hoàn, nay đã có người vậy. Nay lục ra đây nào có phải là tăng-bốc tướng-công đâu, chỉ là tăng-bốc nhân-vật nước nhà đối với ngoại-quốc mà thôi. Xét những thứ bội-tinh của đức Giáo-hoàng La-mã chế ra có bốn thứ : 1° là Thánh-giá bội-tinh ; 2° là Phi-ô bội-tinh ; 3° là Cơ-lê-oa bội-tinh ; 4° là Si-việt bội-tinh. Trong bốn thứ ấy thời hai thứ bội-tinh Cơ-lê-oa và Si-việt là để thưởng cho những người có đức-hạnh thuần-ý trong tôn-giáo ; mà Thánh-giá bội-tinh là để thưởng cho những người có công-lao tranh lại đất thánh ở Gia-lỗ-tân-lãnh trong năm 1800 ; còn như thứ bội-tinh Phi-ô đệ-nhị-hạng này mặt có đề hai chữ « Công-đức » thời vật-chất và thể-chế khác hẳn với các thứ bội-tinh kia ; ngoài cái bội-tinh lại còn cấp cho phẩm-phục phiêu-kỵ tướng-quân. Thứ bội-tinh này là để ban-thưởng cho những bậc anh-quân hiền-tướng các nước, vốn khâm-sùng tôn-giáo mà ở nước nhà thời gồm kiêm cả công-đức. Xét trong các lịch-sử Đông Tây, người được thứ bội-tinh này thực là hiếm có. Vì hiếm có cho nên qui, vì rằng qui cho nên phải chép ra đây.

Quan đại-thần bộ Lại, Thái-tử thiếu-bảo, Đông-các đại-học-sĩ, Phúc-môn-bá, Nguyễn Tướng-công, là cháu tám đời quan Nguyễn Hữu-Dật là một vị danh-thần Bản-triều xưa, mà lại là tụng-điệt thứ ba quan Nguyễn Hữu-Quỳnh. Nhà Tướng-công đời-đời theo đạo. Ông chú của Tướng-công là ông Hữu-Quỳnh bỏ thân vì đạo ; cho đến Tướng-công trải việc trong ngoài, giúp nước trị dân hơn 30 năm, phẩm lâm đến tiết lớn, xử đến quyền to là đều bởi tự cái tôn-chỉ kính Trời yêu dân mà được ra cả. Đức Hoàng-Thượng có dụ khen Tướng-công là một bậc bày-tôi xã-tắc, thời cái tâm-sự, cái phẩm-vọng của Tướng-công đã rõ-ràng lắm vậy.

Ngày tháng 6 năm 1920, Đức Giáo-hoàng La-mã có dụ-chỉ ban-cấp cho Tướng-công một cái bội-tinh Phi-ô đệ-nhị hạng, và có đủ cả mũ, gươm, phẩm-phục cùng các giấy cấp chỉ.

Khâm độc lời Châu-phê của Đức Hoàng-Thượng ta rằng :

« Trẫm đã rõ biết thứ bội-tinh này là rất « quí cho các nhà đạo-giáo các nước ở châu « Âu, từ xưa đến nay Giáo-hoàng chỉ tặng cho « các bậc đế-vương và các bậc đại-tướng các « nước có công đức thờ đạo mà thôi. Nay « khanh được thứ bội-tinh này, Trẫm lấy làm « mừng lắm. Chuẩn cho khanh được tự-tiện « mang đeo. Khâm-thử ! »

Vậy thời Tướng-công được cái huy-chương đặc-siêu ấy, vinh-qui biết là nhường nào. Tuy-nhiên, lục-giả này trộm có vài lời : người đời xưa, công đã cao mà chưa lấy là cao, đức đã thịnh mà chưa cho là thịnh, tấm lòng kính sợ cố gắng càng thêm, là vì không lấy cái vinh-qui của một mình là vinh-qui, mà lấy cái vinh-qui của quốc-gia xã-hội mới là vinh-qui vậy. Đương lúc quốc-dân ta ở vào thời-đại sinh-tồn cạnh-tranh này, trên có Thánh-quân, sáng-

suốt yêu dân, ngoài có Qui-quốc vỗ-về bảo-hộ, Tướng-công lấy là một nhà thế-thần, noi cái tôn-chỉ vĩ-đại kính Trời yêu dân, đảm-đ ơng cái chức-trách lớn-lao của quốc-gia, ngoài thời việc bang-giao, trong thời việc triều-chính, phong-tục thời cải-lương, giáo-dục thời chỉnh-đốn, việc kinh-tế thời tiến-bộ, việc thuyền-chuyển thời công-bằng, Tướng-công nên vì xã-hội mà lập cái công lớn-lao, thì cái đức rực-rỡ, đề công-đức ấy cùng với cái bội-tinh của Tướng-công cùng muôn đời không mất ngõ-hầu báo-bổ được cái chí-ý của Giáo-hoàng ban-tặng Tướng-công vậy. Nếu ththời lục-giả này xin thắp hương cầu-nguyện.

Nay kính chép vài lời đề chúc mằng Tướng-công.

Đình-nguyên NGUYỄN PHONG-DI
(Huế) *lai-cảo*
(dịch bài nguyên-văn bằng chữ nho)

Hình Phi-ô bội-tinh và phẩm-phục (mũ áo gươm bán của các ngài được thưởng Phi-ô bội tinh.

Tế Nam-giao ở Huế. — Năm nay ở Huế có tế Nam-giao. Tế vào ngày mồng 9 rạng mồng 10 tháng 5 ta (18-19 Mars 1921), đúng 2 giờ rưỡi đêm; chính Hoàng-Thượng đứng chủ-tế. Từ khi Kim-Thượng lên ngôi, lần tế Giao này là lần thứ nhì, lần thứ nhất vào ngày 12-13 tháng 2 ta năm mậu-ngọ (24-25 Mars 1918), cách nay ba năm vậy. Vì lệ tế Giao cứ ba năm cử đại-lễ một lần. Năm nay tế Giao nghi-thức đại-đề cũng như các năm trước. Năm 1918, bản-chí chủ-bút có về chiêm-tế ở Huế, đã từng kỷ-thuật về Giao-tự tường lắm; nay xin trích-lục mấy đoạn về giao-đàn và giao-tế trong bài « *Mười ngày ở Huế* » (N.-P. số 10), như sau này:

I.—Nói về Giao-đàn và Trai-cung ở Huế.

« Giao-đàn ở giữa cánh-đồng, rộng ước bằng hai Văn-miếu Hà-nội. Ngày thường là cái đàn không, không có nhà cửa gì cả; khi tế mới căng vải dựng nhà, tế xong lại triệt đi. Đàn chia làm bốn thành: thành thứ nhất cao hơn cả là *viên-đàn*, thành thứ hai thấp kém là *phương-đàn*, thành thứ ba thấp kém nữa, đến thành thứ tư là khoảng đất bao chung quanh, bằng với mặt đất ngoài, trông toàn thông cả. Khi tế thì chỉ trần-thiết trong ba đàn thứ nhất thứ nhì thứ ba mà thôi. Đàn thứ nhất là viên-đàn thời căng vải xanh khắp cả làm thành cái nhà tròn, gọi là *thanh-ốc*, trong bày như sau này: ở giữa đặt hai án chính-vị, tả thờ Thiên-hoàng (Trời), hữu thờ Địa-hoàng (Đất), đều quay mặt về phía Nam. Ở hai bên thời tả-hữu mỗi bên đặt ba án phối-vị, đông tây đối nhau. Tả-nhất-án thờ đức Thái-tổ Gia-dũ Hoàng-đế (tức là đức Nguyễn Hoàng, tổ bản-triều); hữu-nhất-án thờ đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế (tức là đức Gia-long); tả-nhị-án thờ đức Thánh-tổ Nhân Hoàng-đế (tức là đức Minh-mạnh); hữu-nhị-án thờ đực Hiến-tổ Chương Hoàng-đế (tức là đức Thiệu-trị); tả tam-án thờ đức Dực-tôn Anh Hoàng-đế (tức là đức Tự-đức); hữu tam-án thờ đức Cảnh-tôn Thuần Hoàng-đế (tức là đức Đồng-khánh). Đức Đồng-khánh mới thăng-phối năm 1918. Năm nay thời thăng-phối Đức Kiến-phước, vào tả-tứ-án. Trước bấy nhiêu án đã kể tên đó, mỗi án có đặt năm cái bàn-độc để bày những đồ tự-khí tế-phẩm. Ở trước chính-vị, ngay giữa, đặt một cái nội-hương-án, trước nội-hương-án là chỗ Hoàng-thượng đứng làm lễ. Ấy đại-khái trong thành thứ nhất trần-thiết như thế.

« Thành thứ nhì thời ở trước viên-đàn về mặt nam dựng một cái nhà vuông căng vải vàng gọi là *hoàng-ốc*. Ở chính giữa hoàng-ốc đặt một cái ngoại-hương-án (đối với nội-hương-án ở đàn trên), trước án đặt chỗ ngự-bái để Hoàng-thượng đứng lễ. Hai bên tả-hữu thành thứ nhì đặt tám cái án gọi là *tùng-đàn*, đông tây đối nhau. Trên đàn bắc khung căng vải, mỗi án đặt ba cái bàn-độc để bày đồ tự-khí tế-phẩm, trước án đặt chỗ để các quan phân-hiến đứng tế. Tả-nhất án thờ Đại-minh-chi-thần (Mặt Trời); hữu-nhất-án thờ Dạ-minh-chi-thần (Mặt Trăng); tả-nhị-án thờ Chu-thiên-tinh-tú-chi-thần (các vì sao trên trời); hữu-nhị-án thờ Sơn-hải-giang-trạch-chi-thần (mây mưa gió sấm); hữu-tam-án thờ Khưu-lăng-phần-diễn-chi-thần (gò đống đồng điền); tả-tứ-án thờ Thái-tuế-nguyệt tường-chi-thần (thần các năm các tháng); hữu-tứ-án thờ Thiên-hạ-thần-kỳ-chi-thần (bách-thần trong nước).

« Thành thứ ba góc đông-nam đặt nơi *liệu-sở*, trử sẵn củi bằng gỗ tùng để khi tế đốt lửa làm đình-liệu; góc tây-bắc đặt nơi *ế-sở* là chỗ đem chôn mao-huyết những con sinh-vật dâng tế. Trước mỗi sở có đặt cái bàn độc, che tán lọng. Về phía đông lại đặt nhà *đại-thứ*, căng vải vàng, để làm chỗ khi Hoàng-thượng ngự tới Giao-đàn vào nghỉ đấy, rửa tay, sửa áo, rồi mới lên làm lễ. Về phía nam, ngay ở sân dưới thềm, hai bên bày các đồ nhạc-khí. Ngoài những trống, chuông, chiêng, khánh là đồ thường, còn có nhiều các đồ cổ-nhạc lạ lắm. Nhất là có một cái trống bằng gỗ, hình như cái hòm hồng mặt trên, khi nào bắt đầu một khúc hát thời đánh vào đấy một hồi: gọi là cái *chúc* 柷. Lại có cái *ngữ* 敔, hình con hổ nằm trên cái rương lưng thủng đặt mười tám miếng gỗ ken liền với nhau, khi hát xong một khúc lấy cái que siết vào thành tiếng quẹt-quẹt. Những đồ cổ-nhạc ấy không ra thanh-âm gì cả: ý-giả chế ra đó để cho hợp cổ-lễ mà thôi. Lại có thứ như đàn *cầm* đàn *sắt* lớn, cái sáo *bài-tiêu*, chỉ bày mà khi tế không dùng đến. Cạnh những đồ nhạc-khí thời phường nhạc phường hát sắp hàng đứng hai bên. Phường hát tức là phường múa, vừa hát vừa múa, theo lối gọi là múa *bát-dật*. Cả thảy có 120 người, chia làm hai ban *văn-sinh* và *võ-sinh*, mỗi ban 64 người, có một thầy đội bát-phẩm coi, bên văn là hiệu cờ *mao*, bên vũ là hiệu cờ *tinh*. Văn-sinh võ-sinh đều mặc áo xanh, nhưng bên văn thời tay áo rộng, bên võ thời tay áo hẹp. Văn-sinh tay trái cầm cái *thược* (cái sáo), tay phải cầm cái *vũ* (cái gậy); võ-sinh tay trái cầm cái *can* (cái mộc), tay phải cầm cái *thích* (cái búa). Khi tế thời vừa múa vừa hát, sắp làm 8 hàng 8 người một

bên võ hát khúc *Võ thiên-ưy*, bên văn hát khúc *Văn-thiên-đức*.

« Xét kỹ những tế-khí bầy trên các bàn-độc cũng là thuần cổ cả. Thường đọc trong sách cũ thấy những tên cái *tôn*, cái *tước*, cái *biên*, cái *đậu*, cái *phủ*, cái *qui*, nay mới được trông cái thời tròn, cái thời vuông, cái thời cao, cái thời thấp hình dáng rất lạ. Những đồ ấy dùng để đựng các thứ nước, rượu, thóc gạo, hoa quả, rau rưa, thịt cá, mỗi thứ một ít, để dâng tế thần. Lại cây đèn, bộ đỉnh, cái ống hương, cái mâm bồng, cái đài, cái chén, không gì là không có cái vẻ cổ-lỗ và mộc-mạc.

« Tôi muốn về Kinh để xem phong-thể cũ nước nhà, nay thật được thỏa thích. Nội trong Giao-đàn không có một đồ vật gì là không cũ : những người hành-động trong ấy, ăn-bận mũ-áo xưa, trông cũng rất là cổ. Khi mặt trời đã xế, một mình đứng giữa đàn rộng mênh-mông, mơ-màng tưởng như tinh-thần đương mộng - du ở một nơi thế - giới nào khác, tự mười - lăm hai - mươi thế-kỷ về trước, ở đâu nơi triều-đình nhà Hán hay cung-điện nhà Đường vậy. Người đời tàu bay tàu lặn mà trong giây phút được nhác trông một cái cảnh-tượng đời thượng-cổ như thế, còn gì khoái-lạc bằng !

« Xem xong Giao-đàn, đến Trai-cung là nơi Hoàng-thượng ra trai-giới ở đấy một ngày trước khi hành-lễ. Cung ở ngoài đàn, xa-xa về bên hữu ; chung quanh xây tường. Trong cung có hai mặt : mặt trước về hướng nam có cái sân rộng, là chỗ Hoàng-thượng ngự để bách-quan triều-yết và làm lễ mừng sau khi tế xong. Mặt sau có buồng the, giường-sập, bàn-ghế, mùng-màn để làm chỗ Hoàng-thượng nghỉ-ngơi. Sau cung có hai bên tả-lang hữu lang để thị-vệ túc-trực. Bốn bề đều trồng rặt những cây tùng, ùm-tum rậm-rạp. Những cây gần cung là phần nhiều của Liệt-Thánh đời xưa trồng, lắm cây đã cao và to lắm. Ra ngoài một ít là những cây của các Hoàng-thân Vương-công trồng. Còn ngoài xa là cây của các quan đại-thần. Người nào trồng đều có cái biển đã khắc tên hàm cùng năm tháng, buộc vào cái vòng bằng sắt treo lên cây. Nhìn qua một lượt mà sực nhớ đến bao nhiêu những bậc danh-thần đại-công của Triều-đình ta người thời mất đã lâu dựng nên công-nghiệp lớn cho nước nhà, người thời mới mất tiếng thơm còn lừng-lẫy trong châu-quận, người thời hãy còn hoặc đương giúp Thánh-triều, hoặc đã về hưu nơi cố-quận, thanh-giả kẻ khen người trọng. Cũng là một cách kỷ-niệm rất có ý-nghĩa vậy. Đại-để ngày nay những cây to đến một ôm, cao đến ngất trời, là những cây gieo hạt từ đời Gia, Minh, Thiệu, Trị vậy. Khoảng đất ở sau cung là những cây tùng mới trồng, mới cao được độ một thước hay hơn một thước ta, nhìn biển xem thời là những cây của các bậc đường- quan ngày nay từ tứ-phẩm trở lên vậy.... »

II. — Nói về nghi-thức và ý-nghĩa tế Giao.

«...Lúc bấy giờ đương đêm, trong Giao-đàn có cái vẻ nghiêm-tĩnh vô-cùng, như trước khi sắp xảy ra một sự gì rất quan-trọng, ai nấy đều ngóng trông. Không có tiếng người nói, không có tiếng dế kêu. Chỉ chốc chốc nghe thấy tiếng lung-linh như những tiếng đồng nhỏ đập vào nhau : ngảnh lại thời là một ông quan mặc triều - phục, đeo ngọc - bội làm bằng những miếng đồng buộc với nhau (vua thì ngọc thật), lúc đi đập vào chân mà thành tiếng. Người ấy, cảnh ấy, thời-khắc ấy, khí-vị ấy, lại thêm bốn bề đuốc đốt rực trời, ngoài xa rừng thông mù-mịt, bút nào mà tả cho được cái cảnh-tượng mơ-màng như trong thơ trong mộng đời cổ xưa vậy ?

« Đúng 2 giờ 40 phút thời ngự-giá từ Trai-cung ra Giao-đàn. Do cửa bên hữu vào, xuống xe, tiến đến nhà Đại-thứ. Tôi đứng đệ-nhị-đàn trông rõ lắm. Hoàng-thượng đội mũ *miện*, mặc áo *cổn* tay cầm ngọc *chấn-khuê* (tức là cái hốt bằng ngọc), có hai ông quan võ cầm quạt lông che, bốn ông cầm đèn lồng, cầm nến, rồi mấy ông đi theo nữa. Ngài ngự vào nhà đại-thứ làm lễ quán-tẩy (rửa tay). Bấy giờ quan cung-đạo tức là quan Lễ-bộ qui tâu rước ngài lên nhà hoàng-ốc. Trống chuông nổi lên, Hoàng-thượng tiến vào đứng trước ngoại-hương-án. Phàm các lễ-tiết là do những quan nội-tán xướng tâu, Hoàng-thượng cứ y lời mà hành lễ. Lại có những quan thông-tán

truyền-tán xướng to lên để các quan bồi-tự ở ngoài cùng các quan phân-hiến ở các tùng-đàn cũng theo mà làm lễ. Vậy mỗi tiết kề sau này là có lời xướng cả. Bấy giờ nghe xướng: « *Phần sài* ! *Ế mao-huyết* ! » nghĩa là đốt lửa hui trâu, và chôn lông máu, thì trông thấy ở góc đàn thứ ba lửa cháy lên ngùn-ngụt. — Hoàng-thượng lễ bốn lạy ở trước ngoại hương-án gọi là lễ « nghênh-thần. » Ngoài sân phường ca hát khúc *An-thành*, vừa múa, vừa hát. Đương đêm thanh vắng, hơn một trăm con người đồng-thanh hát lên, nghe rất là cảm-động, tưởng thấu đến tận trời cao đất thẳm, mà xa đưa tới đứng Thiên-hoàng Địa-kỳ cái tấm lòng thành của cả một dân một nước. Những khúc hát đó bằng chữ nho cả, đứng xa chỉ nghe thấy tiếng *hề* ! ở cuối câu: *ế... hề, hêêề* !..., giọng rung-rinh cho hợp với điệu múa. — Hát xong, phụng Hoàng-thượng lên viên-đàn làm lễ « điện ngọc-bạch » (dâng ngọc lụa). Tấu khúc *Triệu-thành*, cũng hát múa như trên kia. Rồi làm lễ « tiến-trở » (dâng cái mâm con trâu thui). Tấu khúc *Tiến-thành*. — Lại phụng Hoàng-thượng lên trước chỗ chính-hiến, làm lễ « sơ-hiến » (dâng rượu lần thứ nhất). Tấu khúc *Mĩ-thành*. Phường bát-dật múa dưới sân bằng cái *can*, cái *thích*, theo điệu võ. — Phụng Hoàng-thượng qui, quan tư-chúc đọc bài chúc-văn. Đọc xong Hoàng-thượng về nơi bái-vị. — Bấy giờ các quan phân-hiến mới lên các tùng-đàn, đứng trước tâm án ở hai bên đông tây qui làm lễ « hiến-bạch » (dâng lụa) và « hiến tước » (dâng rượu) — Lại phụng Hoàng-thượng lên trước chỗ chính-hiến, làm lễ « á-hiến » (dâng rượu lần thứ hai). Tấu khúc *Thụy-thành*. Phường bát-dật múa bằng cái *vũ* cái *thược*, theo điệu văn. — Kế sau làm lễ « chung-hiến » (dâng rượu lần sau cùng). Tấu Khúc *Vĩnh-thành*.—Đàn nhạc dứt tiếng, phường múa lui về. Phụng Hoàng-thượng lên trước chỗ ẩm-phúc, làm lễ « ẩm-phúc » và « thụ-tộ » nghĩa là uống chén rượu cúng, nhận miếng thịt cúng. Thế là lễ thành. Các quan làm lễ « triệt-soạn », nghĩa là cất những đồ cúng xuống. Tấu khúc *Nguyên-thành*. — Phụng Hoàng-thượng xuống đàn. Đến trước ngoại hương-án ở đệ-nhị thành, Hoàng-thượng lễ bốn lạy để tống-thần. Tấu khúc *Hi-thành*. — Phụng Hoàng-thượng ra chỗ vọng-liệu để xem đốt tờ chúc-văn cùng các đồ bạch-soạn. Tấu khúc *Hựu-thành*. — Lại phụng Hoàng-thượng về chỗ bái-vị. Lễ xong quan Cung-đạo đưa Hoàng-thượng lự trên đệ-nhị thành xuống cửa nam, ra cửa bên tả, rồi mới Ngài lên loan-giá về Trai-cung. Ra đến cửa tây đàn, tấu khúc *Khánh-thành*. Nghe đâu khúc này là bọn đồng-ấu hát, nên nghe hay lắm. Tiếng thanh-thanh, xa-xa, vang-vẳng như trên cung trăng hát khúc Quảng-hàn vậy. Rõ ra cái giọng vui-vẻ tơi-bời, mừng rằng đại-lễ đã thành, Thánh-chúa đã làm trọn cái thiên-chức đối với Trời, đối với dân, mà từ nay nhờ đức trên phúc Trời sẽ giáng cho lũ dân Nam-Việt vậy.

« Bấy giờ ước bốn giờ rưỡi sáng. Từ khi khai tế cho đến khi tế xong, cả thảy hai giờ đồng hồ.

« Trên kể đó là nói đại-khái mà thôi. Còn như lễ-vật nhiều ít thế nào, mũ áo khác nhau thế nào, cùng các quan bồi-tự khi lên khi xuống thế nào, ca-công nhạc-công khi tấu khi dứt thế nào, thì phiền-tế lắm, không thể thuật hết được.

« Buổi sáng hôm ấy có triều-yết trong Trai-cung, nhưng người ngoài không được vào xem. Nghe nói Hoàng-thượng khi ở Giao-đàn về nghỉ-ngơi, rồi thay khăn vàng áo vàng, ngự lên ngai để các quan văn-võ làm lễ khánh-thành ở trước sân Trai-cung. Lễ xong, ông Quản-vệ bày loan-giá, phụng Hoàng-thượng lên ngồi, rước về cung, nghi-vệ cũng y như khi đi. Chỉ khác trống chuông đều đánh, quân-nhạc, nhã-nhạc đều cử, là có ý khi đi chưa làm lễ chủ lấy nghiêm, khi về lễ đã thành chủ lấy vui vậy. Hai bên đường các kỳ-lão qui-tổng ở cạnh hương-án. Cảnh-tượng không khác gì ngày hôm trước. Giá-hồi cũng do cửa Đông-nam vào thành. Đến cửa Ngọ-môn quan Kinh-thủ đã đứng sẵn ở bên hữu để đón. Phụng-giá đến cửa Đại-cung-môn, do cửa giữa vào. Ngoài thành bắn chín tiếng súng mừng. Rồi phụng ngự vào điện Văn-minh, lên ngai ngồi. Quan Kinh-thủ bước vào làm lễ « phục mệnh », phụng nạp cờ bài rồi ra,

Hoàng-thượng bấy giờ tiến vào trong Nội. Quan Thị-vệ mang phần rượu *phúc* thịt *tộ* đi theo sau...

« Thế là tế Nam Giao xong vậy.

« Lấy cái tư-tưởng mới mà xét thì có người cho những sự tế-lễ ấy là phiền. Nhưng bất-luận rằng việc tế-tự có quan-hệ với cái thể-thống trong nước thế nào, phải sinh-trưởng ở nơi không có những sự phiền như thế mới biết rằng trong cái phiền ấy có một cái thú đặc-biệt, một cái nghĩa thâm-trầm. Tôi nói đây là lấy cái phương-diện nhà hiếu-cổ, nhà ái-quốc mà thôi. Theo phương-diện ấy thời phàm cái hình-thức gì có biểu được cái hồn xưa của tổ-quốc, dù phiền-phức đến đâu cũng không nên bỏ. Bỏ một cái, bỏ mười cái, là xóa mất cái hình-ảnh nước nhà trong con mắt bọn hậu-sinh vậy. Tôi thiết-tưởng ngày nay có nhiều nhà thiếu-niên đọc Nam-sử khao-khát muốn được trông cái vết-tích nước Nam ngày xưa thế nào mà khổ vì không tìm đâu thấy; như thế thời cái cảm-tình với nước được bao lâu mà chẳng tiêu mòn đi? Ở đời cấp-tiến này, người ta chỉ biết lấy cái chủ-nghĩa quyền-lợi mà đối-đãi nhau, nếu thời-hồ không có dịp nào để biểu cái nghĩa liên-lạc của người một dân một nước thời mấy nỗi mà đến quên nhà quên nước vậy!

« Trong Giao-tự thực là có ngụ một cái nghĩa sâu ở đó. Tuy là do cái học-thuyết đã cổ lắm mà không phải là không hợp-thời. Theo học-thuyết ấy thời Vua là con Trời mà là cha mẹ dân. Vua phải thuận mệnh Trời, lại phải mưu sự hạnh-phúc cho dân. Như thế thời Vua vừa có trách-nhiệm đối với Trời, lại vừa có trách-nhiệm đối với dân nữa, nhưng hai trách-nhiệm ấy cũng tức là một, vì cái thiên-chức của vua là phải làm cho dân được sung-sướng, dân được sung-sướng tức là thuận mệnh Trời. Tế Giao là vua thay mặt con dân mà cầu Trời giáng phúc cho dân. Vậy trong tế Giao có ba bậc: trên là Trời, giữa là Vua, dưới là dân, ba bậc rất là liên-lạc với nhau, không thể dời nhau được. Trời đất là nguồn gốc của muôn giống, dân phải nhờ Trời che đất chở mới sống được. Nhưng dân không thể trực-tiếp mà cầu phúc ở Trời; phải có một người đứng giữa, một người giới-thiệu, người cao hơn cả muôn dân, thay mặt dân mà cầu Trời mới được. Người ấy là ai? Là Thiên-tử, là con Trời, là Vua vậy. Ấy cái nghĩa thần-bí của tế Giao là thế. Vậy thì vua tế Giao là biểu cái lòng tôn-kính với Trời và biểu cái tình thân-ái với dân. Thân làm chúa-tể trong nước mà kỉnh-trọng khúm-núm dưới thềm, vái lạy cái hình-ảnh thiêng-liêng ở trên bàn-thờ kia là vì ai? Vì dân vậy, vì lũ lê-thứ minh có cái trách-nhiệm phải chăn-nuôi, phải coi-sóc vậy. Như thế thì Giao-tự cũng có quan-hệ với chính-trị, vì nhân đấy mà cái giây thân-mật nó buộc vua với dân, buộc người dân với nhau lại càng bền càng mạnh thêm ra. Ba năm một lần tế Giao tức là ba năm lại một lần vua trịnh-trọng ra tuyên-cáo với Trời Đất, với tổ-tiên, với sông núi rằng cái hồn trong nước vẫn còn mạnh, vẫn còn bền, vẫn còn tinh-tao vậy. Chớ nên cho những lời thuyết-lý về tôn-giáo đó là viển-vông, vì thử xét cả các tôn-giáo trong thế-giới có đạo nào là không có một phần viển-vông như thế không? Nhưng trong phần viển-vông của cái đạo thờ Trời ở nước ta có một nghĩa thiết-thực ở đấy, như ta đã giải trên kia, và có quan-hệ đến chính-thể xã-hội nước ta. Bởi thế nên tuy bề hình-thức có phiền, mà cái tinh-thần rất nên phải giữ vậy.

« Ấy là lấy con mắt nhà triết-học mà giải nghĩa Giao thời Giao có cái nghĩa như thế. Nếu lại lấy con mắt nhà mĩ-học, nhà thi-nhân mà xét Giao thời Giao thực là một cảnh-tượng rất đẹp, rất trang-nghiêm của cái Việt-Nam-cổ-quốc này. Không những con mắt người mình xem ra thế, mà nhất là con mắt người ngoại-quốc lại càng phục lắm. Bao nhiêu những tay văn-sĩ Pháp đã ở qua xứ này, đã từng được xem tế Giao, sau thuật lại ra văn ra thơ cũng đều lấy làm một cái cảnh tuyệt-diệu. Tôi còn nhớ khi xưa có đọc bài tả-cảnh tế Giao của một bà nữ-sĩ Pháp, lời văn rất cảm-động và rất lý-thú. Bà nói cái cảnh Giao-đàn ban đêm như cảnh trong mộng, đèn thắp trong đàn thành từng giẫy gióc giẫy ngang, trông xa như một chữ triện lớn viết bằng những nét chấm sáng mà cheo lửng-chừng trời; tiếng đàn tiếng sáo thì như tiếng nước chảy suối reo, tiếng xướng tiếng hát thì như tiếng thiên-thần địa-quỉ reo-hò ở bãi bể... Cái tư-tưởng của các bậc đế-vương ngày xưa đặt ra nghi-tiết lễ Giao cũng đã ly-kỳ lắm mới gây nên một cái cảnh huyền-diệu như thế!...»

Việc lập trường học ở các làng. — Gần đây, các làng-xã ở Bắc-kỳ thi nhau lập trường học, thật là một việc hay lắm. Ngày 17 tháng ba tây, ở Sơn-tây khánh-thành hai trường làng Sơn-lộ và làng Cù-sơn-trung, thuộc phủ Quốc-oai. Lại ngày 28 vừa rồi khánh-thành trường làng Thường xuyên, huyện Phú-xuyên, tỉnh Hà-đông. Trường này là của người làng ấy, ông VŨ-MINH-CHÂU, là một nhà thầu-khoán có tiếng ở Hà nội, tư-xuất gia-sí mà sáng-lập ra; nghe đâu tốn đến hơn 2200 đồng. Chánh-phủ cũng có giúp: Quan lĩnh Hà-đông cấp cho hơn 1000 đồng để sửa đắp con đường cái quan đi thẳng vào nhà trường; quan Học-chánh Bắc-kỳ phái cho một viên Giáo-sư ăn lương Nhà-nước. Bữa khánh-thành quan tỉnh Hà-đông và quan Học-chánh đều có đến chứng-kiến cả.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

I

Địa-cầu vạn-vật luận (*Histoire naturelle*). *Động-vật* (*Zoologie*). Cố THỊNH (FR. CHAIZE). Địa-phận Tây đàng ngoài đã dọn. — Imprimerie de Nazareth, Hongkong, 1920. — 212 trang. Bán tại Sở-kiện, giá 0 p.50 một quyển.

Cố THỊNH năm ngoái đã xuất-bản hai quyển « Nhân-loại » và « Thực-vật », năm nay lại mới tục một quyển « Động-vật », còn quyển « Khoáng-vật » hiện đương in, thế là trọn bộ *Địa-cầu vạn-vật luận*. Sách này làm theo lối sách giáo-khoa, cho học-trò học, phân chương-tiết loại-mục rất rõ-ràng, lời văn giản-dị, lại có vẽ hình, có câu hỏi, đàng sau phụ thêm một tập từ-vựng « dịch ra tiếng Pháp các tên động-vật và ít nhiều tiếng lạ đã dùng trong sách », thật là một bộ sách có ích-lợi cho các ông giáo và các học-trò trị về khoa bác-vật-học. Hiện nay ở nước ta những sách giáo-khoa tốt còn hiếm có lắm, mỗi lần xuất-bản được một quyển hay, soạn-dịch cẩn-thận như sách của cố THỊNH đây, không những các học-trò nên mua mà học cho tiện, người thường cũng nên đọc để rộng thêm cái phổ-thông tri-thức rất cần ở đời này.

II

Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin. — Année 1920. — Hanoi, Imprimerie Tonkinoise, 1921. (Giá bán 0 p. 30).

Hội Tri-tri Hà-nội từ năm ngoái đến giờ xem ra có khởi-sắc hơn trước nhiều. Từ tháng tám tây năm ngoái, Hội mở ra một cuộc diễn-thuyết buổi tối, mỗi tháng hai lần, người nghe đông lắm. Lại định in một tập « tùng-báo » của Hội, để lược-thuật các bài diễn-thuyết, đăng những bài văn-chương khảo-cứu của các hội-viên soạn ra, và những công việc của Hội. Tập « tùng-báo » ấy đề là *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, định ba tháng ra một lần, mỗi năm bốn quyển, giá mua đồng-niên là hai đồng (2$00.) Nay mới xuất-bản một quyển đầu gồm cả năm 1920; từ năm nay trở đi mới định ra theo lệ.

Tập báo này biên-tập bằng Pháp-văn, chủ-nhiệm việc biên-tập là ông NGUYỄN VĂN-TỐ, tham-tá ở trường Viễn-đông Bác-cổ, có châu hội-viên trị-sự Hội. Ông Tố là một tay tây-học tinh-thông lắm, lại tòng-sự ở một nơi sách-vở rất nhiều, nên các bài soạn-thuật thật là đích-đáng, khảo-cứu đến nơi đến chốn, lời văn chải-chuốt rõ-ràng. Trong bài tựa ông nói rằng mục-đích tập tùng-báo của Hội Tri-tri này không những là để đăng các bài diễn-thuyết và luận-thuyết của hội-viên, lại muốn để giới-thiệu cùng bình-phẩm các sách mới có ích-lợi cho học-giới nước ta. Nhân ông phán-đoán mấy câu về sự bình-phẩm sách, lời lẽ xác-đáng lắm, xin lược-dịch ra đây để độc-giả đồng-lãm, vì trong quốc-dân ta có nhiều người còn ngộ-nhận cái chức-vụ của nhà bình-phẩm, cho khen chê là ở lòng yêu ghét riêng, không phải vì lẽ công-bình. Ông Tố nói rằng:

«Sự bình-phẩm sách, người nước ta không ưa. Phần nhiều đồng-bào ta không hiểu cái chức-vụ của nhà bình-phẩm và thường lầm lối « cảm-giác phê-bình » (*critique impressionniste*) với lối « khoa-học phê-bình » (*critique scientifique*). Nhiều người cho nhà bình-phẩm là một kẻ đố-kỵ, tự mình không làm được gì, thấy người làm sách đem lòng ghen ghét; không thời cũng là người xét-đoán thiên-lệch, vì tính-chất và cái thị-hiếu riêng của mình nó bó-buộc, hễ thấy cái gì mình không ưa thời nhất-thiết bài-bác

cả. Ý-kiến ấy có lẽ đối với lối «cảm-giác phê-bình» thời có phần đúng, mà đối với lối «khoa-học phê-bình» thời thật là sai. Sự học-vấn ngày nay càng ngày càng coi như cái kết-quả của công-phu nhiều người. Đời bây giờ không phải là đời người học-giả có thể tự-cao đứng đặc-biệt một mình mà xướng ra những học-thuyết cao-kỳ không cần đối-chiếu xem có hợp với sự-thực không, miễn là phô-diễn ra lời văn sán-lạn thời thôi. Các nhà làm sách nước Pháp có trí thông-hiểu hơn, biết rằng trong sự học cốt nhất là phải sưu-tập lấy nhiều sự-thực, nghiên-cứu khắp các phương-diện, rồi cái triết-lý tự-khắc nó suy-diễn ra. Muốn sưu-tập nghiên-cứu như vậy thời cần phải có nhiều người ra công học-tập, người nọ giám-đốc lẫn người kia, ai sai-lầm chỗ nào thời chỉ-trích ra, ai phát-minh điều gì thời tuyên-bố lên. Như vậy thời mỗi người vừa là nhà làm sách, vừa là nhà bình-phẩm, và sự bình-phẩm như thế tức là một cách giúp cho đường học-vấn mỗi ngày một tấn-tới vậy. » (1)

Tập tùng-báo thứ nhất này có những bài như sau này : 1) Kỹ-thuật và bình-luận về các bài diễn-thuyết ở Hội Nguyễn Văn-Tố soạn. Từ tháng tám đến tháng chạp tây năm 1920, có bảy phiên diễn-thuyết : phiên thứ nhất là quan Thượng Thân Trọng-Huề giảng về bài *Sãi vãi*; phiên thứ nhì ông Phạm Quỳnh giảng về truyện *Kim-Vân-Kiều*; phiên thứ ba ông Trần Trọng-Kim giảng về sự-tích Khổng Phu-Tử; phiên thứ tư ông Nguyễn Văn-Vĩnh giảng về vấn-đề cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ ; phiên thứ năm ông Nguyễn Bá-Trác giảng về sự học chữ nho; phiên thứ sáu ông Nguyễn Văn-Tuyên giảng về địa-dư và lịch-sử Bắc-kỳ ; phiên thứ bảy quan Docteur Asselin giảng về bệnh lậu và bệnh dương-mai; sáu bài trên giảng bằng tiếng ta, bài thứ bảy giảng bằng tiếng Pháp); — lại phụ-lục bài *Sãi Vãi* vừa nguyên-văn quốc-ngữ vừa dịch-bản chữ Pháp của ông Chéon dịch tự năm xưa và bài báo-cáo của ông Giáo trưởng Bắc-cổ Noel Peri về vấn-đề hán-học và khóa thi hội năm 1910; — 2) Bài của ông Đào Trọng-Đủ về cách dùng phép số-học Thái-Tây để giải phép tính của Hán-văn đời xưa ; — 3) Bài của ông Nguyễn Văn-Tố khảo về các sách cùng bài của người Tây người Nam nói về Nam-sử; — 4) Tạp-trở trích lục các thi văn bằng chữ Pháp; — 5) Giới thiệu sách mới ; — 6) Kỷ yếu các việc Hội Trí tri trong năm 1920.

Bản-chí có lời khen Hội Trí-tri đã xuất-bản được một tập báo hay và khen riêng ông Nguyễn Văn-Tố đã chịu khó biên-tập.

---

(1) « La critique n'est pas aimée chez nous. La plupart de nos compatriotes n'en comprennent pas bien le rôle et sont portés à confondre la critique artistique et littéraire (*tức gọi thông là « critique impressionniste »* = cảm-giác phê-bình) avec la critique scientifique. Pour beaucoup, le critique est ou un envieux ou un esprit chagrin, ou tout au moins un juge partial, voué par son tempérament et par ses préfilections au dénigrement systématique de ce qu'il ne peut goûter. Ce qu'il peut y avoir de vrai dans cette opinion appliquée à la critique esthétique ne saurait convenir à la critique scientifique. La science est déjà et tend de plus en plus à être envisagée comme le résultat d'efforts collectifs. Le temps n'est plus où l'on mettait sa gloire à formuler isolément de grandes théories originales que l'on s'inquiétait peu au fond de mettre d'accord avec la réalité, pourvu qu'elles fussent brillantes et éloquemment exposées. Mieux avisés, des auteurs français veulent que la philosophie se dégage en quelque sorte d'elle-même de l'ensemble des faits, soigneusement recueillis et étudiés sous toutes leurs faces. Or, pour mener à bien un pareil labeur, ce n'est pas trop d'une armée de travailleurs se surveillant réciproquement et se signalant les uns aux autres ses erreurs commises et les vérités obtenues. Chacun devient ainsi tour à tour auteur et critique, et la critique nous apparaît elle-même une collaboration incessante à la grande œuvre du progrès scientifique. » (*Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin, Avant-propos,*)

Đại-Nam Hoàng-đế Ngự-dung

(Bức ảnh này là ông chủ hiệu ảnh Hương-ký hồi về Kinh cung-chiêm tế Giao được đặc-cách vào chụp lúc Ngài ngự điện Thái-hòa. Hiệu Hương-ký chỉ để riêng cho bản-chí in mà thôi)